

2. CHƯƠNG PĀRĀJIKĀ

(Ở đây, bốn điều *Pārājika* này được đưa ra đọc tụng)

2.1. ĐIỀU PĀRĀJIKĀ THỨ NHẤT

1. Vào lúc bấy giờ, ở không xa thành Vesālī, có ngôi làng tên là Kalanda. Ở nơi ấy, có người con trai nhà đại phú tên là Sudinna Kalandaputta. Khi ấy, Sudinna Kalandaputta đã đi đến Vesālī cùng với nhiều người bạn vì công việc cần làm nào đó. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn được vây quanh bởi hội chúng đông đảo, đang ngồi thuyết giảng giáo pháp.

2. Sudinna Kalandaputta đã nhìn thấy đức Thế Tôn được vây quanh bởi hội chúng đông đảo, đang ngồi thuyết giảng giáo pháp. Sau khi nhìn thấy, anh ta đã khởi ý điều này:¹ “Hay là ta cũng nên nghe pháp?” Khi ấy, Sudinna Kalandaputta đã đi đến gần hội chúng ấy, sau khi đến đã ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Sudinna Kalandaputta đã khởi ý điều này: “Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì việc này không phải là dễ làm đối với người đang sống ở gia đình để thực hành Phạm hạnh một cách đầy đủ trọn vẹn, hoàn toàn thanh tịnh như vò ốc được cạo sạch. Hay là ta nên cạo bỏ râu tóc, khoác lên các y màu ca-sa, rời nhà xuất gia, sống không nhà?”

3. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, hội chúng ấy đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh và ra đi.

4. Sau đó, khi hội chúng đã đứng dậy không bao lâu, Sudinna Kalandaputta đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Sudinna Kalandaputta đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, theo như con hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì việc này không phải là việc dễ làm đối với người đang sống ở gia đình để thực hành Phạm hạnh một cách đầy đủ trọn vẹn, hoàn toàn thanh tịnh như vò ốc được cạo sạch. Bạch Ngài, con muốn cạo bỏ râu tóc, khoác lên các y màu ca-sa, rời nhà xuất gia, sống không nhà. Xin đức Thế Tôn hãy [làm lễ] xuất gia cho con.

– Nay Sudinna, vậy người đã được mẹ và cha cho phép về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà chưa?

¹ Dịch sát từ sẽ là “Sau khi nhìn thấy, điều này đã khởi đến anh ta: ...”

– Bạch Ngài, con chưa được mẹ và cha cho phép về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà.

– Nay Sudinna, các đức Như Lai không [làm lễ] xuất gia cho người con trai chưa được mẹ và cha cho phép.

– Bạch Ngài, bằng cách nào khiến mẹ và cha sẽ cho phép con về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà thì con đây sẽ làm theo cách ấy.

5. Sau đó, khi đã hoàn tất công việc cần làm ấy ở Vesālī, Sudinna Kalandaputta đã đi về lại làng Kalanda đến gặp mẹ và cha, sau khi đến đã nói với mẹ và cha điều này:

– Mẹ và cha à! Theo như con hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì việc này không phải là việc dễ làm đối với người đang sống ở gia đình để thực hành Phạm hạnh một cách đầy đủ trọn vẹn, hoàn toàn thanh tịnh như vỏ ốc được cạo sạch. Con muốn cạo bỏ râu tóc, khoác lên các y màu ca-sa, rời nhà xuất gia, sống không nhà. Hãy cho phép con về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà.

Khi được nói như thế, mẹ và cha của Sudinna Kalandaputta đã nói với Sudinna Kalandaputta điều này:

– Nay Sudinna thương! Con chính là con trai một, yêu dấu, quý mến của mẹ và cha, được lớn lên trong sung sướng và được chăm sóc cẩn thận. Nay Sudinna thương! Con không biết bất cứ điều gì về khổ đau. Chỉ có sự chết thì mẹ và cha đành phải xa con một cách miễn cưỡng, làm sao trong lúc con đang còn sống, mẹ và cha lại cho phép con về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà được?

6. Đến lần thứ nhì, ...(nt)... Đến lần thứ ba, Sudinna Kalandaputta đã nói với mẹ và cha điều này:

– Mẹ và cha à! Theo như con hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì việc này không phải là việc dễ làm đối với người đang sống ở gia đình để thực hành Phạm hạnh một cách đầy đủ trọn vẹn, hoàn toàn thanh tịnh như vỏ ốc được cạo sạch. Con muốn cạo bỏ râu tóc, khoác lên các y màu ca-sa, rời nhà xuất gia, sống không nhà. Hãy cho phép con về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà.

Đến lần thứ ba, mẹ và cha của Sudinna Kalandaputta đã nói với Sudinna Kalandaputta điều này:

– Nay Sudinna thương! Con chính là con trai một, yêu dấu, quý mến của mẹ và cha, được lớn lên trong sung sướng, và được chăm sóc cẩn thận. Nay Sudinna thương! Con không biết bất cứ điều gì về khổ đau. Chỉ có sự chết thì mẹ và cha đành phải xa con một cách miễn cưỡng; làm sao trong lúc con đang còn sống, mẹ và cha lại cho phép con về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà được?

7. Khi ấy, Sudinna Kalandaputta [nghĩ rằng]: “Mẹ và cha không cho phép ta về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà”, rồi đã nằm xuống ngay tại chỗ ấy, ở trên nền đất không có trải lót [nói rằng]:

– Đối với con, hoặc là sẽ xảy ra cái chết ngay tại nơi đây, hoặc là sự xuất gia.

Sau đó, Sudinna Kalandaputta đã không ăn một bữa, đã không ăn hai bữa, đã không ăn ba bữa, đã không ăn bốn bữa, đã không ăn năm bữa, đã không ăn sáu bữa, đã không ăn bảy bữa.

8. Khi ấy, mẹ và cha của Sudinna Kalandaputta đã nói với Sudinna Kalandaputta điều này:

– Này Sudinna thương! Con chính là con trai một, yêu dấu, quý mến của mẹ và cha, được lớn lên trong sung sướng, và được chăm sóc cẩn thận. Này Sudinna thương! Con không biết bất cứ điều gì về khổ đau. Chỉ có sự chết thì mẹ và cha đành phải xa con một cách miễn cưỡng; làm sao trong lúc con đang còn sống, mẹ và cha lại cho phép con về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà được? Này Sudinna thương! Con hãy đứng dậy, hãy ăn, hãy uống và hãy chơi đùa. Trong khi ăn, trong khi uống, trong khi chơi đùa, trong khi thọ hưởng các dục, trong khi làm các điều phước thiện, con có thể thỏa thích, chớ mẹ và cha không cho phép con về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà.

Khi được nói như vậy, Sudinna Kalandaputta đã im lặng. Đến lần thứ nhì, ...(nt)... Đến lần thứ ba, mẹ và cha của Sudinna Kalandaputta đã nói với Sudinna Kalandaputta điều này:

– Này Sudinna thương! Con chính là con trai một, yêu dấu, quý mến của mẹ và cha, được lớn lên trong sung sướng và được chăm sóc cẩn thận. Này Sudinna thương! Con không biết bất cứ điều gì về khổ đau. Chỉ có sự chết thì mẹ và cha đành phải xa con một cách miễn cưỡng; làm sao trong lúc con đang còn sống, mẹ và cha lại cho phép con về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà được? Này Sudinna thương! Con hãy đứng dậy, hãy ăn, hãy uống và hãy chơi đùa. Trong khi ăn, trong khi uống, trong khi chơi đùa, trong khi thọ hưởng các dục, trong khi làm các điều phước thiện, con có thể thỏa thích, chớ mẹ và cha không cho phép con về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà.

Đến lần thứ ba, Sudinna Kalandaputta đã im lặng.

9. Sau đó, những người bạn của Sudinna Kalandaputta đã đi đến gặp Sudinna Kalandaputta, sau khi đến đã nói với Sudinna Kalandaputta điều này:

– Này Sudinna mến! Bạn chính là con trai một, yêu dấu, quý mến của mẹ và cha, được lớn lên trong sung sướng và được chăm sóc cẩn thận. Này Sudinna mến! Bạn không biết bất cứ điều gì về khổ đau. Chỉ có sự chết thì mẹ và cha đành phải xa bạn một cách miễn cưỡng; làm sao trong lúc bạn đang còn sống, mẹ và cha lại cho phép bạn về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà được? Này Sudinna mến! Bạn hãy đứng dậy, hãy ăn, hãy uống và hãy chơi đùa. Trong khi ăn, trong khi uống, trong khi chơi đùa, trong khi thọ hưởng các dục, trong khi làm các điều phước thiện, bạn có thể thỏa thích, chớ mẹ và cha không cho phép bạn về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà.

Khi được nói như vậy, Sudinna Kalandaputta đã im lặng. Đến lần thứ nhì, ...(nt) ... Đến lần thứ ba, những người bạn của Sudinna Kalandaputta đã nói với Sudinna Kalandaputta điều này:

– Này Sudinna thương! Bạn chính là ...(nt).

Đến lần thứ ba, Sudinna Kalandaputta đã im lặng.

10. Khi ấy, những người bạn của Sudinna Kalandaputta đã đi đến gặp mẹ và cha của Sudinna Kalandaputta, sau khi đến đã nói với mẹ và cha của Sudinna Kalandaputta điều này:

– Mẹ và cha à! Sudinna này nằm trên nền đất không có trái lót [nói rằng]: “Đối với tôi, hoặc là sẽ xảy ra cái chết ngay tại đây, hoặc là sự xuất gia.” Nếu mẹ và cha không cho phép Sudinna về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà, anh ta sẽ đi đến cái chết ngay tại chỗ ấy. Và lại, nếu mẹ và cha cho phép Sudinna về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà, mẹ và cha sẽ còn nhìn thấy anh ta cho dù đã xuất gia. Nếu Sudinna không thỏa thích trong việc rời nhà xuất gia, sống không nhà, thì còn chôn nào khác cho anh ta đây? Anh ta sẽ quay trở về ngay tại chỗ này. Mẹ và cha hãy cho phép Sudinna về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà đi.

– Các con thương! Mẹ và cha cho phép Sudinna về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà.

Sau đó, những người bạn của Sudinna Kalandaputta đã đi đến gặp Sudinna Kalandaputta, sau khi đến đã nói với Sudinna Kalandaputta điều này:

– Này Sudinna mến! Hãy đứng dậy đi. Bạn đã được mẹ và cha cho phép về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà.

11. Khi ấy, Sudinna Kalandaputta [nghĩ rằng]: “Nghe nói ta đã được mẹ và cha cho phép về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà” nên mừng rỡ phấn chấn, vừa đứng dậy vừa dùng bàn tay phủi khắp mình mẩy. Sau đó nhiều ngày, Sudinna Kalandaputta đã phục hồi lại sức khỏe và đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Sudinna Kalandaputta đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, con đã được mẹ và cha cho phép về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy [làm lễ] xuất gia cho con.

Rồi Sudinna Kalandaputta đã đạt được sự xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn, đã đạt được sự tu lên bậc trên. Khi đã được tu lên bậc trên không bao lâu, Đại đức Sudinna đã thọ trì và thực hành các đức hạnh đầu-đà có hình thức như vậy: Là vị ngụ ở rừng, là vị chuyên khát thực, là vị mặc y may bằng vải bị quăng bỏ,² là vị đi khát thực theo tuần tự từng nhà. Đại đức sống nương tựa vào ngôi làng nọ thuộc xứ Vajjī.

² Y *pamsukūla*: Y được may bằng vải dơ, bị người ta quăng bỏ, thông thường là vải quần từ thi, được tìm thấy ở bãi tha ma (ND).

12. Vào lúc bấy giờ, xứ Vajjī có sự khan hiếm về vật thực, khó kiếm ăn, có dịch bệnh, thể vật thực được phân phối, không dễ sinh sống bằng sự ra sức khát thực. Khi ấy, Đại đức Sudinna đã khởi ý điều này: “Hiện nay, xứ Vajjī có sự khan hiếm về vật thực, khó kiếm ăn, có dịch bệnh, thể vật thực được phân phối, không dễ sinh sống bằng sự ra sức khát thực. Và lại, nhiều quyền thuộc của ta ở trong thành Vesālī thì giàu sang, có nhiều của cải, nhiều tài sản, có vô số vàng bạc, vô số vật dụng và dồi dào lúa gạo. Hay là ta nên sống nương tựa vào quyền thuộc vậy? Do có liên quan đến ta, quyền thuộc sẽ ban phát các vật thí. Họ sẽ làm các điều phước thiện và các Tỳ-khuru sẽ nhận được lợi lộc, còn ta sẽ không bị khó nhọc về đồ ăn khát thực.”

13. Sau đó, Đại đức Sudinna đã thu xếp chỗ nằm ngồi, cầm y bát và ra đi về phía thành Vesālī. Theo tuần tự, Đại đức đã đến được thành Vesālī. Tại nơi ấy, trong thành Vesālī, Đại đức Sudinna trú ở Mahāvana. Quyền thuộc của Đại đức Sudinna đã nghe được rằng: “Nghe nói Sudinna, con trai của Kalanda đã đến thành Vesālī.” Họ đã đem lại biếu cho Đại đức Sudinna bữa ăn gồm sáu mươi nồi cơm. Khi ấy, Đại đức Sudinna đã phân chia sáu mươi nồi cơm ấy cho các Tỳ-khuru, rồi vào buổi sáng, đã mặc y, cầm y bát, đi vào làng Kalanda để khát thực. Trong khi đi tuần tự từng nhà để khát thực, Đại đức đã đi đến nhà của cha mình.

14. Vào lúc bấy giờ, người nữ tỳ của quyền thuộc của Đại đức Sudinna có ý định đồ đi món cháo chua đã để cách đêm. Khi ấy, Đại đức Sudinna đã nói với người nữ tỳ của quyền thuộc ấy điều này:

– Này chị gái, nếu vật ấy cần phải đồ bỏ thì hãy trút vào đây, trong bình bát của tôi.

Khi ấy, trong lúc đang trút món cháo chua đã để cách đêm ấy vào bình bát của Đại đức Sudinna, người nữ tỳ của quyền thuộc của Đại đức Sudinna đã nhận ra đặc điểm của các cánh tay, của các bàn chân và của giọng nói của Đại đức Sudinna.³ Sau đó, người nữ tỳ của quyền thuộc của Đại đức Sudinna đã đi đến gặp mẹ của Đại đức Sudinna, sau khi đến đã nói với mẹ của Đại đức Sudinna điều này:

– Bẩm bà, bà nên biết là công tử Sudinna đã trở về.

– Này nô tỳ, nếu người nói đúng, ta sẽ ban cho người khỏi phạt tội tở.

15. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Sudinna [ngồi] tựa vào chân của vách tường nọ, rồi thọ thực món cháo chua đã để cách đêm ấy. Và người cha của Đại đức Sudinna, trong lúc đi công chuyện đã nhìn thấy Đại đức Sudinna [ngồi] tựa vào chân của vách tường nọ đang thọ thực món cháo chua đã để cách đêm ấy. Sau khi nhìn thấy ông đã đi đến gần Đại đức Sudinna, sau khi đến đã nói với Đại đức Sudinna điều này:

³ Ngài Buddhaghosa giải thích ở *Chú giải Samantapāsādikā* rằng: Đã 8 năm trôi qua nên người nữ tỳ không thể nhận ra Đại đức Sudinna mà chỉ nhận biết qua các đặc điểm của tay, chân và giọng nói. Thêm vào đó, còn cho biết vị Sudinna đã xuất gia vào năm thứ 12 của đức Thế Tôn và thời điểm xảy ra câu chuyện này là năm thứ 20 (*VinA. I. 208*).

– Này Sudinna thương! Lẽ nào con lại ăn món cháo chua đã để cách đêm? Này Sudinna thương! Hay là con nên đi về nhà mình đi?

– Này gia chủ, tôi đã đi đến nhà của ông rồi. Từ nơi đó mà có được món cháo chua đã để cách đêm này.

Khi ấy, người cha của Đại đức Sudinna đã nắm lấy cánh tay của Đại đức Sudinna và nói với Đại đức Sudinna điều này:

– Này Sudinna thương, hãy đi! Chúng ta sẽ đi về nhà.

Sau đó, Đại đức Sudinna đã đi đến nhà của cha mình, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, người cha của Đại đức Sudinna đã nói với Đại đức Sudinna điều này:

– Này Sudinna thương, con hãy ăn đi!

– Này gia chủ, thôi đi. Việc thọ thực ngày hôm nay của tôi đã hoàn tất.

– Này Sudinna thương! Vậy con hãy nhận lời bữa ăn vào ngày mai.

Đại đức Sudinna đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Sau đó, Đại đức Sudinna đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

16. Sau đó, khi tàn đêm ấy, mẹ của Đại đức Sudinna đã cho phủ lên mặt đất bằng phân bò tươi, rồi bảo người chắt hai đồng gồm một vàng, một bạc. Các đồng ấy đã lớn đến mức khiến người đứng ở phía bên này không nhìn thấy người đứng ở phía bên kia và người đứng ở phía bên kia không nhìn thấy người đứng ở phía bên này. Sau khi đã cho che lại các đồng ấy bằng những tấm thảm, cho sắp đặt chỗ ngồi ở giữa và cho che màn xung quanh, mẹ của Đại đức Sudinna đã bảo người vợ cũ của Đại đức Sudinna rằng:

– Này con dâu, như thế thì khi trang điểm với đồ trang sức nào mà con đã được con trai Sudinna yêu thương, quý mến thì con hãy trang điểm với đồ trang sức ấy.

– Thưa mẹ, xin vâng.

Người vợ cũ của Đại đức Sudinna đã trả lời mẹ của Đại đức Sudinna.

17. Sau đó, vào buổi sáng, Đại đức Sudinna đã mặc y, cầm y bát rồi đi đến nhà của cha mình, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, cha của Đại đức Sudinna đã đi đến gặp Đại đức Sudinna, sau khi đến đã cho mở hai đồng ấy ra rồi đã nói với Đại đức Sudinna điều này:

– Này Sudinna thương! Phần này là vật hồi môn thuộc người nữ là của mẹ con, phần kia là của cha, phần kia là của ông nội. Này Sudinna thương! Con có thể quay trở lại cuộc sống tại gia tầm thường để thọ hưởng của cải và làm các điều phước thiện được mà. Này Sudinna thương, hãy quay về đi con! Hãy quay trở lại cuộc sống tại gia tầm thường, hãy thọ hưởng của cải và làm các điều phước thiện đi.

– Cha à! Tôi không thể nào, tôi không dám. Tôi đang thỏa thích thực hành Phạm hạnh.

Đến lần thứ nhì, ...(nt)... Đến lần thứ ba, cha của Đại đức Sudinna đã nói với Đại đức Sudinna điều này:

– Này Sudinna thương! Phần này là vật hồi môn thuộc người nữ là của mẹ con, phần kia là của cha, phần kia là của ông nội. Này Sudinna thương! Con có thể quay trở lại cuộc sống tại gia tầm thường để thọ hưởng của cải và làm các điều phước thiện được mà. Này Sudinna thương! Hãy quay về đi con. Hãy quay trở lại cuộc sống tại gia tầm thường, hãy thọ hưởng của cải và làm các điều phước thiện đi.

– Này gia chủ, nếu gia chủ không quá căng thẳng thì chúng ta nên bàn về điều ấy.

– Này Sudinna thương, hãy nói đi!

– Này gia chủ, nếu vậy thì hãy bảo làm những bao tải thật lớn, cho đổ đầy vàng bạc vào, cho đưa lên các xe kéo hàng, rồi nhận chìm ở giữa sông Gaṅgā. Điều ấy có lý do là gì? Này gia chủ, bởi vì từ đó sẽ là nguyên nhân khiến ông có sự sợ hãi, hoặc có sự kinh hoàng, hoặc có lòng dưng đứng, hoặc là sự gìn giữ; điều ấy sẽ không có cho ông nữa.

Khi được nói như thế, người cha của Đại đức Sudinna đã tỏ ra không hài lòng:

– Tại sao con trai Sudinna lại nói như thế?

18. Sau đó, cha của Đại đức Sudinna đã bảo người vợ cũ của Đại đức Sudinna rằng:

– Này con dâu, nếu vậy thì con cũng hãy nài nỉ. Có lẽ con trai Sudinna sẽ làm theo lời con.

Khi ấy, người vợ cũ của Đại đức Sudinna đã ôm lấy hai bàn chân của Đại đức Sudinna và đã nói với Đại đức Sudinna điều này:

– Công tử ơi, các nàng tiên nữ ấy như thế nào khiến chàng thực hành Phạm hạnh vì các nàng ấy vậy?

– Này chị gái, tôi thực hành Phạm hạnh không phải vì các nàng tiên nữ.

19. Khi ấy, người vợ cũ của Đại đức Sudinna [nghĩ rằng]: “Từ nay, công tử Sudinna xưng hô với ta bằng tiếng chị gái”, nên đã ngắt đi rồi ngã xuống ngay tại chỗ ấy. Sau đó, Đại đức Sudinna đã nói với cha điều này:

– Này gia chủ, nếu vật thực sẽ được bố thí thì hãy bố thí đi. Ông chớ có quấy rầy chúng ta nữa.

– Này Sudinna thương, hãy ăn đi!

Khi ấy, mẹ và cha của Đại đức Sudinna đã tự tay làm hài lòng và toại ý Đại đức Sudinna với thức ăn thượng hạng loại cứng, loại mềm. Sau đó, khi Đại đức Sudinna đã thọ thực xong, bàn tay đã rời bình bát, mẹ của Đại đức Sudinna đã nói với Đại đức Sudinna điều này:

– Này Sudinna thương! Gia đình này thì giàu sang, có nhiều của cải, nhiều tài sản, có vô số vàng bạc, vô số vật dụng và dồi dào lúa gạo. Này Sudinna thương! Con có thể quay trở lại cuộc sống tại gia tầm thường để thọ hưởng của cải và làm các điều phước thiện được mà. Này Sudinna thương, hãy quay về đi con! Hãy quay trở lại cuộc sống tại gia tầm thường, hãy thọ hưởng của cải và làm các điều phước thiện đi.

– Mẹ à! Tôi không thể nào, tôi không dám. Tôi đang thỏa thích thực hành Phạm hạnh.

Đến lần thứ nhì, ...(nt)... Đến lần thứ ba, mẹ của Đại đức Sudinna đã nói với Đại đức Sudinna điều này:

– Này Sudinna thương! Gia đình này thì giàu sang, có nhiều của cải, nhiều tài sản, có vô số vàng bạc, vô số vật dụng và dồi dào lúa gạo. Này Sudinna thương! Chính vì điều ấy, con hãy để lại chủng tử. Chớ để các Licchavi đoạt lấy tài sản không người thừa tự của chúng ta.

– Mẹ à! Điều này tôi có thể làm được.

– Này Sudinna thương! Hiện nay con ngụ ở đâu vậy?

– Mẹ à! Ở Mahāvana.

Sau đó, Đại đức Sudinna đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

20. Sau đó, mẹ của Đại đức Sudinna đã bảo người vợ cũ của Đại đức Sudinna rằng:

– Này con dâu, nếu vậy thì khi nào đến thời kỳ, kinh nguyệt của con xuất hiện, khi ấy con hãy cho mẹ hay.

– Thưa mẹ, xin vâng.

Người vợ cũ của Đại đức Sudinna đã trả lời mẹ của Đại đức Sudinna.

Sau đó chẳng bao lâu, người vợ cũ của Đại đức Sudinna đã đến thời kỳ, nàng đã có kinh nguyệt. Khi ấy, người vợ cũ của Đại đức Sudinna đã nói với mẹ của Đại đức Sudinna điều này:

– Thưa mẹ, con đã đến thời kỳ, kinh nguyệt của con đã xuất hiện.

– Này con dâu, như thế thì khi trang điểm với đồ trang sức nào mà con đã được con trai Sudinna yêu thương, quý mến thì con hãy trang điểm với đồ trang sức ấy.

– Thưa mẹ, xin vâng.

Người vợ cũ của Đại đức Sudinna đã trả lời mẹ của Đại đức Sudinna.

Sau đó, mẹ của Đại đức Sudinna đã đưa người vợ cũ của Đại đức Sudinna đi đến Mahāvana gặp Đại đức Sudinna, sau khi đến đã nói với Đại đức Sudinna điều này:

– Này Sudinna thương! Gia đình này thì giàu sang, có nhiều của cải, nhiều tài sản, có vô số vàng bạc, vô số vật dụng và dồi dào lúa gạo. Này Sudinna

thương! Con có thể quay trở lại cuộc sống tại gia tầm thường để thọ hưởng của cải và làm các điều phước thiện được mà. Nay Sudinna thương, hãy quay về đi con! Hãy quay trở lại cuộc sống tại gia tầm thường, hãy thọ hưởng của cải và làm các điều phước thiện đi.

– Mẹ à! Tôi không thể nào, tôi không dám. Tôi đang thỏa thích thực hành Phạm hạnh.

Đến lần thứ nhì, ...(nt)... Đến lần thứ ba, mẹ của Đại đức Sudinna đã nói với Đại đức Sudinna điều này:

– Nay Sudinna thương! Gia đình này thì giàu sang, có nhiều của cải, nhiều tài sản, có vô số vàng bạc, vô số vật dụng và dồi dào lúa gạo. Nay Sudinna thương! Chính vì điều ấy, con hãy để lại chủng tử. Chớ để các Licchavi đoạt lấy tài sản không người thừa tự của chúng ta.

21. – Mẹ à! Điều này tôi có thể làm được.

Rồi vị ấy đã nắm lấy cánh tay của người vợ cũ đi vào Mahāvana. Trong khi điều học chưa được quy định, vị ấy không nhận thức được điều nguy hại nên đã tiến hành việc đôi lứa với người vợ cũ ba lần. Do việc ấy, nàng ta đã mang thai.

Chư thiên ở địa cầu đã đồn đãi lời rằng: “Ngài ơi, hội chúng Tỳ-khưu quả thật không có sự ô uế, không bị điều tai họa, nay Sudinna Kalandaputta đã gây nên sự ô uế, đã gây nên điều tai họa!” Sau khi nghe được tiếng đồn của chư thiên ở địa cầu, chư thiên ở cõi Tứ Đại Thiên Vương đã đồn đãi lời rằng: ...(nt)... chư thiên ở cõi Đạo-lợi ...(nt)... chư thiên ở cõi Dạ-ma ...(nt)... chư thiên ở cõi Đâu-suất ...(nt)... chư thiên ở cõi Hóa Lạc ...(nt)... chư thiên ở cõi Tha Hóa Tự Tại ...(nt)... chư thiên thuộc hàng Phạm thiên đã đồn đãi lời rằng: “Ngài ơi, hội chúng Tỳ-khưu quả thật không có sự ô uế, không bị điều tai họa, nay Sudinna Kalandaputta đã gây nên sự ô uế, đã gây nên điều tai họa!” Vào thời khắc ấy, vào giây phút ấy, lời đồn đãi như thế ấy đã đi đến các cõi trời Phạm thiên.

22. Sau đó, khi bào thai ấy đã được phát triển đầy đủ, người vợ cũ của Đại đức Sudinna đã sanh con trai. Khi ấy, những người bạn của Đại đức Sudinna đã đặt tên cho đứa bé trai là “Chủng Tử”, đã đặt tên cho người vợ cũ của Đại đức Sudinna là “Mẹ của Chủng Tử” và đã đặt tên cho Đại đức Sudinna là “Cha của Chủng Tử.” Thời gian sau, cả hai mẹ con ấy đã rời nhà xuất gia, sống không nhà và đã chứng đắc phẩm vị A-la-hán.⁴

23. Sau đó, Đại đức Sudinna đã có sự ăn năn, đã có nỗi ân hận: “Thật là điều không lợi ích đã có cho ta! Thật là điều lợi ích đã không có cho ta! Ta đã đạt được điều xấu! Ta đã không đạt được điều tốt! Bởi vì ta đây đã xuất gia trong Pháp và Luật được khéo thuyết giảng như vậy lại không thể thực hành

⁴Theo ngài Buddhaghosa cho biết, hai mẹ con đã xuất gia sau đó khoảng 7 hoặc 8 năm (*VinA*. I. 215).

Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn đến cuối cuộc đời!” Do chính sự ăn năn ấy và do nỗi ân hận ấy, vị ấy đã trở nên ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân, tâm trở nên lãnh đạm, trì trệ, khổ sở, buồn bã, ăn năn và có vẻ thờ thần.

24. Khi ấy, những vị Tỳ-khuru, bạn của Đại đức Sudinna đã nói với Đại đức Sudinna điều này:

– Này Đại đức Sudinna, trước đây, Đại đức có sắc tướng, các căn rạng rỡ, sắc diện an tịnh, màu da trong sáng. Hiện nay, trong lúc này, Đại đức đây lại trở nên ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân, tâm trở nên lãnh đạm, trì trệ, khổ sở, buồn bã, ăn năn và có vẻ thờ thần. Này Đại đức Sudinna, không lẽ Đại đức không thỏa thích thực hành Phạm hạnh hay sao?

– Này các Đại đức, không phải tôi không thỏa thích thực hành Phạm hạnh mà tôi đã tạo nên ác nghiệp, tôi đã thực hiện việc đôi lừa với người vợ cũ. Này các Đại đức, tôi đây đã có sự ăn năn, đã có nỗi ân hận: “Thật là điều không lợi ích đã có cho ta! Thật là điều lợi ích đã không có cho ta! Ta đã đạt được điều xấu! Ta đã không đạt được điều tốt! Bởi vì ta đây đã xuất gia trong Pháp và Luật được khéo thuyết giảng như vậy lại không thể thực hành Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn đến cuối cuộc đời!”

25. – Này Đại đức Sudinna, Đại đức có sự ăn năn là phải lẽ, có nỗi ân hận là phải lẽ. Bởi vì Đại đức đã xuất gia trong Pháp và Luật được khéo thuyết giảng như vậy lại không thể thực hành Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn đến cuối cuộc đời.

26. Này Đại đức, chẳng phải đức Thế Tôn bằng nhiều phương thức đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái chứ không phải để đưa đến tham ái, đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn ràng buộc chứ không phải để đưa đến sự ràng buộc, đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn chấp thủ chứ không phải để đưa đến sự chấp thủ hay sao?

27. Này Đại đức, ở đây, trong khi đức Thế Tôn thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái thì Đại đức lại nghĩ đến tham ái, thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn ràng buộc thì Đại đức lại nghĩ đến sự ràng buộc, thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn chấp thủ thì Đại đức lại nghĩ đến sự chấp thủ.

28. Này Đại đức, chẳng phải đức Thế Tôn bằng nhiều phương thức đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái trong các ái, để đưa đến sự không còn đam mê trong các nỗi đam mê, để kèm chế các sự khao khát, để trừ diệt các sự vướng mắc, để cắt đứt vòng tái sanh, để diệt tận ái, để ly tham, để đưa đến sự tịch diệt, để đưa đến Niết-bàn hay sao?

29. Này Đại đức, chẳng phải đức Thế Tôn bằng nhiều phương thức đã đề cập đến sự từ bỏ các dục, đã đề cập đến sự hiểu rõ về các dục tướng, đã đề cập

đến sự kèm chế các nỗi khao khát về dục, đã đề cập đến sự trừ diệt các dục tâm, đã đề cập đến sự lắng dịu của các nỗi thôi thúc do dục vọng hay sao?

30. Nay Đại đức, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Nay Đại đức, hơn nữa, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin.

31. Sau đó, khi đã khiển trách Đại đức Sudinna bằng nhiều phương thức, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi Đại đức Sudinna rằng:

– Nay Sudinna, nghe nói ngươi thực hiện việc đôi lứa với người vợ cũ, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

32. – Nay kẻ rò dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Nay kẻ rò dại, tại sao ngươi đã xuất gia trong Pháp và Luật được khéo thuyết giảng như vậy lại không thể thực hành Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn đến cuối cuộc đời?

33. Nay kẻ rò dại, không phải Ta bằng nhiều phương thức đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái chứ không phải để đưa đến tham ái, đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn ràng buộc chứ không phải để đưa đến sự ràng buộc, đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn chấp thủ chứ không phải để đưa đến sự chấp thủ hay sao?

34. Nay kẻ rò dại, thế mà ở đây, trong khi Ta thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái thì ngươi lại nghĩ đến tham ái, thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn ràng buộc thì ngươi lại nghĩ đến sự ràng buộc, thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn chấp thủ thì ngươi lại nghĩ đến sự chấp thủ.

35. Nay kẻ rò dại, không phải Ta bằng nhiều phương thức đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái trong các ái, để đưa đến sự không còn đam mê trong các nỗi đam mê, để kèm chế sự khao khát, để trừ diệt sự vương mắc, để cắt đứt vòng tái sanh, để diệt tận ái, để ly tham, để đưa đến sự tịch diệt, để đưa đến Niết-bàn hay sao?

36. Nay kẻ rò dại, không phải Ta bằng nhiều phương thức đã đề cập đến sự từ bỏ các dục, đã đề cập đến sự hiểu rõ về các dục tướng, đã đề cập đến sự kèm chế các nỗi khao khát về dục, đã đề cập đến sự trừ diệt các dục tâm, đã đề cập đến sự lắng dịu của các nỗi thôi thúc do dục vọng hay sao?

37. Đây kẻ rồ dại, thà người đặt dương vật vào trong miệng của con rắn có nọc độc khủng khiếp còn là điều cao thượng, nhưng đặt dương vật vào trong âm vật của người nữ là không [cao thượng]. Đây kẻ rồ dại, thà người đặt dương vật vào trong miệng của con hắc xà còn là điều cao thượng, nhưng đặt dương vật vào trong âm vật của người nữ là không [cao thượng]. Đây kẻ rồ dại, thà người đặt dương vật vào trong hồ than được đốt cháy có ngọn lửa sáng rực còn là điều cao thượng, chớ đặt dương vật vào trong âm vật của người nữ là không [cao thượng]. Điều ấy có lý do như thế nào? Đây kẻ rồ dại, bởi vì do nguyên nhân kia,⁵ người có thể đi đến cái chết hoặc khổ gần như chết, nhưng không vì nguyên nhân kia, khi tan rã thân xác và chết đi, người lại có thể bị sanh vào bất hạnh, cõi khổ, đọa xứ, địa ngục. Đây kẻ rồ dại, quả thật do nguyên nhân này,⁶ khi tan rã thân xác và chết đi, người có thể bị sanh vào bất hạnh, cõi khổ, đọa xứ, địa ngục.

38. Đây kẻ rồ dại, thế mà ở đây lại là người, tức là việc người bị vướng vào việc kết hợp của hai người, theo từng cặp, ở nơi kín đáo, là việc làm không tốt đẹp, là việc làm của các dân làng, là việc làm của những người thấp kém, là xấu xa, kết cuộc phải dùng nước tẩy rửa. Đây kẻ rồ dại, đối với nhiều pháp bất thiện, người là người vi phạm đầu tiên, trước tất cả. Đây kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Đây kẻ rồ dại, hơn nữa, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin.

39. Sau đó, khi đã khiển trách Đại đức Sudinna bằng nhiều phương thức, đức Thế Tôn đã chê bai về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, sự khó khăn trong việc ăn uống, sự tầm cầu quá nhiều, sự không biết đủ, sự kết phe nhóm, sự biếng nhác; và bằng nhiều phương thức, Ngài đã ngợi khen về sự dễ dàng trong việc cấp dưỡng, sự dễ dàng trong việc ăn uống, sự ít tầm cầu, sự biết đủ, sự từ khước, sự tiết chế, sự hài hòa, sự đoạn giảm, sự ra sức nỗ lực. Ngài đã nói pháp thoại thích đáng và phù hợp cho các Tỷ-khuru rồi đã bảo các Tỷ-khuru rằng:

40. – Đây các Tỷ-khuru, như thế thì Ta sẽ quy định điều học cho các Tỷ-khuru vì mười điều lợi ích: Nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng, nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu, nhằm sự lạc trú của các Tỷ-khuru hiền thiện, nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm sự trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai, nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, nhằm sự

⁵ Là việc đặt dương vật vào trong miệng của con rắn có nọc độc khủng khiếp, vào trong miệng của con hắc xà, vào trong hồ than được đốt cháy có ngọn lửa sáng rực (ND).

⁶ Là việc đặt dương vật vào trong âm vật của người nữ (ND).

tồn tại của Chánh pháp⁷ và nhằm sự hỗ trợ của Luật. Và này các Tỳ-khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị Tỳ-khuru nào thực hiện việc đôi lứa là vị phạm tội Pārājika, không được cộng trú.”⁸

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khuru như thế.

[Sự quy định căn bản]

Dứt tụng phẩm về Sudinna.

--oo0oo--

CHUYỆN CON KHỈ CÁI

1. Vào lúc bảy giờ, tại Mahāvana ở Vesālī, có vị Tỳ-khuru nọ dùng thức ăn dụ dỗ con khỉ cái rồi thực hiện việc đôi lứa với nó. Khi ấy, vào buổi sáng, vị Tỳ-khuru ấy đã mặc y, cầm y bát rồi đi vào thành Vesālī để khát thực.

2. Vào lúc bảy giờ, nhiều vị Tỳ-khuru trong lúc đi dạo quanh các chỗ trú ngụ đã đi đến trú xá của vị Tỳ-khuru ấy. Con khỉ cái ấy đã nhìn thấy các vị Tỳ-khuru ấy từ đằng xa đang đi lại, sau khi thấy đã đi đến gần các vị Tỳ-khuru ấy, sau khi đến gần đã lúc lắc hông ở phía trước các vị Tỳ-khuru ấy, đã lúc lắc đuôi, đã đưa hông ra và đã làm dấu hiệu. Khi ấy, các vị Tỳ-khuru ấy đã khởi ý điều này: “Không còn nghi ngờ gì nữa, vị Tỳ-khuru ấy thực hiện việc đôi lứa với con khỉ cái này” rồi đã nấp vào ở một bên. Sau đó, vị Tỳ-khuru ấy sau khi đi khát thực ở trong thành Vesālī, đã mang đồ ăn khát thực quay trở về.

⁷ Chánh pháp (*Saddhamma*): Ngài Buddhaghosa giải thích *Saddhamma* gồm có ba phần: *Pariyattisaddhamma* (pháp học) gồm tất cả các lời dạy của đức Phật đã được kết tập thành Tam tạng; *Paṭipattisaddhamma* (pháp hành) là 13 pháp đầu-đà, 14 pháp hành, 82 phận sự chính, Giới, Định và Minh sát; *Adhigamasaddhamma* (pháp đắc chứng) là 4 Đạo, 4 Quả và Niết-bàn (*VinA. I, 225*). Giải thích về 82 phận sự chính, *Tikā (Sớ giải)* ghi rằng: 66 phận sự của vị hành *Parivāsa* (bắt đầu với điều: Không nên ban phép tu lên bậc trên, ..., không nên đi kinh hành ở đường kinh hành trong khi vị Tỳ-khuru trong sạch đi kinh hành ở trên mặt đất); không ngụ chung với 5 hạng Tỳ-khuru (vị cũng thực hành *Parivāsa* nhưng thâm niên hơn, vị xứng đáng [thực hành] trở lại từ đầu, vị Tỳ-khuru xứng đáng hành *mānatta*, vị đang thực hành *Mānatta*, vị xứng đáng sự giải tội) tính là 5 điều, thành 71; không nên tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, ..., sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các vị Tỳ-khuru trong sạch, tính là 1 điều, thành 72; không nên bôi nhọ vị Tỳ-khuru trong sạch với sự hư hỏng về giới, v.v... Tính là 10 điều; tổng cộng là 82 phận sự.

⁸ Từ “bắt cộng trụ” đã được sử dụng quen thuộc khi đề cập đến tội *Pārājika*. Thật ra, “bắt cộng trụ” là từ dịch của *asamvāso* trong câu “*ayampi pārājiko hoti asamvāso*”, chứ không phải của *Pārājika*. *Pārājika* được xem là tên của tội, còn *asamvāso* có thể xem như là một hình thức xử lý tội *Pārājika*, là không được sống chung và tiến hành các hành sự như là lễ *Uposatha*, lễ *Parāraṇa*, v.v... Ngài Buddhaghosa chỉ ra động từ liên quan là “*parājeti* = khuất phục, đánh bại, chế ngự, chiến thắng” và giải thích rằng: Vị “*pārājiko*” là vị “*parājito*” (*parājito* là quá khứ phân từ thể thụ động của *parājeti*, có nghĩa là “bị khuất phục”, “bị đánh bại”, “bị chế ngự”). Như vậy, *Pārājika* có nghĩa là “kẻ thất trận, kẻ bại trận, người thua cuộc”, và được sử dụng cho tên của một loại tội cực nặng trong Giới bốn (*Pātimokkha*) của Tỳ-khuru, gồm 4 điều được trình bày trong chương này. Chúng tôi giữ nguyên từ *Pārājika*, không dịch.

3. Khi ấy, con khi cái ấy đã đi đến gần vị Tỳ-khưu ấy. Rồi vị Tỳ-khưu ấy, sau khi thọ dụng đồ khất thực ấy một phần, đã cho con khi cái ấy một phần. Sau đó, khi đã ăn xong, con khi cái ấy đã đưa hông ra cho vị Tỳ-khưu ấy. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy thực hiện việc đôi lứa với con khi cái ấy.

4. Rồi các vị Tỳ-khưu ấy đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này Đại đức, chẳng phải điều học đã được đức Thế Tôn quy định hay sao? Này Đại đức, tại sao Đại đức lại thực hiện việc đôi lứa với con khi cái?

– Này các Đại đức, đúng vậy. Điều học đã được đức Thế Tôn quy định và điều ấy là với người nữ chứ không phải với thú cái.

– Này Đại đức, chẳng phải điều ấy là đúng như thế hay sao? Này Đại đức, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này Đại đức, tại sao Đại đức sau khi xuất gia trong Pháp và Luật được khéo thuyết giảng như vậy lại không thể thực hành Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn đến cuối cuộc đời? Này Đại đức, chẳng phải đức Thế Tôn bằng nhiều phương thức đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái chứ không phải để đưa đến tham ái, ...(nt)... đã đề cập đến sự lắng dịu của các nỗi thôi thúc do dục vọng hay sao? Này Đại đức, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này Đại đức, hơn nữa, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin.

Sau đó, khi đã khiển trách vị Tỳ-khưu ấy bằng nhiều phương thức, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

5. Khi đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi vị Tỳ-khưu ấy rằng:

– Này Tỳ-khưu, nghe nói người đã thực hiện việc đôi lứa với con khi cái, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rò dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này kẻ rò dại, tại sao người sau khi xuất gia trong Pháp và Luật được khéo thuyết giảng như vậy lại không thể thực hành Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn đến cuối cuộc đời? Này kẻ rò dại, không phải Ta bằng nhiều phương thức đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái chứ không phải để đưa đến tham ái, ...(nt)... đã đề cập đến sự lắng dịu của các nỗi thôi thúc do dục vọng hay sao?

6. Nay kẻ rò đại, thà người đặt dương vật vào trong miệng của con rắn có nọc độc khủng khiếp còn là điều cao thượng, nhưng đặt dương vật vào trong âm vật của con khi cái là không [cao thượng]. Nay kẻ rò đại, thà người đặt dương vật vào trong miệng của con hắc xà còn là điều cao thượng, nhưng đặt dương vật vào trong âm vật của con khi cái là không [cao thượng]. Nay kẻ rò đại, thà người đặt dương vật vào trong hồ than được đốt cháy có ngọn lửa sáng rực còn là điều cao thượng, chớ đặt dương vật vào trong âm vật của con khi cái là không [cao thượng]. Điều ấy có lý do như thế nào? Nay kẻ rò đại, bởi vì do nguyên nhân kia,⁹ người có thể đi đến cái chết hoặc khổ gần như chết, nhưng không vì nguyên nhân kia, khi tan rã thân xác và chết đi, người lại có thể bị sanh vào bất hạnh, cõi khổ, đọa xứ, địa ngục. Nay kẻ rò đại, quả thật do nguyên nhân này,¹⁰ khi tan rã thân xác và chết đi, người có thể bị sanh vào bất hạnh, cõi khổ, đọa xứ, địa ngục.

7. Nay kẻ rò đại, thế mà ở đây lại là người, tức là việc người bị vướng vào việc kết hợp của hai người, theo từng cặp, ở nơi kín đáo, là việc làm không tốt đẹp, là việc làm của các dân làng, là việc làm của những người thấp kém, là xấu xa, kết cuộc phải dùng nước tẩy rửa. Nay kẻ rò đại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Nay kẻ rò đại, hơn nữa, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin.

8. Sau đó, khi đã khiển trách vị Tỳ-khưu ấy bằng nhiều phương thức, đức Thế Tôn đã chê bai về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, sự khó khăn trong việc ăn uống, sự tầm cầu quá nhiều, sự không biết đủ, sự kết phe nhóm, sự biếng nhác; và bằng nhiều phương thức, Ngài đã ngợi khen về sự dễ dàng trong việc cấp dưỡng, sự dễ dàng trong việc ăn uống, sự ít tầm cầu, sự biết đủ, sự từ khước, sự tiết chế, sự hài hòa, sự đoạn giảm, sự ra sức nỗ lực. Ngài đã nói pháp thoại thích đáng và phù hợp cho các Tỳ-khưu rồi đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

9. – Nay các Tỳ-khưu, như thế thì Ta sẽ quy định điều học cho các Tỳ-khưu vì mười điều lợi ích: Nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng, nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu, nhằm sự lạc trú của các Tỳ-khưu hiền thiện, nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm sự trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai, nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, nhằm sự tồn tại của Chánh pháp, và nhằm sự hỗ trợ của Luật. Và nay các Tỳ-khưu, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

⁹ Nguyên nhân kia đã được giải thích ở phần trước.

¹⁰ Nguyên nhân này là việc đặt dương vật vào trong âm vật của con khi cái (ND).

“Vị Tỳ-khuru nào thực hiện việc đôi lứa ngay cả với loài thú cái là vị phạm tội *Pārājika*, không được cộng trú.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khuru như thế.

[Sự quy định lần hai]

Dứt chuyện con khi cái.

--oo0oo--

TỤNG PHẨM “ĐƯỢC CHE PHỦ”

1. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khuru nhóm Vajjiputtaka, trú xứ Vesālī đã thọ thực theo ý thích, ngủ theo ý thích, tắm theo ý thích. Sau khi đã thọ thực theo ý thích, sau khi đã ngủ theo ý thích, sau khi đã tắm theo ý thích, sau khi đã tác ý không chơn chánh, các vị ấy đã thực hiện việc đôi lứa khi chưa lìa bỏ sự học tập và chưa bày tỏ lòng yếu nhược.

Thời gian sau đó, các vị ấy bị tác động bởi sự bất hạnh của quyền thuộc, bởi sự bất hạnh về tài sản, bởi sự bất hạnh về bệnh hoạn nên đã đi đến gặp Đại đức Ānanda và nói như vậy:

– Thưa ngài Ānanda, chúng tôi không phải là những người chê bai đức Phật, không phải là những người chê bai giáo pháp, không phải là những người chê bai hội chúng. Thưa ngài Ānanda, chúng tôi là những người chê bai chính mình, là những người không chê bai kẻ khác. Chính chúng tôi không có may mắn, chúng tôi có phước báu ít ỏi, chúng tôi đây sau khi xuất gia trong Pháp và Luật được khéo thuyết giảng như vậy lại không thể thực hành Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn đến cuối cuộc đời. Thưa ngài Ānanda, nếu như giờ đây chúng tôi có thể đạt được sự xuất gia trong sự chứng minh của đức Phật, có thể đạt được sự tu lên bậc trên, thì giờ đây chúng tôi cũng có thể là những người hành Minh sát, có thể sống gắn bó với sự tu tập về các thiện pháp, tức là các pháp có liên quan đến sự giác ngộ vào đầu đêm và cuối đêm. Thưa ngài Ānanda, lành thay! Xin ngài hãy trình sự việc này lên đức Thế Tôn.

– Này các Đại đức, được rồi.

Nghe theo các vị nhóm Vajjiputtaka trú xứ Vesālī, Đại đức Ānanda đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. – Này Ānanda, việc Như Lai có thể hủy bỏ điều học *Pārājika* đã được quy định cho các đệ tử vì lý do của các vị Vajjī hoặc của những người con trai của các vị Vajjī là điều không có cơ sở và không hợp lý.

Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khuru rằng:

– Nay các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru nào khi chưa lìa bỏ sự học tập và chưa bày tỏ lòng yếu nhược mà thực hiện việc đôi lứa thì vị ấy không được tu lên bậc trên trong tương lai. Và nay các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru nào sau khi lìa bỏ sự học tập và sau khi tuyên bố sự yếu nhược rồi thực hiện việc đôi lứa thì vị ấy có thể được tu lên bậc trên trong tương lai. Và nay các Tỳ-khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

3. *“Vị Tỳ-khuru nào thọ trì sự học tập và lối sống của các Tỳ-khuru, khi chưa lìa bỏ sự học tập và chưa bày tỏ lòng yếu nhược, mà thực hiện việc đôi lứa ngay cả với loài thú cái là vi phạm tội Pārājika, không được cộng trú.”*

[Sự quy định lần ba]

4. **Vị nào:** Là bất cứ vị nào có mối quan hệ như vậy, có giai cấp như vậy, có tên như vậy, có họ như vậy, có giới hạnh như vậy, có trú xứ như vậy, có nơi đi lại như vậy, là vị Trưởng lão [trên 10 năm Tỳ-khuru], hoặc là vị mới tu [dưới 5 năm], hoặc là vị trung niên [trên 5 năm]; vị ấy được gọi là “vị nào.”

5. **Tỳ-khuru:** “Vị đi khát thực” là Tỳ-khuru. “Vị chấp nhận việc đi khát thực” là Tỳ-khuru. “Vị mặc y đã được cắt rời” là Tỳ-khuru. Là Tỳ-khuru do sự thừa nhận. Là Tỳ-khuru do tự mình xác nhận. Là Tỳ-khuru khi được [đức Phật] nói rằng: “Này Tỳ-khuru, hãy đi đến.” “Vị đã tu lên bậc trên bằng Tam quy” là Tỳ-khuru. “Vị hiền thiện” là Tỳ-khuru. “Vị có thực chất” là Tỳ-khuru. “Vị Thánh Hữu học” là Tỳ-khuru. “Vị Thánh Vô học” là Tỳ-khuru. “Vị đã được tu lên bậc trên với hội chúng hợp nhất bằng hành sự có lời thông báo đến lần thứ tư, không sai sót, đáng được duy trì” là Tỳ-khuru. Ở đây, vị Tỳ-khuru đã được tu lên bậc trên với hội chúng hợp nhất, bằng hành sự có lời thông báo đến lần thứ tư, không sai sót, đáng được duy trì, vị này là “vị Tỳ-khuru” được đề cập trong ý nghĩa này.

6. **Sự học tập:** Có ba sự học tập: Sự học tập về tăng thượng giới, sự học tập về tăng thượng tâm, sự học tập về tăng thượng tuệ.¹¹ Ở đây, “sự học tập” được đề cập trong ý nghĩa này là sự học tập về tăng thượng giới.

7. **Lối sống** nghĩa là điều học nào đã được đức Thế Tôn quy định, điều học ấy gọi là lối sống. Vì thế, vị học tập theo lối sống ấy được gọi là “thọ trì lối sống.”

8. **Khi chưa lìa bỏ sự học tập và chưa bày tỏ lòng yếu nhược:** Nay các Tỳ-khuru, có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được lìa bỏ. Nay các Tỳ-khuru, có sự bày tỏ lòng yếu nhược và sự học tập được lìa bỏ.

9. *Này các Tỳ-khuru, thế nào là có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được lìa bỏ?* Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru bị bức bối, không

¹¹ *Adhisīla*: Tăng thượng giới là Giới bốn (*Pātimokkha*). *Adhicitta*: Tăng thượng tâm là sự tu tập các loại định hợp thể. *Adhipaññā*: Tăng thượng tuệ là sự tu tập [các tâm] đạo siêu thế (*VinA*. I. 244-45).

thỏa thích, có ý định giã từ hạnh Sa-môn, trong khi bị bồn chồn, bị hổ thẹn, chán ghét thân phận Tỷ-khuru, mong mỗi thân phận gia chủ, mong mỗi thân phận cư sĩ, mong mỗi thân phận người phụ việc chùa, mong mỗi thân phận Sa-di, mong mỗi thân phận ngoại đạo, mong mỗi thân phận đệ tử ngoại đạo, mong mỗi thân phận không phải là Sa-môn, mong mỗi thân phận không phải là Thích tử rồi nói ra, tuyên bố rằng: “Hay là tôi nên lìa bỏ đức Phật?” Nay các Tỷ-khuru, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được lìa bỏ.

10. Hoặc là [vị Tỷ-khuru] bị bức bối, không thỏa thích, có ý định giã từ hạnh Sa-môn, trong khi bị bồn chồn, bị hổ thẹn, chán ghét thân phận Tỷ-khuru, mong mỗi thân phận gia chủ, ...(nt)... mong mỗi thân phận không phải là Thích tử rồi nói ra, tuyên bố rằng: “Hay là tôi nên lìa bỏ giáo pháp?” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Hay là tôi nên lìa bỏ hội chúng?” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Hay là tôi nên lìa bỏ sự học tập?” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Hay là tôi nên lìa bỏ Luật?” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Hay là tôi nên lìa bỏ Giới bốn (*Pātimokkha*)?” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Hay là tôi nên lìa bỏ việc đọc tụng?” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Hay là tôi nên lìa bỏ thầy tế độ?” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Hay là tôi nên lìa bỏ thầy dạy học?” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Hay là tôi nên lìa bỏ đệ tử?” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Hay là tôi nên lìa bỏ học trò?” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Hay là tôi nên lìa bỏ vị có chung thầy tế độ?” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Hay là tôi nên lìa bỏ vị có chung thầy dạy học?” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Hay là tôi nên lìa bỏ vị đồng Phạm hạnh?” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Hay là tôi nên trở thành gia chủ?” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Hay là tôi nên trở thành nam cư sĩ?” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Hay là tôi nên trở thành người phụ việc chùa?” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Hay là tôi nên trở thành Sa-di?” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Hay là tôi nên trở thành ngoại đạo?” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Hay là tôi nên trở thành đệ tử ngoại đạo?” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Hay là tôi nên trở thành không phải là Sa-môn?” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Hay là tôi nên trở thành không phải là Thích tử?” Nay các Tỷ-khuru, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được lìa bỏ.

11. Hoặc là [vị Tỷ-khuru] bị bức bối, không thỏa thích, có ý định giã từ hạnh Sa-môn, trong khi bị bồn chồn, bị hổ thẹn, chán ghét thân phận Tỷ-khuru, mong mỗi thân phận gia chủ, ...(nt)... mong mỗi thân phận không phải là Thích tử rồi nói ra, tuyên bố rằng: “Nếu như tôi có thể lìa bỏ đức Phật?” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Nếu như tôi có thể không phải là Thích tử?” Nay các Tỷ-khuru, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được lìa bỏ.

12. Hoặc là ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Giờ tôi nên lìa bỏ đức Phật.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Giờ tôi nên không phải là Thích tử.” Nay các Tỷ-khuru, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được lìa bỏ.

13. Hoặc là ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Vậy tôi hãy nên lìa bỏ đức Phật.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Vậy tôi hãy nên không phải là Thích tử.” Nay

các Tỳ-khuru, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được lia bỏ.

14. Hoặc là ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Ước gì tôi có thể lia bỏ đức Phật.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Ước gì tôi có thể không phải là Thích tử.” Đây các Tỳ-khuru, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được lia bỏ.

15. Hoặc là [vị Tỳ-khuru] bị bức bối, không thỏa thích, có ý định giã từ hạnh Sa-môn, trong khi bị bồn chồn, bị hổ thẹn, chán ghét thân phận Tỳ-khuru, mong mỗi thân phận gia chủ, ...(nt)... mong mỗi thân phận không phải là Thích tử rồi nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi nhớ mẹ.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi nhớ cha.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi nhớ anh [em] trai.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi nhớ chị [em] gái.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi nhớ con trai.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi nhớ con gái.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi nhớ vợ.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi nhớ quyến thuộc.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi nhớ bạn bè.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi nhớ làng quê.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi nhớ phố phường.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi nhớ ruộng.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi nhớ vườn.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi nhớ tiền vàng.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi nhớ vàng khối.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi nhớ nghề nghiệp.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi hồi tưởng lại sự cười, nói, đùa giỡn trước đây.” Đây các Tỳ-khuru, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được lia bỏ.

16. Hoặc là [vị Tỳ-khuru] bị bức bối, không thỏa thích, có ý định giã từ hạnh Sa-môn, trong khi bị bồn chồn, bị hổ thẹn, chán ghét thân phận Tỳ-khuru, mong mỗi thân phận gia chủ, ...(nt)... mong mỗi thân phận không phải là Thích tử rồi nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có mẹ. Người ấy có thể nuôi tôi.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có cha. Người ấy có thể nuôi tôi.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có anh [em] trai. Người ấy có thể nuôi tôi.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có chị [em] gái. Người ấy có thể nuôi tôi.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có con trai. Nó có thể nuôi tôi.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có con gái. Nó có thể nuôi tôi.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có vợ. Cô ấy có thể nuôi tôi.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có quyến thuộc. Họ có thể nuôi tôi.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có bạn bè. Họ có thể nuôi tôi.” Đây các Tỳ-khuru, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được lia bỏ.

17. Hoặc là [vị Tỳ-khuru] bị bức bối, không thỏa thích, có ý định giã từ hạnh Sa-môn, trong khi bị bồn chồn, bị hổ thẹn, chán ghét thân phận Tỳ-khuru, mong mỗi thân phận gia chủ, ...(nt)... mong mỗi thân phận không phải là Thích tử rồi nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có mẹ. Người ấy sẽ nuôi tôi.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có cha. Người ấy sẽ nuôi tôi.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi

có anh [em] trai. Người ấy sẽ nuôi tôi.” ... (nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có chị [em] gái. Người ấy sẽ nuôi tôi.” ... (nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có con trai. Người ấy sẽ nuôi tôi.” ... (nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có con gái. Người ấy sẽ nuôi tôi.” ... (nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có vợ. Người ấy sẽ nuôi tôi.” ... (nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có quyền thuộc. Các người ấy sẽ nuôi tôi.” ... (nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có bạn bè. Các người ấy sẽ nuôi tôi.” ... (nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có làng quê. Tôi sẽ sống nhờ nó.” ... (nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có phố phường. Tôi sẽ sống nhờ nó.” ... (nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có ruộng. Tôi sẽ sống nhờ nó.” ... (nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có vườn. Tôi sẽ sống nhờ nó.” ... (nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có tiền vàng. Tôi sẽ sống nhờ nó.” ... (nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có vàng khối. Tôi sẽ sống nhờ nó.” ... (nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có nghề nghiệp. Tôi sẽ sống nhờ nó.” Đây các Tỳ-khuru, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được lìa bỏ.

18. Hoặc là [vị Tỳ-khuru] bị bức bối, không thỏa thích, có ý định giã từ hạnh Sa-môn, trong khi bị bồn chồn, bị hổ thẹn, chán ghét thân phận Tỳ-khuru, mong mỗi thân phận gia chủ, ... (nt)... mong mỗi thân phận không phải là Thích tử rồi nói ra, tuyên bố rằng: “Việc khó làm!” ... (nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Không phải việc dễ làm!” ... (nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Việc khó thực hành!” ... (nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Không phải việc dễ thực hành!” ... (nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi không nỗ lực!” ... (nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi không chịu đựng nổi!” ... (nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi không sung sướng!” ... (nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi không thỏa thích!” Đây các Tỳ-khuru, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được lìa bỏ.

19. Đây các Tỳ-khuru, thế nào là có sự bày tỏ lòng yếu nhược và sự học tập được lìa bỏ? Đây các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru bị bức bối, không thỏa thích, có ý định giã từ hạnh Sa-môn, trong khi bị bồn chồn, bị hổ thẹn, chán ghét thân phận Tỳ-khuru, mong mỗi thân phận gia chủ, ... (nt)... mong mỗi thân phận không phải là Thích tử rồi nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi lìa bỏ đức Phật.” Đây các Tỳ-khuru, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược và sự học tập được lìa bỏ.

20. Hoặc là [vị Tỳ-khuru] bị bức bối, không thỏa thích, có ý định giã từ hạnh Sa-môn, trong khi bị bồn chồn, bị hổ thẹn, chán ghét thân phận Tỳ-khuru, mong mỗi thân phận gia chủ, ... (nt)... mong mỗi thân phận không phải là Thích tử rồi nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi lìa bỏ giáo pháp.” ... (nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi lìa bỏ hội chúng.” ... (nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi lìa bỏ sự học tập.” ... (nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi lìa bỏ Luật.” ... (nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi lìa bỏ Giới bổn (*Pātimokkha*).” ... (nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi lìa bỏ việc đọc tụng.” ... (nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi lìa bỏ thầy tế độ.”

...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi lìa bỏ thầy dạy học.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi lìa bỏ đệ tử.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi lìa bỏ học trò.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi lìa bỏ vị có chung thầy tế độ.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi lìa bỏ vị có chung thầy dạy học.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi lìa bỏ vị đồng Phạm hạnh.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Hãy ghi nhận tôi là gia chủ.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Hãy ghi nhận tôi là cư sĩ.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Hãy ghi nhận tôi là người phụ việc chùa.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Hãy ghi nhận tôi là Sa-di.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Hãy ghi nhận tôi là ngoại đạo.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Hãy ghi nhận tôi là đệ tử ngoại đạo.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Hãy ghi nhận tôi không phải là Sa-môn.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Hãy ghi nhận tôi không phải là Thích tử.” Đây các Tỳ-khuru, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược và sự học tập được lìa bỏ.

21. Hoặc là [vị Tỳ-khuru] bị bức bối, không thỏa thích, có ý định giã từ hạnh Sa-môn, trong khi bị bòn chôn, bị hổ thẹn, chán ghét thân phận Tỳ-khuru, mong mỗi thân phận gia chủ, ...(nt)... mong mỗi thân phận không phải là Thích tử rồi nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi đã chán đức Phật.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi đã chán vị đồng Phạm hạnh.” Đây các Tỳ-khuru, như thế là ...(nt)... và sự học tập được lìa bỏ.

22. Hoặc là ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi còn liên quan gì với đức Phật?” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi còn liên quan gì với vị đồng Phạm hạnh?” Đây các Tỳ-khuru, như thế là ...(nt)... và sự học tập được lìa bỏ.

23. Hoặc là ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi không cần đến đức Phật.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi không cần đến vị đồng Phạm hạnh.” Đây các Tỳ-khuru, như thế là ...(nt)... và sự học tập được lìa bỏ.

24. Hoặc là ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi đã hoàn toàn lìa khỏi đức Phật.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi đã hoàn toàn lìa khỏi vị đồng Phạm hạnh.” Đây các Tỳ-khuru, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược và sự học tập được lìa bỏ.

25. Hoặc là, còn có những điều khác ám chỉ đức Phật, hoặc ám chỉ giáo pháp, hoặc ám chỉ hội chúng, hoặc ám chỉ sự học tập, hoặc ám chỉ Luật, hoặc ám chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*), hoặc ám chỉ việc đọc tụng, hoặc ám chỉ thầy tế độ, hoặc ám chỉ thầy dạy học, hoặc ám chỉ người đệ tử, hoặc ám chỉ người học trò, hoặc ám chỉ vị có chung thầy tế độ, hoặc ám chỉ vị có chung thầy dạy học, hoặc ám chỉ vị đồng Phạm hạnh, hoặc ám chỉ gia chủ, hoặc ám chỉ nam cư sĩ, hoặc ám chỉ người phụ việc chùa, hoặc ám chỉ Sa-di, hoặc ám chỉ ngoại đạo, hoặc ám chỉ đệ tử ngoại đạo, hoặc ám chỉ việc không phải là Sa-môn, hoặc ám chỉ việc không phải là Thích tử, và vị nói ra, tuyên bố với những hình thức ấy, với những biểu hiện ấy, với những dấu hiệu ấy. Đây các Tỳ-khuru, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược và sự học tập được lìa bỏ.

26. *Này các Tỳ-khuru, thế nào là sự học tập chưa được lìa bỏ?* Này các Tỳ-khuru, ở đây, sự học tập được lìa bỏ với những hình thức, với những biểu hiện, với những dấu hiệu mà vị bị điên lìa bỏ sự học tập với những hình thức ấy, với những biểu hiện ấy, với những dấu hiệu ấy thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị lìa bỏ điều học trong sự chứng minh của vị bị điên thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị có tâm bị rối loạn lìa bỏ sự học tập thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị lìa bỏ điều học trong sự chứng minh của vị có tâm bị rối loạn thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị bị thọ khổ hành hạ lìa bỏ sự học tập thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị lìa bỏ điều học trong sự chứng minh của vị bị thọ khổ hành hạ thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị lìa bỏ điều học trong sự chứng minh của thiên nhân thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị lìa bỏ điều học trong sự chứng minh của loài thú thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị lìa bỏ điều học theo ngôn ngữ quý phái trong sự chứng minh của người bình dân, và nếu người ấy không hiểu thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị lìa bỏ điều học theo ngôn ngữ bình dân trong sự chứng minh của người quý phái, và nếu người ấy không hiểu thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị lìa bỏ điều học theo ngôn ngữ quý phái trong sự chứng minh của người quý phái nhưng nếu người ấy không hiểu thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị lìa bỏ điều học theo ngôn ngữ bình dân trong sự chứng minh của người bình dân nhưng nếu người ấy không hiểu thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị lìa bỏ điều học theo lối đùa cợt thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị lìa bỏ điều học do bị lừa dối thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị ấy nói ra nhưng có ý định không cho nghe thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị ấy có định cho nghe nhưng nói ra không nghe được thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị ấy nói với kẻ không hiểu biết thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị ấy không nói ra cho nghe đến người hiểu biết thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Hoặc vị ấy không nói ra đầy đủ thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Này các Tỳ-khuru, như thế là sự học tập chưa được lìa bỏ.

27. *Việc đôi lứa* nghĩa là việc nào là việc kết hợp của hai người, theo từng cặp, ở nơi kín đáo, là việc làm không tốt đẹp, là việc làm của các dân làng, là việc làm của những người thấp kém, là xấu xa, kết cuộc phải dùng nước tẩy rửa; việc ấy gọi là việc đôi lứa.

28. *Thực hiện* nghĩa là vị nào đưa vật biểu tượng vào vật biểu tượng, đưa dương vật vào âm vật, cho dầu chỉ [đưa vào] khoảng cách bằng hạt mè, vị ấy được gọi là thực hiện.

29. *Ngay cả với loài thú cái*: Sau khi thực hiện việc đôi lứa với giống cái của loài thú thì không còn là Sa-môn, không còn là Thích tử nữa, chứ không phải chỉ với người nữ; vì thế được gọi là “ngay cả với loài thú cái.”

30. *Là vị phạm tội Pārājika*: Cũng giống như người đàn ông bị chặt đứt đầu, không thể sống bám víu vào thân thể ấy. Tương tự như thế, vị Tỳ-khuru sau

khi thực hiện việc đôi lứa thì không còn là Sa-môn, không còn là Thích tử; vì thế được gọi là “vị phạm tội *Pārājika*.”

31. Không được cộng trú: Cộng trú nghĩa là có chung hành sự, có chung việc đọc tụng [Giới bản], có sự học tập giống nhau, điều ấy gọi là cộng trú. Vị ấy không có được điều ấy, vì thế được gọi là “không được cộng trú.”

32. Nữ tánh có ba loại: Người nữ, phi nhân nữ, thú cái. *Lưỡng căn* có ba loại: Người lưỡng căn, phi nhân lưỡng căn, thú lưỡng căn. *Vô căn*¹² có ba loại: Người vô căn, phi nhân vô căn, thú vô căn. *Nam tánh* có ba loại: Người nam, phi nhân nam, thú đực.

33. Vị thực hiện việc đôi lứa với người nữ theo ba đường: Ở đường đại tiện, ở đường tiểu tiện, ở miệng thì phạm tội *Pārājika*. Vị thực hiện việc đôi lứa với phi nhân nữ ...(nt)... với thú cái theo ba đường: Ở đường đại tiện, ở đường tiểu tiện, ở miệng thì phạm tội *Pārājika*. Vị thực hiện việc đôi lứa với người lưỡng căn ...(nt)... với phi nhân lưỡng căn ...(nt)... với thú lưỡng căn theo ba đường: Ở đường đại tiện, ở đường tiểu tiện, ở miệng thì phạm tội *Pārājika*.

34. Vị thực hiện việc đôi lứa với người vô căn theo hai đường: Ở đường đại tiện, ở miệng thì phạm tội *Pārājika*. Vị thực hiện việc đôi lứa với phi nhân vô căn ...(nt)... với thú vô căn ...(nt)... với người nam ...(nt)... với phi nhân nam ...(nt)... với thú đực theo hai đường: Ở đường đại tiện, ở miệng thì phạm tội *Pārājika*.

35. Vị Tỳ-khưu nghĩ đến việc giao hợp rồi đưa dương vật vào đường đại tiện của người nữ thì phạm tội *Pārājika*. Vị Tỳ-khưu nghĩ đến việc giao hợp rồi đưa dương vật vào đường tiểu tiện ...(nt)... vào miệng của người nữ thì phạm tội *Pārājika*. Vị Tỳ-khưu nghĩ đến việc giao hợp rồi đưa dương vật vào đường đại tiện ...(nt)... vào đường tiểu tiện ...(nt)... vào miệng của phi nhân nữ ...(nt)... của thú cái ...(nt)... của người lưỡng căn ...(nt)... của phi nhân lưỡng căn ...(nt)... của thú lưỡng căn thì phạm tội *Pārājika*.

36. Vị Tỳ-khưu nghĩ đến việc giao hợp rồi đưa dương vật vào đường đại tiện ...(nt)... vào miệng của người vô căn thì phạm tội *Pārājika*. Vị Tỳ-khưu nghĩ đến việc giao hợp rồi đưa dương vật vào đường đại tiện ...(nt)... vào miệng của phi nhân vô căn ...(nt)... của thú vô căn ...(nt)... của người nam ...(nt)... của phi nhân nam ...(nt)... của thú đực ...(nt)... thì phạm tội *Pārājika*.

¹² Từ *Pāli*, *paṇḍaka* là đề cập đến phái nam. Về phái nữ, các từ được tìm thấy là *paṇḍikā*, *itthipaṇḍikā*, *itthipaṇḍaka*. Từ tiếng Anh tương đương là *eumuch*, được dịch sang tiếng Việt là “hoạn quan, thái giám.” Từ “bị thiên” đã được dùng đến trong một số bản dịch trước đây. Lâu nay, chúng tôi hiểu theo ý nghĩa thông thường đó. Gần đây, chúng tôi tìm thấy từ *jātipaṇḍaka*, mới biết thêm được là có hạng người *paṇḍaka* bẩm sinh. Dựa theo phần giảng giải của giới *Pārājika* thứ nhất này, chúng tôi có được khái niệm là hạng này không có bộ phận sinh dục, còn việc xác định nam hay nữ là do các đặc tính khác như vóc dáng, bộ ngực, giọng nói, v.v... Về tâm sinh lý, trong *Mahāvagga* (*Đại phẩm*), thuộc Luật tạng có câu chuyện đề cập đến bản chất ham muốn về nhục dục của hạng người này. Chúng tôi tạm dịch là “vô căn” cho hạng người không có bộ phận sinh dục này, cho dù là bẩm sinh hay bị thiên.

37. Các Tỳ-khuru đối nghịch¹³ đem người nữ lại gần vị Tỳ-khuru rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện [của cô ấy]. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Pārājika*. Các Tỳ-khuru đối nghịch đem người nữ lại gần vị Tỳ-khuru rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện [của cô ấy]. Nếu vị ấy không ưng thuận việc đưa vào, [nhưng] ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Pārājika*.

Các Tỳ-khuru đối nghịch đem người nữ lại gần vị Tỳ-khuru rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện [của cô ấy]. Nếu vị ấy không ưng thuận việc đưa vào, không ưng thuận khi được đẩy vào, [nhưng] ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Pārājika*. Các Tỳ-khuru đối nghịch đem người nữ lại gần vị Tỳ-khuru rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện [của cô ấy]. Nếu vị ấy không ưng thuận việc đưa vào, không ưng thuận khi được đẩy vào, không ưng thuận khi dừng lại, [nhưng] ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Pārājika*.

Các Tỳ-khuru đối nghịch đem người nữ lại gần vị Tỳ-khuru rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện [của cô ấy]. Nếu vị ấy không ưng thuận việc đưa vào, không ưng thuận khi được đẩy vào, không ưng thuận khi dừng lại, không ưng thuận việc rút ra thì vô tội.

38. Các Tỳ-khuru đối nghịch đem người nữ lại gần vị Tỳ-khuru rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường tiểu tiện ...(nt)... với miệng [của cô ấy]. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Pārājika*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

39. Các Tỳ-khuru đối nghịch đem người nữ đang tỉnh táo ...(nt)... đang ngủ ...(nt)... đang say sưa ...(nt)... bị điên ...(nt)... đang đờ đẫn ...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn ...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn nhiều phần ...(nt)... Nếu vị ấy ưng thuận ...(nt)... thì phạm tội *Pārājika*.

40. Các Tỳ-khuru đối nghịch đem người nữ đã chết, đã bị [thú] ăn nhiều phần lại gần vị Tỳ-khuru rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện ...(nt)... với đường tiểu tiện ...(nt)... với miệng [của cô ấy]. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Thullaccaya*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

41. Các Tỳ-khuru đối nghịch đem phi nhân nữ ...(nt)... thú cái ...(nt)... người lưỡng căn ...(nt)... phi nhân lưỡng căn ...(nt)... thú lưỡng căn lại gần vị Tỳ-khuru rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện ...(nt)... với đường tiểu tiện ...(nt)... với miệng [của đối tượng]. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Pārājika*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

¹³ *Bhikkhupaccatthikā* được *Ṭikā* (*Sớ giải*) giải thích là: “Các kẻ đối nghịch của Tỳ-khuru”, còn ngài Buddhaghosa thiên về ý “các Tỳ-khuru đối nghịch.” Theo văn phạm, hai cách dịch trên đều có khả năng tùy theo cách phân tích hợp từ *bhikkhupaccatthikā* là *tappurisa* hay *kammadhāraya*. Sự chọn lựa của ngài Buddhaghosa có phần hợp lý hơn, xin xem giải thích ở phần kế.

42. Các Tỳ-khuru đối nghịch đem thú lưỡng căn đang tỉnh táo ...(nt)... đang ngủ ...(nt)... đang say sưa ...(nt)... bị điên ...(nt)... đang đờ đẫn ...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn ...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn nhiều phần ...(nt)... Nếu vị ấy ưng thuận ...(nt)... thì phạm tội *Pārājika*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

43. Các Tỳ-khuru đối nghịch đem thú lưỡng căn đã chết, đã bị [thú] ăn nhiều phần lại gần vị Tỳ-khuru rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện ...(nt)... với đường tiểu tiện ...(nt)... với miệng [của đối tượng]. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Thullaccaya*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

44. Các Tỳ-khuru đối nghịch đem người vô căn ...(nt)... phi nhân vô căn ...(nt)... thú vô căn lại gần vị Tỳ-khuru rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện ...(nt)... với miệng [của đối tượng]. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm *Pārājika*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

45. Các Tỳ-khuru đối nghịch đem thú vô căn đang tỉnh táo ...(nt)... đang ngủ ...(nt)... đang say sưa ...(nt)... bị điên ...(nt)... đang đờ đẫn ...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn ...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn nhiều phần. Nếu vị ấy ưng thuận ...(nt)... thì phạm tội *Pārājika*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

46. Các Tỳ-khuru đối nghịch đem thú vô căn đã chết, đã bị [thú] ăn nhiều phần lại gần vị Tỳ-khuru rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện ...(nt)... với miệng [của đối tượng]. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Thullaccaya*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

47. Các Tỳ-khuru đối nghịch đem người nam ...(nt)... phi nhân nam ...(nt)... thú đực lại gần vị Tỳ-khuru rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện ...(nt)... với miệng [của đối tượng]. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm *Pārājika*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

48. Các Tỳ-khuru đối nghịch đem thú đực đang tỉnh táo ...(nt)... đang ngủ ...(nt)... đang say sưa ...(nt)... bị điên ...(nt)... đang đờ đẫn ...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn ...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn nhiều phần ...(nt)... Nếu vị ấy ưng thuận ...(nt)... thì phạm tội *Pārājika*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

49. Các Tỳ-khuru đối nghịch đem thú đực đã chết, đã bị [thú] ăn nhiều phần lại gần vị Tỳ-khuru rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện ...(nt)... với miệng [của đối tượng]. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Thullaccaya*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

50. Các Tỳ-khuru đối nghịch đem người nữ lại gần vị Tỳ-khuru rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện ...(nt)... với đường tiểu tiện ...(nt)... với miệng [của cô ấy], của cô ấy được che phủ và của vị ấy không được che phủ

...(nt)... của cô ấy không được che phủ và của vị ấy được che phủ ...(nt)... của cô ấy được che phủ và của vị ấy được che phủ ...(nt)... của cô ấy không được che phủ và của vị ấy không được che phủ. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Pārājika*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

51. Các Tỷ-khuru đối nghịch đem người nữ đang tỉnh táo ... đang ngủ ... đang say sưa ... bị điên ... đang đỡ đỡ ... đã chết chưa bị [thú] ăn ... đã chết chưa bị [thú] ăn nhiều phần ... Nếu vị ấy ưng thuận ...(nt)... thì phạm tội *Pārājika*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

52. Các Tỷ-khuru đối nghịch đem người nữ ...(nt)... phi nhân nữ ...(nt)... thú cái đã chết, đã bị [thú] ăn nhiều phần lại gần vị Tỷ-khuru rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện ...(nt)... với đường tiểu tiện ...(nt)... với miệng [của đối tượng], của đối tượng được che phủ và của vị ấy không được che phủ ...(nt)... của đối tượng không được che phủ và của vị ấy được che phủ ...(nt)... của đối tượng được che phủ và của vị ấy được che phủ ...(nt)... của đối tượng không được che phủ và của vị ấy không được che phủ. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Thullaccaya*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

53. Các Tỷ-khuru đối nghịch đem người lưỡng căn ...(nt)... phi nhân lưỡng căn ...(nt)... thú lưỡng căn lại gần vị Tỷ-khuru rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện ...(nt)... với đường tiểu tiện ...(nt)... với miệng [của đối tượng], của đối tượng được che phủ và của vị ấy không được che phủ ... của đối tượng không được che phủ và của vị ấy được che phủ ... của đối tượng được che phủ và của vị ấy được che phủ ... của đối tượng không được che phủ và của vị ấy không được che phủ. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Pārājika*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

54. Các Tỷ-khuru đối nghịch đem thú lưỡng căn đang tỉnh táo ...(nt)... đang ngủ ...(nt)... đang say sưa ...(nt)... bị điên ...(nt)... đang đỡ đỡ ...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn ...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn nhiều phần ...(nt)... thì phạm tội *Pārājika*.

55. Các Tỷ-khuru đối nghịch đem thú lưỡng căn đã chết, đã bị [thú] ăn nhiều phần lại gần vị Tỷ-khuru rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện ...(nt)... với đường tiểu tiện ...(nt)... với miệng [của đối tượng], của đối tượng được che phủ và của vị ấy không được che phủ ...(nt)... của đối tượng không được che phủ và của vị ấy được che phủ ...(nt)... của đối tượng được che phủ và của vị ấy được che phủ ...(nt)... của đối tượng không được che phủ và của vị ấy không được che phủ. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Thullaccaya*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

56. Các Tỳ-khuru đối nghịch đem người vô căn...(nt)... phi nhân vô căn...(nt)... thú vô căn...(nt)... người nam...(nt)... phi nhân nam...(nt)... thú đực lại gần vị Tỳ-khuru rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện...(nt)... với miệng [của đối tượng], của đối tượng được che phủ và của vị ấy không được che phủ...(nt)... của đối tượng không được che phủ và của vị ấy được che phủ...(nt)... của đối tượng được che phủ và của vị ấy được che phủ...(nt)... của đối tượng không được che phủ và của vị ấy không được che phủ. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm *Pārājika*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

57. Các Tỳ-khuru đối nghịch đem người vô căn...(nt)... thú đực đang tỉnh táo...(nt)... đang ngủ...(nt)... đang say sưa...(nt)... bị điên...(nt)... đang chờ đợi...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn nhiều phần...(nt)... Nếu vị ấy ưng thuận...(nt)... thì phạm tội *Pārājika*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

58. Các Tỳ-khuru đối nghịch đem thú đực đã chết, đã bị [thú] ăn nhiều phần lại gần vị Tỳ-khuru rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện...(nt)... với miệng [của đối tượng], của đối tượng được che phủ và của vị ấy không được che phủ...(nt)... của đối tượng không được che phủ và của vị ấy được che phủ...(nt)... của đối tượng được che phủ và của vị ấy được che phủ...(nt)... của đối tượng không được che phủ và của vị ấy không được che phủ. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Thullaccaya*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

59. Các Tỳ-khuru đối nghịch đem vị Tỳ-khuru lại gần người nữ rồi kết hợp đường đại tiện...(nt)... đường tiểu tiện...(nt)... miệng [của cô ấy] với dương vật [vị ấy]. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Pārājika*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

60. Các Tỳ-khuru đối nghịch đem vị Tỳ-khuru lại gần người nữ đang tỉnh táo...(nt)... đang ngủ...(nt)... đang say sưa...(nt)... bị điên...(nt)... đang chờ đợi...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn nhiều phần... Nếu vị ấy ưng thuận...(nt)... thì phạm tội *Pārājika* ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

61. Các Tỳ-khuru đối nghịch đem vị Tỳ-khuru lại gần người nữ đã chết, đã bị [thú] ăn nhiều phần rồi kết hợp đường đại tiện...(nt)... đường tiểu tiện...(nt)... miệng [của cô ấy] với dương vật [vị ấy]. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Thullaccaya*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

62. Các Tỳ-khuru đối nghịch đem vị Tỳ-khuru lại gần phi nhân nữ...(nt)... thú cái...(nt)... người lưỡng căn...(nt)... phi nhân lưỡng căn...(nt)... thú lưỡng căn...(nt)... người vô căn...(nt)... phi nhân vô căn...(nt)... thú vô căn...(nt)... người nam...(nt)... phi nhân nam...(nt)... thú đực rồi kết hợp đường đại tiện

...(nt)... miệng [của đối tượng] với dương vật [vị ấy]. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Pārājika*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

63. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem vị Tỳ-khưu lại gần thú đực đang tỉnh táo ...(nt)... đang ngủ ...(nt)... đang say sưa ...(nt)... bị điên ...(nt)... đang đờ đẫn ...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn ...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn nhiều phần ...(nt)... Nếu vị ấy ưng thuận ...(nt)... thì phạm tội *Pārājika*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

64. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem vị Tỳ-khưu lại gần thú đực đã chết, đã bị [thú] ăn nhiều phần rồi kết hợp đường đại tiện ...(nt)... miệng [của đối tượng] với dương vật [vị ấy]. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Thullaccaya*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

65. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem vị Tỳ-khưu lại gần người nữ rồi kết hợp đường đại tiện ...(nt)... đường tiểu tiện ...(nt)... miệng [của cô ấy] với dương vật [vị ấy], của vị ấy được che phủ và của cô ấy không được che phủ ...(nt)... của vị ấy không được che phủ và của cô ấy được che phủ ...(nt)... của vị ấy được che phủ và của cô ấy được che phủ ...(nt)... của vị ấy không được che phủ và của cô ấy không được che phủ. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Pārājika*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

66. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem vị Tỳ-khưu lại gần người nữ đang tỉnh táo... (nt)... đang ngủ ...(nt)... đang say sưa ...(nt)... bị điên ...(nt)... đang đờ đẫn ...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn ...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn nhiều phần ... Nếu vị ấy ưng thuận ...(nt)... thì phạm tội *Pārājika*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

67. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem vị Tỳ-khưu lại gần người nữ đã chết, đã bị [thú] ăn nhiều phần rồi kết hợp đường đại tiện ...(nt)... đường tiểu tiện...(nt)... miệng [của cô ấy] với dương vật [vị ấy]. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Thullaccaya*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

68. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem vị Tỳ-khưu lại gần phi nhân nữ ...(nt)... thú cái ...(nt)... người lưỡng căn ...(nt)... phi nhân lưỡng căn...(nt)... thú lưỡng căn rồi kết hợp đường đại tiện ...(nt)... đường tiểu tiện ...(nt)... miệng [của đối tượng] ...(nt)... lại gần người vô căn ...(nt)... phi nhân vô căn ...(nt)... thú vô căn...(nt)... người nam ...(nt)... phi nhân nam ...(nt)... thú đực rồi kết hợp đường đại tiện ...(nt)... miệng [của đối tượng] với dương vật [vị ấy] ...(nt)... của vị ấy được che phủ và của đối tượng không được che phủ ...(nt)... của vị ấy không được che phủ và của đối tượng được che phủ ...(nt)... của vị ấy được che phủ và của đối tượng không được che phủ. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Pārājika*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

69. Các Tỳ-khuru đối nghịch đem vị Tỳ-khuru lại gần thú đực đang tinh táo ...(nt)... đang ngủ ...(nt)... đang say sưa ...(nt)... bị điên ...(nt)... đang chờ đợi ...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn ...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn nhiều phần ...(nt)... Nếu vị ấy ưng thuận thì phạm tội *Pārājika*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

70. Các Tỳ-khuru đối nghịch đem vị Tỳ-khuru lại gần thú đực đã chết, đã bị [thú] ăn nhiều phần rồi kết hợp đường đại tiện ...(nt)... miệng [của đối tượng] với dương vật [vị ấy], của vị ấy được che phủ và của đối tượng không được che phủ ...(nt)... của vị ấy không được che phủ và của đối tượng được che phủ ...(nt)... của vị ấy được che phủ và của đối tượng được che phủ ...(nt)... của vị ấy không được che phủ và của đối tượng không được che phủ. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Thullaccaya*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

71. Các vị vua đối nghịch¹⁴ ...(nt)... Các kẻ trộm cướp đối nghịch ...(nt)... Các kẻ vô lại đối nghịch ...(nt)... Các kẻ thảo khấu đối nghịch ...(nt)... thì phạm tội ...(nt)... thì vô tội [nên phân tích tương tự như ở các phần liên quan đến “các Tỳ-khuru đối nghịch”].

[Phần “Được che phủ” đã được giảng xong].

72. Đưa vào đường khiêu theo đường khiêu thì phạm tội *Pārājika*. Đưa vào nơi không phải là đường khiêu theo đường khiêu thì phạm tội *Pārājika*. Đưa vào đường khiêu không theo đường khiêu thì phạm tội *Pārājika*. Đưa vào nơi không phải là đường khiêu không theo đường khiêu thì phạm tội *Thullaccaya*.

73. Vị Tỳ-khuru vi phạm giới với vị Tỳ-khuru đang ngủ. Vị kia thức giấc lại ưng thuận; cả hai nên bị trục xuất. Vị kia thức giấc không ưng thuận, kẻ làm bậy nên bị trục xuất.

74. Vị Tỳ-khuru vi phạm giới với vị Sa-di đang ngủ. Vị Sa-di thức giấc lại ưng thuận; cả hai nên bị trục xuất. Vị Sa-di thức giấc không ưng thuận, kẻ làm bậy nên bị trục xuất.

75. Vị Sa-di vi phạm giới với vị Tỳ-khuru đang ngủ. Vị Tỳ-khuru thức giấc lại ưng thuận; cả hai nên bị trục xuất. Vị Tỳ-khuru thức giấc không ưng thuận, kẻ làm bậy nên bị trục xuất.

76. Vị Sa-di vi phạm giới với vị Sa-di đang ngủ. Vị kia thức giấc lại ưng thuận; cả hai nên bị trục xuất. Vị kia thức giấc không ưng thuận, kẻ làm bậy nên bị trục xuất.

¹⁴ Nếu ở trên dịch hợp từ *bhikkhupaccatthikā* là “các kẻ đối nghịch của Tỳ-khuru” thì ở đây phải dịch *rājapaccatthikā* là “các kẻ đối nghịch của vị vua”, xét ra không hợp lý. Chính vì ở đây phải dịch là “các vị vua đối nghịch” nên có thể xác định ý nghĩa cho từ *bhikkhupaccatthikā* ở trên là “các Tỳ-khuru đối nghịch.”

77. Vị không biết, vị không ưng thuận, vị bị điên, vị có tâm bị rối loạn, vị bị thọ khổ hành hạ, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Đứt tưng phẩm “Được che phủ.”

--oo0oo--

CHUYỆN DẪN GIẢI KỆ NGÔN TÓM LƯỢC

Con khi cái, các vị Vajjī, có [hình tướng] gia chủ, lửa thề và ngoại đạo, đưa bé gái, vị Ni Uppalavannā, hai trường hợp chuyển tánh kỳ lạ.

Người mẹ, con gái, chị [em] gái, người vợ, lưng đeo, dương vật dài, hai trường hợp vết loét, tranh vẽ và tượng gỗ.

Với năm chuyện Sundara, nằm ở bãi tha ma, khúc xương, rồng cái, dạ-xoa nữ, ma nữ, người vô căn, liệt cảm giác, khi đụng.

Chuyện vị A-la-hán ngủ ở Bhaddiya, bốn chuyện Sāvatti, Vesālī ba chuyện, vòng hoa, vị ngủ mơ, ở Bhārukacca, Supabbā, Saddhā, vị Tỳ-khưu-ni, vị Ni tu tập sự, vị Sa-di-ni, gái điếm, người vô căn, nữ gia chủ, lẫn nhau, vị lớn tuổi xuất gia, con nai.

1. Vào lúc bảy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã thực hiện điều đôi lứa với con khi cái. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: “Điều học đã được đức Thế Tôn quy định; phải chăng ta đã phạm tội *Pārājika*?” Rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay Tỳ-khưu, người đã phạm tội *Pārājika*. (1)

2. Vào lúc bảy giờ, nhiều vị Tỳ-khưu Vajjiputtaka cư trú ở Vesālī đã thực hiện việc đôi lứa khi chưa lìa bỏ sự học tập và chưa bày tỏ lòng yếu nhược. Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc: “Điều học đã được đức Thế Tôn quy định; phải chăng chúng ta đã phạm tội *Pārājika*?” Rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khưu, các người đã phạm tội *Pārājika*. (2)

3. Vào lúc bảy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ [nghĩ rằng]: “Nhu thế này thì ta sẽ không phạm tội” rồi đã thực hiện việc đôi lứa với hình tướng gia chủ. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(nt).

– Nay Tỳ-khưu, người đã phạm tội *Pārājika*. (3)

4. Vào lúc bảy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ [nghĩ rằng]: “Nhu thế này thì ta sẽ không phạm tội”, sau khi trở nên trần truồng rồi đã thực hiện việc đôi lứa. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(nt).

– Nay Tỳ-khưu, người đã phạm tội *Pārājika*. (4)

5. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ [nghĩ rằng]: “Như thế này thì ta sẽ không phạm tội”, sau khi mặc vải sợi cỏ ...(nt)... sau khi mặc vỏ cây ...(nt)... sau khi mặc gỗ lát mỏng ...(nt)... sau khi mặc tấm mền bằng tóc ...(nt)... sau khi mặc cánh chim cú ...(nt)... sau khi mặc da sơn dương rồi đã thực hiện việc đôi lứa. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, người đã phạm tội *Pārājika*. (5-11)

6. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ đi khát thực. Khi thấy một đứa bé gái nằm trên ghế, vị ấy đã khởi dục vọng rồi đưa ngón tay cái vào âm vật [của đứa bé gái]. Đứa bé gái đã chết. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, không phạm tội *Pārājika*. Người phạm tội *Saṅghādisesa*. (12)

7. Vào lúc bấy giờ, có người thanh niên Bā-la-môn nọ đem lòng say đắm Tỳ-khuru-ni Uppalavaṇṇā. Khi ấy, lúc Tỳ-khuru-ni Uppalavaṇṇā đã đi vào làng để khát thực, thanh niên Bā-la-môn ấy đã đi vào liêu cốc, nắp kín rồi chờ đợi. Khi đi khát thực trở về sau bữa ăn, Tỳ-khuru-ni Uppalavaṇṇā đã rửa chân rồi đi vào liêu cốc và ngồi xuống ở trên giường. Khi ấy, người thanh niên Bā-la-môn ấy đã nhắc bổng Tỳ-khuru-ni Uppalavaṇṇā lên và làm điều tội bại. Tỳ-khuru-ni Uppalavaṇṇā đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khuru-ni. Các Tỳ-khuru-ni đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khuru. Các Tỳ-khuru đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, vị Ni không ưng thuận thì vô tội.¹⁵ (13)

8. Vào lúc bấy giờ, tướng trạng người nữ đã xuất hiện ở vị Tỳ-khuru nọ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép chuyển sang [sinh hoạt] với các Tỳ-khuru-ni [và vẫn giữ nguyên] thầy tế độ ấy, sự tu lên bậc trên ấy, các năm [thâm niên] ấy. Những tội nào của các Tỳ-khuru có liên quan đến các Tỳ-khuru-ni, các tội ấy được làm cho hết tội trong sự chứng minh của các Tỳ-khuru-ni. Những tội nào của các Tỳ-khuru không có liên quan đến các Tỳ-khuru-ni thì được vô tội với các tội ấy. (14)

9. Vào lúc bấy giờ, tướng trạng người nam đã xuất hiện ở vị Tỳ-khuru-ni nọ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép chuyển sang [sinh hoạt] với các Tỳ-khuru [và vẫn giữ nguyên] thầy tế độ ấy, sự tu lên bậc trên ấy, các năm [thâm niên] ấy. Những tội nào của các Tỳ-khuru-ni có liên quan đến các Tỳ-khuru, các tội ấy được làm cho hết tội trong sự chứng minh của các Tỳ-khuru. Những tội nào của các Tỳ-khuru-ni không có liên quan đến các Tỳ-khuru thì được vô tội với các tội ấy. (15)

¹⁵ Lúc này, vị Tỳ-khuru-ni Uppalavaṇṇā đã là vị A-la-hán. Còn người thanh niên ấy, khi vừa đi khuất tầm mắt của vị Tỳ-khuru-ni thì quả địa cầu đã nứt, tạo ra lỗ hổng hút vào lòng đất như thể quả địa cầu này không thể nâng đỡ nổi kẻ độc ác ấy. Anh ta lập tức bị đọa vào địa ngục Avīci và ở vào trạng thái bị lửa địa ngục thiêu đốt (*VinA*. I. 273).

10. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ [nghĩ rằng]: “Như thế này thì ta sẽ không phạm tội” rồi đã thực hiện việc đôi lứa với người mẹ. ...(nt)... rồi đã thực hiện việc đôi lứa với con gái. ...(nt)... rồi đã thực hiện việc đôi lứa với chị [em] gái. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay Tỳ-khưu, người đã phạm tội *Pārājika*. (16-18)

11. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã thực hiện việc đôi lứa với người vợ cũ. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khưu, người đã phạm tội *Pārājika*. (19)

12. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ là người có lưng dẹo. Vị ấy bị bức bối bởi sự không thỏa thích nên đã dùng miệng ngậm lấy dương vật của mình. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khưu, người đã phạm tội *Pārājika*. (20)

13. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ là người có dương vật dài. Vị ấy bị bức bối bởi sự không thỏa thích nên đã đưa dương vật của mình vào đường đại tiện của mình. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khưu, người đã phạm tội *Pārājika*. (21)

14. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã nhìn thấy thân người chết. Và trên thi thể ấy, có vết loét ở bên cạnh bộ phận sinh dục. Vị ấy [nghĩ rằng]: “Như thế này thì ta sẽ không phạm tội” rồi đã đưa dương vật vào bộ phận sinh dục rồi rút ra bằng chỗ vết loét. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khưu, người đã phạm tội *Pārājika*. (22)

15. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã nhìn thấy thân người chết. Và trên thi thể ấy, có vết loét ở bên cạnh bộ phận sinh dục. Vị ấy [nghĩ rằng]: “Như thế này thì ta sẽ không phạm tội” rồi đã đưa dương vật vào vết loét rồi rút ra từ bộ phận sinh dục. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khưu, người đã phạm tội *Pārājika*. (23)

16. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị khởi dục nên đã dùng dương vật [của mình] sờ vào vật biểu tượng ở tranh vẽ. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Dukkaṭa*. (24)

17. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị khởi dục nên đã dùng dương vật [của mình] sờ vào chỗ kín ở tượng gỗ. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Dukkaṭa*. (25)

18. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu tên Sundara đã được xuất gia ở thành Rājagaha và [đang] đi trên đường. Có người nữ nọ, sau khi nhìn thấy vị ấy đã nói điều này:

– Thừa ngài, xin chờ chốc lát, tôi sẽ đánh lễ.

Trong khi đánh lễ, người nữ ấy đã vén y nội lên rồi dùng miệng ngậm lấy dương vật [vị ấy]. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

- Nay Tỳ-khuru, có phải người đã ưng thuận?
- Bạch Thế Tôn, con đã không ưng thuận.
- Nay Tỳ-khuru, vị không ưng thuận thì vô tội.¹⁶ (26)

19. Vào lúc bấy giờ, có người nữ nọ, sau khi nhìn thấy vị Tỳ-khuru đã nói điều này:

- Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy thực hiện việc đôi lứa.
- Nay chị gái, thôi đi. Việc ấy không được phép.
- Thưa ngài, hãy đến. Tôi sẽ ra sức, ngài đừng ra sức; như thế ngài sẽ không phạm tội.

Vị Tỳ-khuru ấy đã làm như thế. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

- Nay Tỳ-khuru, người đã phạm tội *Pārājika*. (27)

20. Vào lúc bấy giờ, có người nữ nọ, sau khi nhìn thấy vị Tỳ-khuru đã nói điều này:

- Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy thực hiện việc đôi lứa.
- Nay chị gái, thôi đi. Việc ấy không được phép.
- Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy ra sức, tôi sẽ không ra sức; như thế ngài sẽ không phạm tội.

Vị Tỳ-khuru ấy đã làm như thế. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

- Nay Tỳ-khuru, người đã phạm tội *Pārājika*. (28)

21. Vào lúc bấy giờ, có người nữ nọ, sau khi nhìn thấy vị Tỳ-khuru đã nói điều này:

- Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy thực hiện việc đôi lứa.
- Nay chị gái, thôi đi. Việc ấy không được phép.
- Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy cọ xát bên trong rồi cho xuất tinh ra ở bên ngoài. ...(nt)... Ngài hãy cọ xát bên ngoài rồi cho xuất tinh ra ở bên trong; như thế ngài sẽ không phạm tội.

Vị Tỳ-khuru ấy đã làm như thế. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

- Nay Tỳ-khuru, người đã phạm tội *Pārājika*. (29-30)

22. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ, sau khi đi đến bãi tha ma đã nhìn thấy thi thể chưa bị [thú] ăn và đã thực hiện việc đôi lứa ở thi thể ấy. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

- Nay Tỳ-khuru, người đã phạm tội *Pārājika*. (31)

23. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ, sau khi đi đến bãi tha ma đã nhìn thấy thi thể chưa bị [thú] ăn nhiều phần và đã thực hiện việc đôi lứa ở thi thể ấy. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

¹⁶ Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: Vị này đẹp trai (*sundara*) và là vị Bất lai nên không còn ưa thích về việc đôi lứa (*VinA. I. 278*).

– Đây Tỳ-khưu, người đã phạm tội *Pārājika*. (32)

24. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi đi đến bãi tha ma đã nhìn thấy thi thể đã bị [thú] ăn nhiều phần và đã thực hiện việc đôi lứa ở thi thể ấy. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt)...

– Đây Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (33)

25. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi đi đến bãi tha ma đã nhìn thấy cái đầu bị đứt lìa rồi đã đưa dương vật vào cái miệng đã được banh ra và có va chạm. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Đây Tỳ-khưu, người đã phạm tội *Pārājika*. (34)

26. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi đi đến bãi tha ma đã nhìn thấy cái đầu bị đứt lìa rồi đã đưa dương vật vào cái miệng đã được banh ra và không va chạm. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Đây Tỳ-khưu, người không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Dukkaṭa*. (35)

27. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đem lòng say đắm người nữ nọ. Nàng ấy đã từ trần và bị quăng bỏ ở mộ địa. Các khúc xương đã bị phân tán rải rác. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã đi vào bãi tha ma rồi thâm nhập các khúc xương lại và đã đặt dương vật vào chỗ kín. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(nt).

– Đây Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Dukkaṭa*. (36)

28. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã thực hiện việc đôi lứa với rồng cái. ...(nt)... đã thực hiện việc đôi lứa với dạ-xoa nữ. ...(nt)... đã thực hiện việc đôi lứa với ma nữ. ...(nt)... đã thực hiện việc đôi lứa với người vô căn. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Đây Tỳ-khưu, người đã phạm tội *Pārājika*. (37-40)

29. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị liệt cảm giác. Vị ấy [nghĩ rằng]: “Ta đây không cảm giác được lạc hay khô, như thế ta sẽ không phạm tội” rồi đã thực hiện việc đôi lứa. ...(nt)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Đây các Tỳ-khưu, kẻ rồ dại ấy đã phạm tội *Pārājika*, dầu đã cảm giác hay đã không cảm giác. (41)

30. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ [nghĩ rằng]: “Ta sẽ thực hiện việc đôi lứa với người nữ” nhưng chỉ mới chạm vào vị ấy đã hối hận. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Đây Tỳ-khưu, người không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Saṅghādisesa*. (42)

31. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ nằm nghỉ ngơi vào ban ngày trong khu rừng Jāṭiyā, ở thành Bhaddiya. Các phần cơ thể của vị ấy đã bị cương lên bởi gió. Có người nữ nọ nhìn thấy rồi đã ngồi lên trên dương vật [vị ấy], đến khi đạt được mục đích đã bỏ đi. Các vị Tỳ-khưu nhìn thấy [vị ấy] bị nhầy nhụa nên đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, dương vật trở nên thích ứng do năm lý do: Do ái dục, do phân, do nước tiểu, do gió, do bị cắn bởi sâu bọ. Nay các Tỳ-khuru, đây là năm lý do làm cho dương vật trở nên thích ứng. Nay các Tỳ-khuru, dương vật của vị Tỳ-khuru ấy trở nên thích ứng do ái dục là điều không có cơ sở và không hợp lý. Nay các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru ấy là vị A-la-hán. Nay các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru ấy không phạm tội. (43)

32. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ nằm nghỉ ngơi vào ban ngày trong khu rừng Andha, ở thành Sāvatthi. Có cô chăn bò nọ nhìn thấy rồi đã ngồi lên trên dương vật [vị ấy]. Vị Tỳ-khuru ấy đã ưng thuận việc đưa vào, đã ưng thuận khi được đẩy vào, đã ưng thuận khi dừng lại, đã ưng thuận việc rút ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, người đã phạm tội *Pārājika*. (44)

33. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ nằm nghỉ ngơi vào ban ngày trong khu rừng Andha, ở thành Sāvatthi. Có cô chăn dê nọ nhìn thấy ...(nt)... Có cô đi mót củi nọ nhìn thấy ...(nt)... Có cô đi nhặt phân bò nọ nhìn thấy rồi đã ngồi lên trên dương vật [vị ấy]. Vị Tỳ-khuru ấy đã ưng thuận việc đưa vào, đã ưng thuận khi được đẩy vào, đã ưng thuận khi dừng lại, đã ưng thuận việc rút ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, người đã phạm tội *Pārājika*. (45-47)

34. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ nằm nghỉ ngơi vào ban ngày ở Mahāvana, trong thành Vesālī. Có người nữ nọ nhìn thấy rồi đã ngồi lên dương vật [vị ấy], sau khi đạt được mục đích đã đứng cạnh bên rồi cười. Vị Tỳ-khuru ấy thức giấc đã nói với người nữ ấy điều này:

– Có phải việc làm này là của cô?

– Thừa vâng, là việc làm của tôi.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, người có ưng thuận không?

– Bạch Thế Tôn, con không biết.

– Nay Tỳ-khuru, vị không biết thì vô tội. (48)

35. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ, khi nghỉ ngơi vào ban ngày ở Mahāvana trong thành Vesālī, đã nằm xuống tựa vào thân cây. Có người nữ nọ nhìn thấy rồi đã ngồi lên trên dương vật [vị ấy]. Vị Tỳ-khuru ấy đã lập tức đứng dậy. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, có phải người đã ưng thuận?

– Bạch Thế Tôn, con đã không ưng thuận.

– Nay Tỳ-khuru, vị không ưng thuận thì vô tội. (49)

36. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ, khi nghỉ ngơi vào ban ngày ở Mahāvana trong thành Vesālī, đã nằm xuống tựa vào thân cây. Có người nữ nọ

nhìn thấy rồi đã ngồi lên trên dương vật [vị ấy]. Vị Tỳ-khuru ấy đã nhôm dậy khiến cô ấy lăn tròn. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

- Nay Tỳ-khuru, có phải người đã ưng thuận?
- Bạch Thế Tôn, con đã không ưng thuận.
- Nay Tỳ-khuru, vị không ưng thuận thì vô tội. (50)

37. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ, khi nghỉ ngơi vào ban ngày tại giảng đường Kūṭāgāra, ở Mahāvana, trong thành Vesālī đã mở cửa lớn rồi nằm xuống. Các phần thân thể của vị ấy đã bị cương lên bởi gió. Vào lúc bấy giờ, có nhiều người nữ mang theo vật thơm và tràng hoa đã đi đến tu viện ngắm nhìn các trú xá. Khi ấy, những người nữ ấy đã nhìn thấy vị Tỳ-khuru ấy nên đã ngồi lên trên dương vật [vị ấy], đến khi đạt được mục đích đã nói rằng: “Đây quả thật là người như bò mộng”, sau khi để lại vật thơm và tràng hoa rồi đã bỏ đi. Các vị Tỳ-khuru nhìn thấy [vị ấy] bị nhậy nhụa nên đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, dương vật trở nên thích ứng do năm lý do: Do ái dục, do phân, do nước tiểu, do gió, do bị cắn bởi sâu bọ. Nay các Tỳ-khuru, đây là năm lý do làm cho dương vật trở nên thích ứng. Nay các Tỳ-khuru, dương vật của vị Tỳ-khuru ấy trở nên thích ứng do ái dục là điều không có cơ sở và không hợp lý. Nay các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru ấy là vị A-la-hán. Nay các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru ấy không có phạm tội. Nay các Tỳ-khuru, đối với vị nghỉ ngơi vào ban ngày, Ta cho phép nghỉ ngơi sau khi đã đóng cửa lớn lại. (51)

38. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ người thành phố Bhārukaccha, trong lúc đang ngủ [mơ thấy] đã thực hiện việc đôi lứa với người vợ cũ [nên nghĩ rằng]: “Ta không còn là Sa-môn nữa, ta sẽ hoàn tục.” Trong lúc đi đến thành phố Bhārukaccha, giữa đường đã nhìn thấy Đại đức Upālī và đã kể lại sự việc ấy. Đại đức Upālī đã nói như vậy:

- Nay Đại đức, với vị đang ngủ mơ thì không phạm tội. (52)

39. Vào lúc bấy giờ, nữ cư sĩ tên Supabbā ở trong thành Rājagaha là người có đức tin mù quáng. Cô ấy có tri kiến như vậy: “Người nữ nào dâng cúng việc đôi lứa thì người nữ ấy dâng cúng vật thí tối thượng.” Sau khi nhìn thấy vị Tỳ-khuru, cô ấy đã nói điều này:

- Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy thực hiện việc đôi lứa.
- Nay chị gái, thôi đi. Việc ấy không được phép.
- Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy cạo xát ở giữa hai bắp vế; như thế ngài sẽ không phạm tội.

Vị Tỳ-khuru ấy đã làm như thế. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

- Nay Tỳ-khuru, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Saṅghādisesa*. (53)

40. Vào lúc bấy giờ, nữ cư sĩ tên Supabbā ở trong thành Rājagaha là người có đức tin mù quáng. Cô ấy có quan điểm như vậy: “Người nữ nào dâng cúng

việc đôi lứa thì người nữ ấy dâng cúng vật thí tối thượng.” Sau khi nhìn thấy vị Tỳ-khuru, cô ấy đã nói điều này:

– Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy thực hiện việc đôi lứa.

– Này chị gái, thôi đi. Việc ấy không được phép.

– Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy cọ xát ở lỗ rún; ...(nt)... Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy cọ xát ở bụng; ...(nt)... Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy cọ xát ở nách; ...(nt)... Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy cọ xát ở cổ; ...(nt)... Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy cọ xát ở lỗ tai; ...(nt)... Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy cọ xát ở bím tóc; ...(nt)... Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy cọ xát ở giữa hai ngón tay; ...(nt)... Thưa ngài, hãy đến. Tôi sẽ dùng tay ra sức và làm [ngài] xuất tinh; như thế ngài sẽ không phạm tội.

Vị Tỳ-khuru ấy đã làm như thế. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khuru, người không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Saṅghādisesa*. (54-61)

41. Vào lúc bấy giờ, nữ cư sĩ tên Saddhā ở trong thành Sāvatti là người có đức tin mù quáng. Cô ấy có quan điểm như vậy: “Người nữ nào dâng cúng việc đôi lứa thì người nữ ấy dâng cúng vật thí tối thượng.” Sau khi nhìn thấy vị Tỳ-khuru, cô ấy đã nói điều này:

– Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy thực hiện việc đôi lứa.

– Này chị gái, thôi đi. Việc ấy không được phép.

– Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy cọ xát ở giữa hai bắp vế; ...(nt)... Thưa ngài, hãy đến. Tôi sẽ đến gần và dùng tay làm (ngài) xuất tinh; như thế ngài sẽ không phạm tội.

Vị Tỳ-khuru ấy đã làm như thế. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khuru, người không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Saṅghādisesa*. (62-70)

42. Vào lúc bấy giờ, các vương tử Licchavi ở thành Vesālī đã bắt giữ vị Tỳ-khuru, rồi buộc phải phạm giới với vị Tỳ-khuru-ni. Cả hai đã ưng thuận.

– Cả hai nên bị trục xuất.

...(nt)... Cả hai đã không ưng thuận.

– Cả hai đều vô tội. (71)

43. Vào lúc bấy giờ, các vương tử Licchavi ở thành Vesālī đã bắt giữ vị Tỳ-khuru, rồi buộc phải phạm giới với cô Ni tu tập sự. ...(nt)... rồi buộc phải phạm giới với vị Sa-di-ni. Cả hai đã ưng thuận.

– Cả hai nên bị trục xuất.

...(nt)... Cả hai đã không ưng thuận.

– Cả hai đều vô tội. (72-73)

44. Vào lúc bấy giờ, các vương tử Licchavi ở thành Vesālī đã bắt giữ vị Tỳ-khưu, rồi buộc phải phạm giới với gái điếm. ...(nt)... rồi buộc phải phạm giới với người vô căn. ...(nt)... rồi buộc phải phạm giới với nữ gia chủ. Vị Tỳ-khưu đã ưng thuận.

– Vị Tỳ-khưu nên bị trục xuất.

...(nt)... Vị Tỳ-khưu đã không ưng thuận.

– Vị Tỳ-khưu vô tội. (74-76)

45. Vào lúc bấy giờ, các vương tử Licchavi ở thành Vesālī đã bắt giữ các vị Tỳ-khưu, rồi buộc phải phạm giới lẫn nhau. Cả hai đã ưng thuận.

– Cả hai nên bị trục xuất.

...(nt)... Cả hai đã không ưng thuận.

– Cả hai đều vô tội. (77)

46. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ xuất gia lúc tuổi đã lớn. Vị ấy đã đi gặp người vợ cũ. Cô ấy đã níu giữ lại [nói rằng]:

– Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy hoàn tục.

Vị Tỳ-khưu ấy trong lúc bước lui đã té ngã ra. Cô ấy đã giờ [y] lên rồi ngồi lên trên dương vật [vị ấy]. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(nt).

– Nay Tỳ-khưu, vị không ưng thuận thì vô tội. (78)

47. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ ngụ ở trong rừng. Có con nai tơ đã đi đến chỗ tiểu tiện của vị ấy. Trong lúc đang uống nước tiểu, nó đã dùng miệng ngậm lấy dương vật [vị ấy]. Vị Tỳ-khưu ấy đã ưng thuận. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay Tỳ-khưu, người đã phạm tội *Pārājika*. (79)

Đứt điều *Pārājika* thứ nhất.

--oo0oo--

2.2. ĐIỀU *PĀRĀJIKĀ* THỨ NHÌ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha ở Gijjhakūṭa. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khưu thân thiết, đồng quan điểm đã dựng lên ở sườn núi Isigili những túp lều bằng cỏ rồi vào mùa [an cư] mưa. Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm cũng đã dựng lên túp lều bằng cỏ và vào mùa [an cư] mưa.

2. Sau đó, khi đã sống qua mùa mưa đến hết ba tháng, các vị Tỳ-khưu ấy đã tháo gỡ các túp lều cỏ, thu xếp cỏ và gỗ lại, rồi ra đi du hành trong xứ sở. Còn Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm đã cư trú mùa mưa ở chính nơi ấy, mùa lạnh ở nơi ấy và mùa nóng ở nơi ấy.

3. Sau đó, lúc Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm đã đi vào làng để khất thực, những cô cắt cỏ, những cô mót củi đã tháo gỡ túp lều cỏ, đoạt lấy cỏ và gỗ rồi [mang] đi.

4. Đến lần thứ nhì, Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm, đã gom góp cỏ và gỗ rồi dựng lên túp lều cỏ. Đến lần thứ nhì, lúc Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm đã đi vào làng để khát thực, những cô cắt cỏ, những cô mót củi đã tháo gỡ túp lều cỏ, đoạt lấy cỏ và gỗ rồi [mang] đi.

5. Đến lần thứ ba, Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm, đã gom góp cỏ và gỗ rồi dựng lên túp lều cỏ. Đến lần thứ ba, lúc Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm đã đi vào làng để khát thực, những cô cắt cỏ, những cô mót củi đã tháo gỡ túp lều cỏ, đoạt lấy cỏ và gỗ rồi [mang] đi.

6. Khi ấy, Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm đã khởi ý điều này: “Quả thật đã đến lần thứ ba, lúc ta đã đi vào làng để khát thực, những cô cắt cỏ, những cô mót củi đã tháo gỡ túp lều cỏ, đoạt lấy cỏ và gỗ rồi [mang] đi. Vả lại, ta đã khéo học tập nghề làm đồ gốm ở nơi thầy ta không sai sót và có tay nghề thiện xảo; hay là ta nên đích thân nhồi trộn đất bùn và tạo nên một túp lều toàn bằng đất sét?”

7. Sau đó, Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm đã đích thân nhồi trộn đất bùn và tạo nên một túp lều toàn bằng đất sét, rồi đã thu nhặt cỏ, củi, phân bò khô và nung chín túp lều ấy. Túp lều ấy đẹp đẽ, đáng nhìn, xinh xắn, có màu đỏ như cánh kiến. Giống như tiếng vang của cái chuông nhỏ, âm thanh của túp lều ấy cũng tương tự như thế.

8. Sau đó, đức Thế Tôn trong lúc từ Gijjhakūṭa đi xuống cùng với nhiều vị Tỳ-khuru đã nhìn thấy túp lều đẹp đẽ, đáng nhìn, xinh xắn, có màu đỏ như cánh kiến ấy, sau khi nhìn thấy đã hỏi các Tỳ-khuru rằng:

– Này các Tỳ-khuru, cái vật đẹp đẽ, đáng nhìn, xinh xắn, có màu đỏ như cánh kiến kia là vật gì vậy?

9. Khi ấy, các vị Tỳ-khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khuru, thật không đúng đắn cho kẻ rồ dại ấy, thật không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này các Tỳ-khuru, vì sao kẻ rồ dại ấy lại đích thân nhồi trộn đất bùn và tạo nên một túp lều toàn bằng đất sét? Này các Tỳ-khuru, kẻ rồ dại ấy quả không có sự quan tâm, không có lòng thương xót, không có tâm vô hại đối với các sanh mạng! Này các Tỳ-khuru, hãy đi và phá vỡ túp lều ấy. Chớ để loài người sau này [theo gương đó] gây nên việc giết hại các sanh mạng. Này các Tỳ-khuru, không nên thực hiện cốc liêu toàn bằng đất sét; vị nào thực hiện thì phạm tội *Dukkaṭa*.

10. – Bạch Ngài, xin vâng.

Các vị Tỳ-khuru ấy nghe theo đức Thế Tôn đã đi đến túp lều ấy, sau khi đến đã phá vỡ túp lều ấy. Khi ấy, Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm đã nói với các vị Tỳ-khuru ấy điều này:

– Này các Đại đức, vì sao các vị phá vỡ túp lều của tôi vậy?

– Nay Đại đức, đức Thế Tôn bảo phá vỡ.

– Nay các Đại đức, nếu bậc Pháp Chủ bảo phá vỡ thì các vị hãy phá vỡ đi.

11. Sau đó, Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm đã khởi ý rằng: “Quả thật đã đến lần thứ ba, lúc ta đã đi vào làng để khát thực, những cô cắt cỏ, những cô mót củi đã tháo gỡ túp lều cỏ, đoạt lấy cỏ và gỗ rồi [mang] đi. Ngay cả túp lều toàn bằng đất sét được ta tạo nên cũng đã bị đức Thế Tôn cho phá vỡ. Và có viên quản lý kho gỗ là người đồng đạo với ta; hay là ta nên yêu cầu viên quản lý kho gỗ cho các cây gỗ rồi tạo nên túp lều bằng gỗ?”

12. Sau đó, Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm đã đi đến gặp viên quản lý kho gỗ, sau khi đến đã nói với viên quản lý kho gỗ điều này:

– Nay đạo hữu, quả đã đến lần thứ ba, lúc ta đã đi vào làng để khát thực, những cô cắt cỏ, những cô mót củi đã tháo gỡ túp lều cỏ, đoạt lấy cỏ và gỗ rồi [mang] đi. Ngay cả túp lều toàn bằng đất sét được ta tạo nên cũng đã bị đức Thế Tôn cho phá vỡ. Nay đạo hữu, hãy cho ta các cây gỗ; ta muốn thực hiện túp lều bằng gỗ.

– Thưa ngài, các cây gỗ mà tôi có thể dâng ngài thì các loại như thế ấy không có. Thưa ngài, có những cây gỗ thuộc quốc khố là vật liệu tu bổ thành phố được để riêng, phòng lúc hữu sự, nếu đức vua bảo cho các thứ ấy thì thưa ngài, ngài hãy bảo người mang đi.

– Nay đạo hữu, đã được đức vua cho rồi.

13. Khi ấy, viên quản lý kho gỗ [nghĩ rằng]: “Các Sa-môn Thích tử này quả thật là những vị thực hành pháp, là những vị thực hành sự an tịnh, là những vị có Phạm hạnh, nói lời chân thật, có giới hạnh, có thiện pháp. Ngay cả đức vua cũng tịnh tín những vị này. Không thể nào họ lại nói: ‘Đã được cho’ về vật chưa được cho” nên đã nói với Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm điều này:

– Thưa ngài, ngài hãy cho người mang đi.

Sau đó, Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm đã cho người cắt xẻ các cây gỗ ấy thành từng miếng, đã cho chuyển đi bằng các xe tải, rồi đã thực hiện túp lều bằng gỗ.

14. Sau đó, Bà-la-môn Vassakāra là quan đại thần xứ Magadha, trong lúc đi thanh tra các công việc trong thành Rājagaha đã đi đến gặp viên quản lý kho gỗ, sau khi đến đã nói với viên quản lý kho gỗ điều này:

– Nay khanh, có những cây gỗ thuộc quốc khố là vật liệu tu bổ thành phố được để riêng, phòng lúc hữu sự, những cây gỗ ấy đâu rồi?

– Thưa quan lớn, những cây gỗ ấy đã được đức vua cho đến ngài Dhaniya, con trai người thợ gốm rồi.

15. Khi ấy, Bà-la-môn Vassakāra, quan đại thần xứ Magadha đã trở nên không hoan hỷ [nghĩ rằng]: “Vì sao đức vua lại cho Dhaniya, con trai người thợ

gồm, những cây gỗ thuộc quốc khổ là vật liệu tu bổ thành phố được để riêng, phòng lúc hữu sự?”

16. Sau đó, Bà-la-môn Vassakāra, quan đại thần xứ Magadha đã đi đến gặp đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã nói với đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha điều này:

– Tâu Bệ hạ, nghe nói những cây gỗ thuộc quốc khổ là vật liệu tu bổ thành phố được để riêng, phòng lúc hữu sự đã được Bệ hạ cho đến Dhaniya, con trai người thợ gốm, có đúng không vậy?

– Ai đã nói như thế?

– Tâu Bệ hạ, viên quản lý kho gỗ.

– Này Bà-la-môn, vậy thì khanh hãy cho lệnh gọi viên quản lý kho gỗ.

17. Sau đó, Bà-la-môn Vassakāra, quan đại thần xứ Magadha đã truyền lệnh trói viên quản lý kho gỗ. Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm đã nhìn thấy viên quản lý kho gỗ bị trói lại và đang bị dẫn đi, sau khi nhìn thấy đã nói với viên quản lý kho gỗ điều này:

– Này đạo hữu, vì sao ngươi bị trói và bị dẫn đi vậy?

– Thưa ngài, vì sự việc của những cây gỗ ấy.

– Này đạo hữu, ngươi cứ đi. Ta cũng đi nữa.

– Thưa ngài, ngài nên đi đến trước khi tôi bị giết chết.

18. Sau đó, Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm đã đi đến hậu cung của đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi đến gặp Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm, sau khi đến đã đánh lễ Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nói với Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm điều này:

19. – Thưa ngài, nghe nói những cây gỗ thuộc quốc khổ là vật liệu tu bổ thành phố được để riêng, phòng lúc hữu sự đã được trầm cho đến ngài, có đúng không vậy?

– Tâu Đại vương, đúng vậy.

– Thưa ngài, chúng tôi là những vị vua có nhiều phận sự, có nhiều việc phải làm, ngay cả sau khi đã cho, chúng tôi cũng không thể nhớ được. Thưa ngài, giờ xin hãy nhắc lại.

– Tâu Đại vương, ngài có nhớ khi được phong vương lần thứ nhất, ngài đã tuyên bố lời như vậy: “Cỏ, gỗ và nước đã được dâng đến các Sa-môn và Bà-la-môn, hãy để cho các vị sử dụng.”

– Thưa ngài, trăm đã nhớ rồi. Thưa ngài, có những Sa-môn và Bà-la-môn khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy có sự hối hận cho dù sự

việc là nhỏ nhất, và vật đã được trầm nói có liên quan đến các vị ấy là vật vô chủ ở trong rừng. Thừa ngài, ngài đây suy nghĩ dùng mưu mẹo ấy để lấy vật chưa được cho là các cây gỗ. Làm sao trầm đây có thể hành hạ, hoặc giam giữ, hoặc trục xuất vị Sa-môn hay vị Bà-la-môn đang cư ngụ trong lãnh thổ được? Thừa ngài, ngài hãy đi. Ngài được tự do nhờ vào hình tướng. Ngài cũng chớ có tái phạm việc như vậy nữa!

20. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Các Sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn, giới hạnh xấu xa, nói láo. Chính các vị này làm ra vẻ là có sự thực hành pháp, có thực hành sự an tịnh, có Phạm hạnh, nói lời chân thật, có giới hạnh, có thiện pháp! Các vị này không có Sa-môn hạnh, các vị này không có Phạm hạnh! Sa-môn hạnh của các vị này đã bị hư hỏng, Phạm hạnh của các vị này đã bị hư hỏng! Sa-môn hạnh của các vị này đâu rồi? Phạm hạnh của các vị này đâu rồi? Sa-môn hạnh của các vị này đã không còn! Phạm hạnh của các vị này đã không còn! Các vị này còn đánh lừa ngay cả đức vua, thì còn gì nữa đối với những người khác?”

21. Các Tỳ-khưu đã nghe được dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hồi hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm lại lấy vật chưa được cho là các cây gỗ của đức vua vậy?” Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

22. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm, rằng:

– Này Dhaniya, nghe nói người lấy vật chưa được cho là các cây gỗ của đức vua, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rò dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này kẻ rò dại, vì sao người lại lấy vật chưa được cho là các cây gỗ của đức vua vậy? Này kẻ rò dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này kẻ rò dại, hơn nữa, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin.

23. Vào lúc bấy giờ, có vị nọ trước kia là quan đại thần xử án, nay đã xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu, đang ngồi cách đức Thế Tôn không xa. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này Tỳ-khưu, với mức bao nhiêu thì đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha [sẽ] hành hạ, hoặc giam giữ, hoặc trục xuất kẻ trộm cắp sau khi bắt được?

– Bạch Thế Tôn, với một *pāda*,¹⁷ hoặc tương đương với một *pāda*.

Vào lúc bấy giờ, ở thành Rājagaha, năm *māsaka* thì bằng một *pāda*. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khiển trách Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, ...(nt)... Và này các Tỳ-khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị Tỳ-khuru nào lấy vật không được cho theo lối trộm cướp; tương tự như trong vụ đánh cắp, các vị vua sau khi bắt được kẻ trộm thì có thể hành hạ, hoặc có thể giam giữ, hoặc có thể trục xuất [phán rằng]: ‘Người là kẻ trộm, người là kẻ ngu, người là kẻ khờ, người là kẻ cướp’; tương tự như thế, vị Tỳ-khuru khi lấy vật không được cho, vị này cũng là vị phạm tội Pārājika, không được cộng trú.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khuru như thế.

[Sự quy định căn bản]

1. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khuru nhóm Lục Sư đã đi đến chỗ nhuộm y và lấy trộm gói đồ nhuộm mang về tu viện chia nhau. Các Tỳ-khuru đã nói như vậy:

– Này các Đại đức, các vị thật là đại phước! Có nhiều y đã được phát sanh đến các vị.

– Này các Đại đức, do đâu mà chúng tôi có phước? Hôm nay, chúng tôi đã đi đến chỗ nhuộm y và lấy trộm gói đồ nhuộm.

– Này các Đại đức, không phải điều học đã được đức Thế Tôn quy định hay sao? Này các Đại đức, tại sao các người lại lấy trộm gói đồ nhuộm?

– Này các Đại đức, đúng vậy. Điều học đã được đức Thế Tôn quy định và điều ấy là ở trong làng, không phải ở trong rừng.

2. – Này các Đại đức, điều ấy không phải là như thế hay sao? Này các Đại đức, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp Samôn, không được phép, không nên làm! Này các Đại đức, vì sao các Đại đức lại lấy trộm gói đồ nhuộm?

Này các Đại đức, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các Đại

¹⁷ Theo ngài Buddhaghosa, đơn vị tiền tệ thời ấy là *kahāpaṇa*, và 1 *kahāpaṇa* = 4 *pāda* = 20 *māsaka* (*VinA*. II. 297). Thượng tọa Thumana, ở bản dịch sang tiếng Anh của bộ *Luật Pārājikapāḷi* do Department for the Promotion and Propagation of the Sāsana xuất bản ở Miền Điện, lấy đơn vị tiền tệ làm sự so sánh nên cho rằng: “Nếu lấy trộm 1/4 *kyat* sẽ phạm tội Pārājika” (1 *US dollar* # 1000 *kyat* vào năm 2002). Hơn nữa, *baht*, đơn vị tiền tệ ở Thái Lan chính là từ *pāda* của *Pāli* (1 *US dollar* # 45 *baht* vào năm 2002). Tài liệu *Luật Xuất gia tóm tắt* của HT. Hộ Tông cũng cho rằng: 1 *pāda* tương đương 6 các bạc Việt Nam năm 1966. Nếu so sánh theo cách này thì chỉ cần trộm 1 vật có giá trị rất nhỏ cũng đã phạm tội Pārājika. Tài liệu *Vinayamukha* của ngài Mahāsaṃma Chao (Thái Lan) có giới thiệu một cách tính như sau: “Theo *Sớ giải (Tīkā)*, 1 *māsaka* trị giá bằng số vàng có trọng lượng tương đương trọng lượng của 4 hạt gạo.” Như vậy, 1 *pāda* sẽ có giá trị vàng có trọng lượng tương đương trọng lượng của 4 x 5 = 20 hạt gạo, nghe đâu có người đã ước lượng vào khoảng 5 phân vàng. Mặt khác, theo câu chuyện duyên khởi của điều *Nissaggiya* thứ 18, thì 1 *pāda* lúc bấy giờ chỉ mua được một miếng thịt nhỏ vừa miệng ăn của một đứa bé. Thêm vào đó, các câu chuyện dẫn giải cũng có thể giúp cho người đọc có thêm được khái niệm về trị giá của 5 *māsaka* vào thời bấy giờ.

đức, hơn nữa, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin.

3. Sau đó, khi đã khiển trách các Tỳ-khuru nhóm Lục Sư bằng nhiều phương thức, các vị Tỳ-khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khuru lại và đã hỏi các Tỳ-khuru nhóm Lục Sư rằng:

– Này các Tỳ-khuru, nghe nói các người đã đi đến chỗ nhuộm y và lấy trộm gói đồ nhuộm, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này những kẻ rô đại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này những kẻ rô đại, vì sao các người lại đi đến chỗ nhuộm y và lấy trộm gói đồ nhuộm? Này những kẻ rô đại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị Tỳ-khuru nào lấy vật không được cho từ làng hoặc từ rừng theo lối trộm cướp; tương tự như trong vụ đánh cắp, các vị vua sau khi bắt được kẻ trộm thì có thể hành hạ, hoặc có thể giam giữ, hoặc có thể trục xuất [phán rằng]: ‘Người là kẻ trộm, người là kẻ ngu, người là kẻ khờ, người là kẻ cướp’; tương tự như thế, vị Tỳ-khuru trong khi lấy vật không được cho, vị này cũng là vị phạm tội Pārājika, không được cộng trú.”

[Sự quy định lần hai]

4. **Vị nào:** Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khuru: “Vị đi khát thực” là Tỳ-khuru. ...(nt)... vị này là “vị Tỳ-khuru” được đề cập trong ý nghĩa này.

Làng nghĩa là một túp lều cũng là làng. Hai túp lều cũng là làng. Ba túp lều cũng là làng. Bốn túp lều cũng là làng. Làng có người. Làng không có người. Làng được rào lại. Làng không được rào lại. Nơi các bầy bò được chăn, thả dừng lại tạm nghỉ cũng được gọi là làng. Thậm chí, đoàn xe tải của thương buôn dừng lại trên bốn tháng cũng được gọi là làng.

Vùng ven làng nghĩa là [tính đến] chỗ rơi xuống của cục đất được ném đi bởi người nam [có sức mạnh] hạng trung đứng ở bực cổng của ngôi làng được rào lại, [hoặc tính đến] chỗ rơi xuống của cục đất được ném đi bởi người nam [có sức mạnh] hạng trung đứng ở vùng biên của các ngôi nhà thuộc ngôi làng không được rào lại.

Rừng nghĩa là trừ đi làng và vùng ven làng, phần còn lại gọi là rừng.

Vật không được cho nghĩa là vật nào chưa được cho, chưa được trao, chưa được dứt bỏ, được bảo vệ, được canh giữ, có sở hữu chủ, được quản lý bởi người khác; vật ấy là vật không được cho.

Theo lối trộm cướp: Có tâm trộm cướp, có tâm lấy trộm.

Lấy: Vị lấy đi, vị mang đi, vị lấy trộm, vị làm thay đổi tư thế, vị làm di chuyển khỏi vị trí, vị vượt qua sự quy định.

Có hình thức như thế nghĩa là một *pāda*, hoặc tương đương một *pāda*, hoặc hơn một *pāda*.

Các vị vua nghĩa là các vị vua [cai trị] toàn trái đất, các vị vua của một xứ, các vị vua của một vùng, các vị trưởng bộ tộc, các quan xử án, các quan đại thần, hoặc các vị nào điều khiển việc gia đình, các vị này gọi là các vị vua.

Kẻ trộm nghĩa là kẻ nào lấy đi theo lối trộm cướp vật không được cho trị giá năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka*, kẻ ấy gọi là kẻ trộm.

Hoặc có thể hành hạ: Họ có thể hành hạ bằng tay, hoặc bằng chân, hoặc bằng roi, hoặc bằng gậy, hoặc bằng dùi cui, hoặc bằng cách làm cho tàn phế.

Hoặc có thể giam giữ: Họ có thể giam giữ theo cách trói bằng dây thừng, hoặc theo cách trói bằng xiềng xích, hoặc theo cách trói bằng cùm, hoặc bằng cách giam trong nhà ngục, hoặc bằng cách giữ trong thành phố, hoặc bằng cách giữ trong làng, hoặc bằng cách giữ trong thị trấn, hoặc họ có thể thực hiện việc cho người canh gác.

Hoặc có thể trục xuất: Họ có thể trục xuất ra khỏi làng, hoặc ra khỏi thị trấn, hoặc ra khỏi thành phố, hoặc ra khỏi khu vực, hoặc ra khỏi xứ sở.

Người là kẻ trộm, người là kẻ ngu, người là kẻ khờ, người là kẻ cướp: Điều này là sự quở trách.

Có hình thức như thế nghĩa là một *pāda*, hoặc tương đương một *pāda*, hoặc hơn một *pāda*.

Trong khi lấy: Trong khi lấy đi, trong khi mang đi, trong khi lấy trộm, trong khi làm thay đổi tư thế, trong khi làm cho rời khỏi vị trí, trong khi vượt qua sự quy định.

Vị này cũng: Được đề cập liên quan đến vị trước đây

Là vị phạm tội Pārājika: Cũng giống như chiếc lá vàng đã lìa khỏi cành, không thể xanh trở lại; tương tự như thế, vị Tỳ-khưu lấy đi theo lối trộm cướp vật không được cho có giá trị một *pāda*, hoặc tương đương một *pāda*, hoặc hơn một *pāda* thì không phải là Sa-môn, không phải là Thích tử; vì thế, được gọi là “vị phạm tội *Pārājika*.”

Không được cộng trú: Sự cộng trú, nghĩa là có chung hành sự, có chung việc đọc tụng Giới bốn (*Pātimokkha*), có sự học tập giống nhau, điều ấy gọi là sự cộng trú. Vị ấy không có được điều ấy, vì thế được gọi là “không được cộng trú.”

[Tiêu đề hướng dẫn]

1. Vật ở trong đất, vật ở trên mặt đất, vật ở trên không trung, vật ở khoảng không, vật ở trong nước, vật ở trên chiếc thuyền, vật ở trong xe, vật là gói hàng, vật ở trong vườn, vật ở trong trú xá, vật ở trong ruộng, vật ở trong khu đất, vật ở trong làng, vật ở trong rừng, nước, tắm xia răng, cây rừng, vật được mang đi, vật được ký gởi, trạm thuế, sinh mạng, loài không chân, loài hai chân, loài bốn chân, loài nhiều chân, người theo dõi, người bảo vệ vật ký gởi, lấy trộm theo kế hoạch, hành động theo sự quy định, hành động theo dấu hiệu.

2. **Vật ở trong đất** nghĩa là vật được đặt xuống, được chôn, được phủ kín ở trong lòng đất. Vị khởi tâm trộm cắp vật ở trong đất: “Ta sẽ lấy trộm”, rồi kiếm thêm người thứ hai, hoặc tìm kiếm cái thùng hay cái giỏ, hoặc đi [một mình] thì phạm tội *Dukkata*; chặt cây hoặc dây leo mọc ở nơi ấy thì phạm tội *Dukkata*; đào đất, hoặc xắn ra, hoặc lấy lên thì phạm tội *Dukkata*;¹⁸ sờ vào cái hũ thì phạm tội *Dukkata*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*. Sau khi đưa vật đựng của mình vào [trong hũ]¹⁹ rồi khởi tâm trộm cắp vật có giá trị năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka*, sờ vào thì phạm tội *Dukkata*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; bỏ vào trong vật đựng của mình hoặc tách ra một nắm tay thì phạm tội *Pārājika*. Vị khởi tâm trộm cắp vật làm theo dạng sợi: Hoặc là dây thắt lưng, hoặc là dây chuyền cổ, hoặc là dây chuyền ở hông, hoặc là tấm vải choàng, hoặc là khăn xếp đội đầu, sờ vào thì phạm tội *Dukkata*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; nắm vào chóp [của một vật nào] rồi nâng lên thì phạm tội *Thullaccaya*; chà xát rồi bỏ xuống thì phạm tội *Thullaccaya*; đưa ra khỏi miệng hũ, cho dù khoảng cách chỉ mảnh như sợi tóc thì phạm tội *Pārājika*. Vị khởi tâm trộm cắp bơ lỏng, hay dầu ăn, hay mật ong, hay nước mía rồi uống trong một lần trị giá năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka* thì phạm tội *Pārājika*. Ngay tại chỗ đó, đập bể, hoặc đổ bỏ, hoặc đốt đi, hoặc làm cho không còn sử dụng được nữa thì phạm tội *Dukkata*.

3. **Vật ở trên đất** nghĩa là vật được đặt xuống ở trên mặt đất. Vị khởi tâm trộm cắp vật ở trên mặt đất: “Ta sẽ lấy trộm”, rồi kiếm thêm người thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội *Dukkata*; sờ vào thì phạm tội *Dukkata*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*.

4. **Vật ở trên không** nghĩa là vật di chuyển ở trên không, hoặc là chim công, hoặc là chim đa đa, hoặc là gà gô, hoặc là chim cun cút, hoặc là tấm vải choàng, hoặc là khăn xếp đội đầu, hoặc là bạc, hoặc là vàng đang bị bể ra và rơi xuống. Vị khởi tâm trộm cắp vật ở trên không: “Ta sẽ lấy trộm”, rồi kiếm thêm người thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội *Dukkata*; làm gián đoạn sự di chuyển thì phạm tội *Dukkata*; sờ vào thì phạm tội *Dukkata*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*.

¹⁸ Lẽ ra phải là tội *Pācittiya* (ND).

¹⁹ Vì không thể đưa hũ lên khỏi hố chôn được (*VinA*. II. 316).

5. Vật ở khoảng không nghĩa là vật được đặt ở khoảng không [cách khoảng với mặt đất] hoặc là ở trên giường, hoặc là ở trên ghế, hoặc là ở sào máng y, hoặc là ở dây treo y, hoặc là ở chột đỉnh đóng ở tường, hoặc là ở cái móc ngà voi, hoặc là được treo trên cây, thậm chí chỉ ở trên vật kê bình bát. Vị khởi tâm trộm cắp vật ở khoảng không: “Ta sẽ lấy trộm”, rồi kiểm thêm người thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội *Dukkaṭa*; sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*.

6. Vật ở trong nước nghĩa là vật được đặt ở trong nước. Vị khởi tâm trộm cắp vật ở trong nước: “Ta sẽ lấy trộm”, rồi kiểm thêm người thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội *Dukkaṭa*; lặn xuống hoặc nổi lên thì phạm tội *Dukkaṭa*; sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*. Vị khởi tâm trộm cắp hoặc là đóa sen xanh, hoặc là đóa sen hồng, hoặc là đóa sen trắng, hoặc là ngó sen mọc ở nơi ấy, hoặc là cá, hoặc là rùa trị giá năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka*, rồi sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*.

7. Thuyền nghĩa là vượt qua [hồ, sông, biển, v.v...] bằng vật ấy. **Vật ở trên chiếc thuyền** nghĩa là vật được đặt ở trên thuyền. Vị khởi tâm trộm cắp vật ở trên chiếc thuyền: “Ta sẽ lấy trộm”, rồi kiểm thêm người thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội *Dukkaṭa*; sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*. Vị khởi tâm trộm cắp chiếc thuyền: “Ta sẽ lấy trộm”, rồi kiểm thêm người thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội *Dukkaṭa*; sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; tháo dây buộc thì phạm tội *Dukkaṭa*; sau khi tháo dây buộc, sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm di chuyển lên, hoặc xuống, hoặc ngang, cho dù khoảng cách chỉ mảnh như sợi tóc thì phạm tội *Pārājika*.

8. Xe nghĩa là xe có mui, xe kéo hai bánh, xe tải hàng, xe ngựa kéo. **Vật ở trong xe** nghĩa là vật được đặt ở trong xe. Vị khởi tâm trộm cắp vật ở trong xe: “Ta sẽ lấy trộm”, rồi kiểm thêm người thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội *Dukkaṭa*; sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*. Vị khởi tâm trộm cắp chiếc xe: “Ta sẽ lấy trộm”, rồi kiểm thêm người thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội *Dukkaṭa*; sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*.

9. Gói hàng nghĩa là gói hàng ở trên đầu, gói hàng ở vai, gói hàng ở hông, vật được đeo. Vị khởi tâm trộm cắp gói hàng ở trên đầu rồi sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; đưa xuống vai thì phạm tội *Pārājika*. Vị khởi tâm trộm cắp rồi sờ vào gói hàng ở trên vai thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; đưa xuống hông thì phạm tội

Pārājika. Vị khởi tâm trộm cắp gói hàng ở hông rồi sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; cầm bằng tay thì phạm tội *Pārājika*. Vị khởi tâm trộm cắp gói hàng ở tay rồi đặt xuống mặt đất thì phạm tội *Pārājika*. Vị khởi tâm trộm cắp rồi nhắc lên khỏi mặt đất thì phạm tội *Pārājika*.

10. Vườn nghĩa là vườn hoa, vườn trái cây. **Vật ở trong vườn** nghĩa là vật được đặt ở bốn nơi trong vườn: Vật ở trong đất, vật ở trên mặt đất, vật ở trên không trung, vật ở khoảng không. Vị khởi tâm trộm cắp vật ở trong vườn: “Ta sẽ lấy trộm”, rồi kiểm thêm người thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội *Dukkaṭa*; sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*. Vị khởi tâm trộm cắp vật mọc ở nơi ấy hoặc là rễ cây, hoặc là vỏ cây, hoặc là lá cây, hoặc là bông hoa, hoặc là trái cây trị giá năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka*, rồi sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*. Vị kiện cáo về khu vườn thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm cho người chủ khởi lên sự nghi hoặc [về sở hữu chủ] thì phạm tội *Thullaccaya*; người chủ buông bỏ trách nhiệm: “[Khu vườn] sẽ không còn là của tôi nữa” thì phạm tội *Pārājika*. Trong khi thực thi công lý, [nếu] thắng người chủ thì phạm tội *Pārājika*. Trong khi thực thi công lý, [nếu] thua thì phạm tội *Thullaccaya*.

11. Vật ở trong trú xá nghĩa là vật được đặt ở bốn nơi trong trú xá: Vật trong đất, vật ở trên mặt đất, vật ở trên không trung, vật ở khoảng không. Vị khởi tâm trộm cắp vật ở trong trú xá: “Ta sẽ lấy trộm”, rồi kiểm thêm người thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội *Dukkaṭa*; sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*. Vị kiện cáo về trú xá thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm cho người chủ khởi lên sự nghi hoặc [về sở hữu chủ] thì phạm tội *Thullaccaya*; người chủ buông bỏ trách nhiệm: “[Trú xá] sẽ không còn là của tôi nữa” thì phạm tội *Pārājika*. Trong khi thực thi công lý, [nếu] thắng người chủ thì phạm tội *Pārājika*. Trong khi thực thi công lý, [nếu] thua thì phạm tội *Thullaccaya*.

12. Ruộng nghĩa là nơi sản xuất thóc lúa hoặc rau xanh. **Vật ở trong ruộng** nghĩa là vật được đặt ở bốn nơi trong ruộng: Vật ở trong đất, vật ở trên mặt đất, vật ở trên không trung, vật ở khoảng không. Vị khởi tâm trộm cắp vật ở trong ruộng: “Ta sẽ lấy trộm”, rồi kiểm thêm người thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội *Dukkaṭa*; sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*. Vị khởi tâm trộm cắp thóc lúa hoặc là rau xanh trồng ở nơi ấy trị giá năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka*, rồi sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*. Vị kiện cáo về mảnh ruộng thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm cho người chủ khởi lên sự nghi hoặc [về sở hữu chủ] thì phạm tội *Thullaccaya*; người chủ buông bỏ trách nhiệm: “[Thửa ruộng] sẽ không còn là của tôi nữa” thì phạm tội *Pārājika*. Trong khi thực thi công lý, [nếu] thắng người chủ thì phạm tội *Pārājika*. Trong khi thực thi công lý, [nếu] thua thì phạm tội *Thullaccaya*. Vị

di chuyển cọc ranh, hoặc dây ngăn, hoặc hàng rào, hoặc ranh giới thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi phần việc cuối cùng chưa hoàn tất thì phạm tội *Thullaccaya*; khi phần việc cuối cùng ấy đã hoàn tất thì phạm tội *Pārājika*.

13. Khu đất nghĩa là khu đất vườn, khu đất trú xá. **Vật ở trong khu đất** nghĩa là vật được đặt ở bốn nơi trong khu đất: Vật ở trong đất, vật ở trên mặt đất, vật ở trên không trung, vật ở khoảng không. Vị khởi tâm trộm cắp vật ở trong khu đất: “Ta sẽ lấy trộm”, rồi kiếm thêm người thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội *Dukkaṭa*; sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*. Vị kiện cáo về khu đất thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm cho người chủ khởi lên sự nghi hoặc [về sở hữu chủ] thì phạm tội *Thullaccaya*; người chủ buông bỏ trách nhiệm: “[Khu đất] sẽ không còn là của tôi nữa” thì phạm tội *Pārājika*. Trong khi thực thi công lý, [nếu] thắng người chủ thì phạm tội *Pārājika*. Trong khi thực thi công lý, [nếu] thua thì phạm tội *Thullaccaya*. Vị di chuyển cọc ranh, hoặc dây ngăn, hoặc hàng rào, hoặc tường thành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi phần việc cuối cùng chưa hoàn tất thì phạm tội *Thullaccaya*; khi phần việc cuối cùng ấy đã hoàn tất thì phạm tội *Pārājika*.

14. Vật ở trong làng nghĩa là vật được đặt ở bốn nơi trong làng: Vật ở trong đất, vật ở trên mặt đất, vật ở trên không trung, vật ở khoảng không. Vị khởi tâm trộm cắp vật ở trong làng: “Ta sẽ lấy trộm”, rồi kiếm thêm người thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội *Dukkaṭa*; sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*.

15. Rừng nghĩa là nơi nào có được sự quản lý của con người, nơi ấy tức là rừng. **Vật ở trong rừng** nghĩa là vật được đặt ở bốn nơi trong rừng: Vật ở trong đất, vật ở trên mặt đất, vật ở trên không trung, vật ở khoảng không. Vị khởi tâm trộm cắp vật ở trong rừng: “Ta sẽ lấy trộm”, rồi kiếm thêm người thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội *Dukkaṭa*; sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*. Vị khởi tâm trộm cắp hoặc là cây gỗ, hoặc là dây leo, hoặc là cỏ mọc ở nơi ấy trị giá năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka*, rồi sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*.

16. Nước nghĩa là nước đã được đưa vào trong chậu, hoặc ở trong hồ chứa, hoặc ở trong đập ngăn. Vị khởi tâm trộm cắp rồi sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*. Sau khi đưa vật đựng của mình vào, vị khởi tâm trộm cắp số nước trị giá năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka*, rồi sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm cho [nước] vào hẳn trong vật đựng của mình thì phạm tội *Pārājika*. Vị phá vỡ tường thành thì phạm tội *Dukkaṭa*; sau khi phá vỡ tường thành rồi làm cho thoát ra lượng nước trị giá năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka* thì phạm tội *Pārājika*; làm cho thoát ra lượng nước trị giá hơn

một *māsaka* hoặc kém năm *māsaka* thì phạm tội *Thullaccaya*; làm cho thoát ra lượng nước trị giá một *māsaka* hoặc kém một *māsaka* thì phạm tội *Dukkata*.

17. Tắm rửa nghĩa là đã được cắt hoặc chưa được cắt. Vị khởi tâm trộm cắp vật trị giá năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka*, rồi sờ vào thì phạm tội *Dukkata*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dòi khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*.

18. Cây rừng nghĩa là cây gỗ có sự hữu dụng được con người quản lý. Vị khởi tâm trộm cắp rồi [dùng dao] chặt thì phạm tội *Dukkata* theo mỗi nhát dao; khi nhát dao cuối cùng chưa hoàn tất thì phạm tội *Thullaccaya*; khi nhát dao cuối cùng đã hoàn tất thì phạm tội *Pārājika*.

19. Vật được mang đi nghĩa là vật được mang đi thuộc về người khác. Vị khởi tâm trộm cắp rồi sờ vào thì phạm tội *Dukkata*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dòi khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*. [Nghĩ rằng]: “Ta sẽ dẫn đi người khuân vác cùng với vật”, rồi làm di chuyển bước chân thứ nhất thì phạm tội *Thullaccaya*; làm di chuyển bước chân thứ nhì thì phạm tội *Pārājika*. [Nghĩ rằng]: “Ta sẽ nhặt lấy vật bị rơi”, rồi làm cho [vật] rơi xuống thì phạm tội *Dukkata*. Vị khởi tâm trộm cắp vật bị rơi xuống trị giá năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka*, rồi sờ vào thì phạm tội *Dukkata*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dòi khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*.

20. Vật ký gởi nghĩa là vật được ủy thác. Khi được nói rằng: “Cho tôi vật [đã ký gởi]”, vị trả lời: “Tôi không có giữ” thì phạm tội *Dukkata*; làm cho người chủ khởi lên sự nghi hoặc [về việc ký gởi] thì phạm tội *Thullaccaya*; người chủ buông bỏ vấn đề: “Người này sẽ không trao cho ta” thì phạm tội *Pārājika*. Trong khi thực thi công lý, [nếu] thắng người chủ thì phạm tội *Pārājika*. Trong khi thực thi công lý, [nếu] thua thì phạm tội *Thullaccaya*.

21. Trạm thuế nghĩa là ở khe núi, hoặc ở bến đò, hoặc ở cổng làng, đức vua đã quy định rằng: “Hãy thu thuế đối với người đi vào nơi này.” Sau khi đi vào nơi đó, vị khởi tâm trộm cắp vật có thuế phải đóng trị giá năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka*, rồi sờ vào thì phạm tội *Dukkata*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; vượt qua khỏi trạm thuế bước thứ nhất thì phạm tội *Thullaccaya*; vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội *Pārājika*. Vị đứng ở giữa trạm thuế và ném ra khỏi trạm thuế thì phạm tội *Pārājika*. Vị tránh né việc đóng thuế thì phạm tội *Dukkata*.

22. Sinh mạng nghĩa là sinh mạng con người được đề cập đến. Vị khởi tâm trộm cắp rồi sờ vào thì phạm tội *Dukkata*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dòi khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*. [Nghĩ rằng]: “Ta sẽ dẫn đi từng bước”, rồi làm di chuyển bước chân thứ nhất thì phạm tội *Thullaccaya*; làm di chuyển bước chân thứ nhì thì phạm tội *Pārājika*.

23. Loài không chân nghĩa là loài rắn, loài cá. Vị khởi tâm trộm cắp [loài không chân] trị giá năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka*, rồi sờ vào thì phạm tội

Dukkaṭa; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*.

24. Loài hai chân nghĩa là loài người, loài có cánh.²⁰ Vị khởi tâm trộm cắp [loài hai chân] rồi sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*. [Nghĩ rằng]: “Ta sẽ dẫn đi từng bước”, rồi làm di chuyển bước chân thứ nhất thì phạm tội *Thullaccaya*; làm di chuyển bước chân thứ nhì thì phạm tội *Pārājika*.

25. Loài bốn chân nghĩa là loài voi, loài ngựa, loài lạc đà, loài bò, loài lừa, loài gia súc. Vị khởi tâm trộm cắp [loài bốn chân] rồi sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*. [Nghĩ rằng]: “Ta sẽ dẫn đi từng bước”, rồi làm di chuyển bước chân thứ nhất thì phạm tội *Thullaccaya*; làm di chuyển bước chân thứ nhì thì phạm tội *Thullaccaya*; làm di chuyển bước chân thứ ba thì phạm tội *Thullaccaya*; làm di chuyển bước chân thứ tư thì phạm tội *Pārājika*.

26. Loài nhiều chân nghĩa là loài bò cạp, loài rết [trăm chân], loài sâu róm. Vị khởi tâm trộm cắp [loài nhiều chân] trị giá năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka*, rồi sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*. [Nghĩ rằng]: “Ta sẽ dẫn đi từng bước”, rồi làm di chuyển bước chân thứ nhất thì phạm tội *Thullaccaya*; làm di chuyển cứ mỗi bước chân thì phạm tội *Thullaccaya*; làm di chuyển bước chân cuối cùng thì phạm tội *Pārājika*.

27. Người theo dõi nghĩa là sau khi theo dõi vật dụng rồi nói rằng: “Hãy lấy trộm vật dụng tên như vậy” thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị kia lấy trộm vật dụng ấy thì cả hai phạm tội *Pārājika*.

28. Người bảo vệ vật ký gởi nghĩa là gìn giữ vật đã được mang đến. Vị khởi tâm trộm cắp [vật ký gởi] trị giá năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka*, rồi sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*.

29. Lấy trộm theo kế hoạch nghĩa là sau khi nhiều vị bàn thảo, rồi một vị lấy trộm đồ vật thì tất cả đều phạm tội *Pārājika*.

30. Hành động theo sự quy định nghĩa là lập nên sự quy định rằng: “Hãy lấy trộm vật ấy vào giờ quy định ấy, hoặc là trước bữa ăn, hoặc là sau bữa ăn, hoặc là ban đêm, hoặc là ban ngày” thì phạm tội *Dukkaṭa*; [vị kia] lấy trộm đồ vật ấy vào giờ quy định ấy thì cả hai phạm tội *Pārājika*; [vị kia] lấy trộm đồ vật ấy trước hay sau giờ quy định ấy thì vị khởi xướng vô tội, còn vị lấy trộm phạm tội *Pārājika*.

31. Hành động theo dấu hiệu nghĩa là lập nên dấu hiệu rằng: “Hoặc là tôi sẽ nháy mắt, hoặc là tôi sẽ nhướng mày, hoặc là tôi sẽ ngẩng đầu lên, người

²⁰ Loài có cánh (*pakkhajātā*) có 3 loại: Cánh bằng lông (*lomapakkhā*) như chim công, gà gô; cánh bằng da (*cammapakkhā*) như loài dơi; cánh bằng xương (*aṭṭhipakkhā*) như loài ong (*VinA. II. 363*).

hãy lấy trộm vật ấy theo dấu hiệu ấy” thì phạm tội *Dukkata*; [vị kia] lấy trộm vật ấy theo dấu hiệu ấy thì cả hai phạm tội *Pārājika*; [vị kia] lấy trộm vật dụng ấy trước hay sau dấu hiệu ấy thì vị khởi xướng vô tội, còn vị lấy trộm phạm tội *Pārājika*.

32. Vị Tỳ-khưu chỉ thị vị Tỳ-khưu rằng: “Hãy lấy trộm vật tên như vậy” thì phạm tội *Dukkata*. Vị kia nhận biết vật ấy rồi lấy trộm vật ấy thì cả hai phạm tội *Pārājika*.

33. Vị Tỳ-khưu chỉ thị vị Tỳ-khưu rằng: “Hãy lấy trộm vật tên như vậy” thì phạm tội *Dukkata*. Vị kia nhận biết vật ấy rồi lấy trộm vật khác thì vị khởi xướng vô tội, còn vị lấy trộm phạm tội *Pārājika*.

34. Vị Tỳ-khưu chỉ thị vị Tỳ-khưu rằng: “Hãy lấy trộm vật tên như vậy” thì phạm tội *Dukkata*. Vị kia nhận biết vật khác rồi lấy trộm vật ấy thì cả hai phạm tội *Pārājika*.

35. Vị Tỳ-khưu chỉ thị vị Tỳ-khưu rằng: “Hãy lấy trộm vật tên như vậy” thì phạm tội *Dukkata*. Vị kia nhận biết vật khác rồi lấy trộm vật khác thì vị khởi xướng vô tội, còn vị lấy trộm phạm tội *Pārājika*.

36. Vị Tỳ-khưu [A]²¹ chỉ thị vị Tỳ-khưu [B] rằng: “Hãy bảo vị tên [C] rằng: Vị tên [C] hãy nói với vị tên [D] rằng: ‘Vị tên [D] hãy lấy trộm vật tên như vậy’” thì vị ấy [A] phạm tội *Dukkata*. Vị [nào] nói cho vị khác thì phạm tội *Dukkata*. Vị lấy trộm [D] đồng ý thì vị khởi xướng [A] phạm tội *Thullaccaya*; vị ấy [D] lấy trộm vật ấy thì tất cả đều phạm tội *Pārājika*.

37. Vị Tỳ-khưu [A] chỉ thị vị Tỳ-khưu [B] rằng: “Hãy bảo vị tên [C] rằng: Vị tên [C] hãy nói với vị tên [D] rằng: ‘Vị tên [D] hãy lấy trộm vật tên như vậy’” thì vị ấy [A] phạm tội *Dukkata*. Vị ấy [B] chỉ thị vị khác [D] thì vị ấy [B] phạm tội *Dukkata*. Vị lấy trộm [D] đồng ý thì vị ấy [D] phạm tội *Dukkata*; vị ấy [D] lấy trộm vật ấy thì vị khởi xướng [A] vô tội, vị truyền chỉ thị [B] và vị lấy trộm phạm tội *Pārājika*.

38. Vị Tỳ-khưu chỉ thị vị Tỳ-khưu rằng: “Hãy lấy trộm vật tên như vậy” thì phạm tội *Dukkata*. Vị kia đi rồi quay trở lại [nói rằng]: “Tôi không thể lấy trộm vật ấy.” Vị ấy lại chỉ thị thêm: “Khi nào người có thể thì khi ấy người hãy lấy trộm vật ấy” thì phạm tội *Dukkata*. Vị kia lấy trộm vật ấy thì cả hai phạm tội *Pārājika*.

39. Vị Tỳ-khưu chỉ thị vị Tỳ-khưu rằng: “Hãy lấy trộm vật tên như vậy” thì phạm tội *Dukkata*. Sau khi chỉ thị, vị ấy có sự hối hận nhưng không nói rõ cho vị kia nghe rằng: “Chớ có lấy trộm.” Vị kia lấy trộm vật ấy thì cả hai phạm tội *Pārājika*.

40. Vị Tỳ-khưu chỉ thị vị Tỳ-khưu rằng: “Hãy lấy trộm vật tên như vậy” thì phạm tội *Dukkata*. Sau khi chỉ thị, vị ấy có sự hối hận rồi nói rõ cho vị kia nghe

²¹ A, B, C, D được thêm vào cho dễ hiểu dựa theo *Chú giải* (VinA. III. 368-70).

rằng: “Chớ có lấy trộm.” Vị kia [đáp lại rằng]: “Tôi đã được ngài chỉ thị”, rồi lấy trộm vật ấy thì vị khởi xướng vô tội, còn vị lấy trộm phạm tội *Pārājika*.

41. Vị Tỳ-khưu chỉ thị vị Tỳ-khưu rằng: “Hãy lấy trộm vật tên như vậy” thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sau khi chỉ thị, vị ấy có sự hối hận rồi nói rõ cho vị kia nghe rằng: “Chớ có lấy trộm.” Vị kia [đáp lại rằng]: “Tốt thôi”, rồi ngưng lại thì cả hai vô tội.

42. Vị lấy vật không được cho phạm tội *Pārājika* do năm yếu tố: Là vật thuộc về người khác; biết vật thuộc về người khác; là vật dụng quan trọng trị giá năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka*; và tâm trộm cắp có hiện diện; sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*, làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*, làm dờn khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*.

43. Vị lấy vật không được cho phạm tội *Thullaccaya* do năm yếu tố: Là vật thuộc về người khác; biết vật thuộc về người khác; là vật dụng tầm thường trị giá hơn một *māsaka* hoặc kém năm *māsaka*; và tâm trộm cắp có hiện diện; sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*, làm lay động thì phạm tội *Dukkaṭa*, làm dờn khỏi vị trí thì phạm tội *Thullaccaya*.

44. Vị lấy vật không được cho phạm tội *Dukkaṭa* do năm yếu tố: Là vật thuộc về người khác; biết vật thuộc về người khác; là vật dụng tầm thường trị giá một *māsaka* hoặc kém một *māsaka*; và tâm trộm cắp có hiện diện; sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*, làm lay động thì phạm tội *Dukkaṭa*, làm dờn khỏi vị trí thì phạm tội *Dukkaṭa*.

45. Vị lấy vật không được cho phạm tội *Pārājika* do sáu yếu tố: Biết vật không thuộc về mình; lấy không phải do sự thân thiết; không phải [mượn] trong thời hạn; là vật dụng quan trọng trị giá năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka*; và tâm trộm cắp có hiện diện; sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*, làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*, làm dờn khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*.

46. Vị lấy vật không được cho phạm tội *Thullaccaya* do sáu yếu tố: Biết vật không thuộc về mình; lấy không phải do sự thân thiết; không phải [mượn] trong thời hạn; là vật dụng tầm thường trị giá hơn một *māsaka* hoặc kém năm *māsaka*; và tâm trộm cắp có hiện diện; sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*, làm lay động thì phạm tội *Dukkaṭa*, làm dờn khỏi vị trí thì phạm tội *Thullaccaya*.

47. Vị lấy vật không được cho phạm tội *Dukkaṭa* do sáu yếu tố: Biết vật không thuộc về mình; lấy không phải do sự thân thiết; không phải [mượn] trong thời hạn; là vật dụng tầm thường trị giá một *māsaka* hoặc kém một *māsaka*; và tâm trộm cắp có hiện diện; sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*, làm lay động thì phạm tội *Dukkaṭa*, làm dờn khỏi vị trí thì phạm tội *Dukkaṭa*.

48. Vị lấy vật không được cho phạm tội *Dukkaṭa* do năm yếu tố: Là vật không thuộc về người khác; nghĩ là vật thuộc về người khác; là vật dụng quan trọng trị giá năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka*; và tâm trộm cắp có hiện diện;

sờ vào thì phạm tội *Dukkata*, làm lay động thì phạm tội *Dukkata*, làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Dukkata*.

49. Vị lấy vật không được cho phạm tội *Dukkata* do năm yếu tố: Là vật không thuộc về người khác; nghĩ là vật thuộc về người khác; là vật dụng tâm thường trị giá hơn một *māsaka* hoặc kém năm *māsaka*; và tâm trộm cắp có hiện diện; sờ vào thì phạm tội *Dukkata*, làm lay động thì phạm tội *Dukkata*, làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Dukkata*.

50. Vị lấy vật không được cho phạm tội *Dukkata* do năm yếu tố: Là vật không thuộc về người khác; nghĩ là vật thuộc về người khác; là vật dụng tâm thường trị giá một *māsaka* hoặc kém một *māsaka*; và tâm trộm cắp có hiện diện; sờ vào thì phạm tội *Dukkata*, làm lay động thì phạm tội *Dukkata*, làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Dukkata*.

51. Tưởng là của mình, khi lấy do sự thân thiết, [mượn] trong thời hạn, thuộc về người chết, thuộc về loài thú, nghĩ là vật bị quăng bỏ, vị bị điên, vị có tâm bị rối loạn, vị bị thọ khổ hành hạ, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt tụng phẩm thứ nhất về việc trộm cắp.

--oo0oo--

CHUYỆN DẪN GIẢI KỆ NGÔN TÓM LƯỢC

Năm chuyện được thuật lại bởi những người thợ nhuộm, bốn chuyện về những tấm vải choàng, năm chuyện về ban đêm, năm và sáu chuyện nữa liên quan đến việc mang vác.

Năm chuyện được thuật lại về lời nói, hai chuyện khác về gió, ở [thi thể] chưa hoại, việc rút thăm cỏ kusa, với chuyện nhà tắm thứ mười.

Năm chuyện được thuật lại về vật thú ăn thừa lại và cũng năm chuyện liên quan đến việc vô căn cứ, lúc khó khăn vật thực, cơm, thịt, bánh nướng, bánh ngọt, và thịt ngọt.

Vật dụng, túi xách, tấm nệm, sào máng y, vị đã không đi ra và vật nên được ăn do thân thiết, hai chuyện khác về lăm tưởng của mình.

Chúng tôi không lấy trộm có bảy chuyện và họ đã lấy trộm cũng bảy chuyện, họ đã lấy trộm của hội chúng bảy chuyện, hai chuyện khác về bông hoa.

Và nhân danh người khác nói có ba chuyện, đem qua ba viên ngọc ma-ni, các con heo rừng, nai, cá và vị đã đi chuyển luôn cả chiếc xe.

Chim tha đi hai chuyện, hai chuyện về khúc gỗ, vải quăng bỏ, hai chuyện về nước, theo lần lượt, sự phân công, chuyện khác về việc ấy đã chưa làm cho đủ số.

Bốn chuyện về nắm tay ở trong thành Sāvatti, phần còn thừa hai chuyện, hai chuyện về cỏ, [trái cây] thuộc hội chúng, họ đã chia phần có bảy chuyện và bảy chuyện nữa về không có chủ.

Gỗ, nước, đất sét, hai chuyện về cỏ, họ đã trộm vật thuộc hội chúng có bảy chuyện và cũng không nên di chuyển vật có chủ nhân, chỉ tạm thời mang đi vật có chủ thì được.

Campā và luôn cả Vương Xá, vị Ajjuka ở thành Vesālī, chuyện Bārāṇasī và ở Kosambī, vị Daḥhika ở thành Sāgalā.

1. Vào lúc bảy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi đến chỗ nhuộm y và lấy trộm gói đồ nhuộm. Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc: “Điều học đã được đức Thế Tôn quy định; phải chăng chúng ta đã phạm tội *Pārājika*?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Nay các Tỳ-khưu, các người đã phạm tội *Pārājika*. (1)

2. Vào lúc bảy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi đi đến chỗ nhuộm y, nhìn thấy tấm vải quý giá nên khởi tâm trộm cắp. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: “Phải chăng ta đã phạm tội *Pārājika*?” Vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Nay Tỳ-khưu, người vô tội trong việc sanh khởi tâm. (2)

3. Vào lúc bảy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi đi đến chỗ nhuộm y, nhìn thấy tấm vải quý giá nên khởi tâm trộm cắp rồi đã sờ vào. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(nt).

– Nay Tỳ-khưu, người không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Dukkaṭa*. (3)

4. Vào lúc bảy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi đi đến chỗ nhuộm y, nhìn thấy tấm vải quý giá nên khởi tâm trộm cắp, rồi đã làm lay động. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(nt).

– Nay Tỳ-khưu, người không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (4)

5. Vào lúc bảy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi đến chỗ nhuộm y, nhìn thấy tấm vải quý giá nên khởi tâm trộm cắp, rồi đã làm dời khỏi vị trí. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(nt).

– Nay Tỳ-khưu, người đã phạm tội *Pārājika*. (5)

6. Vào lúc bảy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đi khát thực, sau khi nhìn thấy tấm vải choàng quý giá đã khởi lên tâm trộm cắp. ...(nt)... khởi tâm trộm cắp, rồi đã sờ vào. ...(nt)... khởi tâm trộm cắp, rồi đã làm lay động. ...(nt)... khởi tâm trộm cắp, rồi đã làm dời khỏi vị trí. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(nt).

– Nay Tỳ-khưu, người đã phạm tội *Pārājika*. (6-9)

7. Vào lúc bảy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi nhìn thấy đồ vật vào ban ngày, rồi đã làm dấu hiệu [nghĩ rằng]: “Ta sẽ lấy trộm vào ban đêm.” Vị ấy nhận ra vật ấy, rồi đã lấy trộm vật ấy. ...(nt)... nhận ra vật ấy, rồi đã lấy trộm vật khác.

...(nt)... nhận ra vật khác, rồi đã lấy trộm vật ấy. ...(nt)... nhận ra vật khác, rồi đã lấy trộm vật khác. ...(nt)... Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, người đã phạm tội *Pārājika*. (10-13)

8. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ, sau khi nhìn thấy đồ vật vào ban ngày, rồi đã làm dấu hiệu [nghĩ rằng]: “Ta sẽ lấy trộm vào ban đêm.” Vị ấy nhận ra vật ấy rồi đã lấy trộm [nhằm] đồ vật của chính mình. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, người không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Dukkata*. (14)

9. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ, trong lúc mang đồ vật của người khác, khởi tâm trộm cắp gói đồ ở trên đầu, rồi đã sờ vào. ...(nt)... khởi tâm trộm cắp, rồi đã làm lay động. ...(nt)... khởi tâm trộm cắp, rồi đã đưa xuống vai. ...(nt)... khởi tâm trộm cắp, rồi đã sờ vào gói đồ ở trên vai. ...(nt)... khởi tâm trộm cắp, rồi đã làm lay động. ...(nt)... khởi tâm trộm cắp, rồi đã đưa xuống hông. ...(nt)... khởi tâm trộm cắp gói đồ ở hông, rồi đã sờ vào. ...(nt)... khởi tâm trộm cắp, rồi đã làm lay động. ...(nt)... khởi tâm trộm cắp, rồi đã cầm lấy bằng tay. ...(nt)... khởi tâm trộm cắp gói đồ ở tay, rồi đã đặt xuống đất ...(nt)... khởi tâm trộm cắp, rồi đã nhấc lên khỏi mặt đất. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, người đã phạm tội *Pārājika*. (15-25)

10. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ đã căng y ở ngoài trời, rồi đi vào trong trú xá. Có vị Tỳ-khuru khác [nghĩ rằng]: “Chớ để y này bị hư hỏng” nên đã đem cất đi. Vị kia đi ra rồi đã hỏi vị Tỳ-khuru ấy rằng:

– Nay Đại đức, y của tôi đã bị ai lấy trộm?

Vị ấy đã nói như vậy:

– Đã bị tôi lấy trộm.

Vị kia đã giữ vị ấy lại [nói rằng]:

– Người không phải là Sa-môn.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt)... Vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay Tỳ-khuru, [khi ấy] người có tâm gì?

– Bạch Thế Tôn, con [đáp lại] thuận theo câu nói.

– Nay Tỳ-khuru, người vô tội trong việc [đáp lại] thuận theo câu nói. (26)

11. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ đã để y ở trên ghế. ...(nt)... đã để tấm lót ngồi ở trên ghế ...(nt)... đã để bình bát ở dưới ghế, rồi đi vào trong trú xá. Có vị Tỳ-khuru khác [nghĩ rằng]: “Chớ để bình bát này bị hư hỏng” nên đã đem cất đi. Vị kia đi ra rồi đã hỏi vị Tỳ-khuru ấy rằng:

– Nay Đại đức, bình bát của tôi đã bị ai lấy trộm?

Vị ấy đã nói như vậy:

– Đã bị tôi lấy trộm.

Vị kia đã giữ vị ấy lại [nói rằng]:

– Người không phải là Sa-môn.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, người vô tội trong việc [đáp lại] thuận theo câu nói. (27-29)

12. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru-ni nọ đã căng y ở hàng rào, rồi đi vào trong trú xá. Có vị Tỳ-khuru-ni khác [nghĩ rằng]: “Chớ để y này bị hư hỏng” nên đã đem cất đi. Vị Ni kia đi ra rồi đã hỏi vị Tỳ-khuru-ni ấy rằng:

– Nay Ni sư, y của tôi đã bị ai lấy trộm?

Vị Ni ấy đã nói như vậy:

– Đã bị tôi lấy trộm.

Vị Ni kia đã giữ vị Ni ấy lại [nói rằng]:

– Cô không còn là nữ Sa-môn nữa.

Vị Ni ấy đã có nổi nghi hoặc. Sau đó, vị Tỳ-khuru-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khuru-ni. Các Tỳ-khuru-ni đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khuru. Các Tỳ-khuru đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, vị ấy vô tội trong việc [đáp lại] thuận theo câu nói. (30)

13. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ, sau khi nhìn thấy tấm vải choàng bị cuốn đi bởi cơn gió xoáy [nghĩ rằng]: “Ta sẽ cho lại những người chủ”, rồi đã nhặt lấy. Những người chủ đã quở trách vị Tỳ-khuru ấy rằng:

– Người không phải là Sa-môn.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, [khi ấy] người có tâm gì?

– Bạch Thế Tôn, con không có tâm trộm cắp.

– Nay Tỳ-khuru, vị không có tâm trộm cắp thì vô tội. (31)

14. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ khởi tâm trộm cắp cái khăn xếp đội đầu bị cuốn đi bởi cơn gió xoáy [nghĩ rằng]: “[Phải hành động] trước khi những người chủ nhìn thấy”, rồi đã nhặt lấy. Những người chủ đã quở trách vị Tỳ-khuru ấy rằng:

– Người không phải là Sa-môn.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, người đã phạm tội *Pārājika*. (32)

15. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ, sau khi đi vào nơi nghỉ địa, đã nhặt lấy vải *paṃsukūla* ở thi thể chưa hoại. Và có ngạ quỷ trú trong thi thể ấy. Khi ấy, ngạ quỷ ấy đã nói với vị Tỳ-khuru điều này:

– Thừa ngài, xin chớ lấy đi tấm vải choàng của tôi.

Vị Tỳ-khuru ấy không chú ý đến nên đã nhặt lấy. Khi ấy, thi thể ấy đã đứng dậy và đi sát phía sau vị Tỳ-khuru ấy. Sau đó, vị Tỳ-khuru ấy đã đi vào trú xá và

đóng cửa lại. Khi ấy, thi thể ấy đã té xuống ngay tại chỗ ấy.²² Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Đây Tỳ-khuru, người không phạm tội *Pārājika*. Và đây các Tỳ-khuru, không nên lấy vải *pamsukūla* ở thi thể chưa hoại; vị nào lấy thì phạm tội *Dukkaṭa*. (33)

16. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ, trong lúc phân chia các y của hội chúng khởi tâm trộm cắp nên đã tráo trảm và đã lấy được y. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Đây Tỳ-khuru, người đã phạm tội *Pārājika*. (34)

17. Vào lúc bấy giờ, ở trong nhà tắm hơi, Đại đức Ānanda [lắm] tưởng y nội của vị Tỳ-khuru khác là của mình nên đã mặc vào. Khi ấy, vị Tỳ-khuru ấy đã nói với Đại đức Ānanda điều này:

– Đây Đại đức Ānanda, sao Đại đức lại mặc y nội của tôi?

– Đây Đại đức, tôi tưởng là của tôi.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Đây các Tỳ-khuru, vị [lắm] tưởng là của mình thì vô tội. (35)

18. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-khuru trong lúc từ Gijjhakūṭa đi xuống, đã nhìn thấy phần thịt ăn còn thừa của sư tử nên đã cho nấu chín rồi thọ dụng. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Đây các Tỳ-khuru, [trong trường hợp] phần thịt ăn còn thừa của sư tử thì vô tội. (36)

19. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-khuru trong lúc từ Gijjhakūṭa đi xuống, đã nhìn thấy phần thịt ăn còn thừa của loài cọp ...(nt)... đã nhìn thấy phần thịt ăn còn thừa của loài beo ...(nt)... đã nhìn thấy phần thịt ăn còn thừa của loài linh cẩu ...(nt)... đã nhìn thấy phần thịt ăn còn thừa của chó sói nên đã cho nấu chín rồi thọ dụng. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Đây các Tỳ-khuru, [trong trường hợp] vật thuộc về loài thú thì vô tội. (37-40)

20. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ, trong khi cơm của hội chúng được phân chia [đã nói rằng]: “Hãy trao cho tôi phần của vị khác”, rồi đã lấy phần của vị không có hiện hữu. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Đây Tỳ-khuru, người không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Pācittiya* trong việc cô tình nói dối.²³ (41)

21. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ, trong khi vật thực cứng của hội chúng được phân chia ...(nt)... trong khi bánh nướng của hội chúng được phân chia ...(nt)... trong khi mía cây của hội chúng được phân chia ...(nt)... trong khi

²² Do sự luyến ái với tấm vải choàng nên người có tấm vải choàng ấy đã bị tái sanh làm *peta* ở nơi thi thể ấy. *Peta* có khả năng làm thi thể ấy đứng dậy. Sau khi cửa bị đóng lại, *peta* ấy biết đã bị mất tấm vải choàng nên đã từ bỏ thi thể ấy, rồi theo nghiệp đi tái sanh lần nữa; do đó thi thể ấy bị té ngã xuống đất (*VinA*. II. 374).

²³ Là tội *Pācittiya* thứ nhất.

dưa của hội chúng được phân chia ...(nt)... [nói rằng]: “Hãy trao cho tôi phần của vị khác”, rồi đã lấy phần của vị không có hiện hữu. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, người không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Pācittiya* trong việc cố tình nói dối. (42-45)

22. Vào lúc bấy giờ, trong thời kỳ khó khăn về vật thực, có vị Tỳ-khuru nọ, sau khi đi vào cửa hàng bán cơm đã khởi tâm trộm cắp và đã lấy trộm phần cơm đầy bát. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, người đã phạm tội *Pārājika*. (46)

23. Vào lúc bấy giờ, trong thời kỳ khó khăn về vật thực, có vị Tỳ-khuru nọ, sau khi đi vào cửa hàng bán thịt đã khởi tâm trộm cắp và đã lấy trộm phần thịt đầy bát. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, người đã phạm tội *Pārājika*. (47)

24. Vào lúc bấy giờ, trong thời kỳ khó khăn về vật thực, có vị Tỳ-khuru nọ, sau khi đi vào cửa hàng bán bánh nướng đã khởi tâm trộm cắp và đã lấy trộm phần bánh nướng đầy bát. ...(nt)... đã khởi tâm trộm cắp và đã lấy trộm phần bánh ngọt đầy bát. ...(nt)... đã khởi tâm trộm cắp và đã lấy trộm phần thịt ngọt đầy bát. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, người đã phạm tội *Pārājika*. (48-50)

25. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ, sau khi nhìn thấy vật dụng vào ban ngày, rồi đã làm dấu hiệu [nghĩ rằng]: “Ta sẽ lấy trộm vào ban đêm.” Vị ấy nhận ra vật ấy rồi đã lấy trộm vật ấy. ...(nt)... Vị ấy nhận ra vật ấy rồi đã lấy trộm vật khác. ...(nt)... Vị ấy nhận ra vật khác rồi đã lấy trộm vật ấy. ...(nt)... Vị ấy nhận ra vật khác rồi đã lấy trộm vật khác. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, người đã phạm tội *Pārājika*. (51-54)

26. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ, sau khi nhìn thấy vật dụng vào ban ngày, rồi đã làm dấu hiệu [nghĩ rằng]: “Ta sẽ lấy trộm vào ban đêm.” Vị ấy nhận ra vật ấy rồi đã lấy trộm vật dụng của chính mình. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, người không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Dukkaṭa*. (55)

27. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ, sau khi nhìn thấy túi xách ở trên ghế [nghĩ rằng]: “Trong khi lấy từ chỗ này thì ta sẽ phạm tội *Pārājika*” nên đã di chuyển luôn cả cái ghế rồi mới đoạt lấy. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, người đã phạm tội *Pārājika*. (56)

28. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ có ý định trộm cắp và đã lấy trộm nệm của hội chúng. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, người đã phạm tội *Pārājika*. (57)

29. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ có ý định trộm cắp và đã lấy trộm y ở sào máng y. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, người đã phạm tội *Pārājika*. (58)

30. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ, sau khi lấy trộm y ở trong trú xá [nghĩ rằng]: “Khi đi ra khỏi đây thì ta sẽ phạm tội *Pārājika*”, rồi đã không đi ra khỏi trú xá. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, kẻ rò đại ấy dầu có đi ra hay không đi ra cũng đã phạm tội *Pārājika*. (59)

31. Vào lúc bấy giờ, có hai vị Tỳ-khuru là bạn bè, một vị đã đi vào làng để khát thực. Còn vị thứ nhì, trong khi vật thực cứng của hội chúng được phân phát, đã nhận phần của người bạn và đã thọ dụng do sự thân thiết với vị ấy. Vị kia biết được đã quở trách vị ấy rằng:

– Người không phải là Sa-môn.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc và đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay Tỳ-khuru, [khi ấy] người có tâm gì?

– Bạch Thế Tôn, con lấy do sự thân thiết.

– Nay Tỳ-khuru, trường hợp lấy do sự thân thiết thì vô tội.²⁴ (60)

32. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khuru thực hiện việc may y. Khi vật thực cứng của hội chúng được phân chia, các phần chia của tất cả các vị đã được mang đến và để ở bên cạnh. Có vị Tỳ-khuru nọ [lầm] tưởng phần chia của vị Tỳ-khuru khác là của mình nên đã thọ dụng. Vị kia biết được đã quở trách vị ấy rằng:

– Người không phải là Sa-môn.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc và đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay Tỳ-khuru, vị [lầm] tưởng là của mình thì vô tội. (61)

33. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khuru thực hiện việc may y. Khi vật thực cứng của hội chúng đang được phân chia, phần chia của vị Tỳ-khuru nọ được mang lại bằng bình bát của vị Tỳ-khuru khác và được để gần đó. Vị Tỳ-khuru chủ nhân của bình bát [lầm] tưởng là của mình nên đã thọ dụng. Vị kia biết được đã quở trách vị ấy rằng:

– Người không phải là Sa-môn.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc và đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay Tỳ-khuru, vị [lầm] tưởng là của mình thì vô tội. (62)

34. Vào lúc bấy giờ, có các kẻ trộm xoài đã hái xoài rồi mang theo gói [xoài] ra đi. Những người chủ đã đuổi theo các kẻ trộm ấy. Khi nhìn thấy những người chủ, các kẻ trộm đã đánh rơi gói [xoài] rồi tẩu thoát. Các vị Tỳ-khuru tưởng là vật quăng bỏ nên đã bảo nhặt lấy rồi đã thọ dụng. Những người chủ đã quở trách các vị Tỳ-khuru ấy rằng:

²⁴ Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép lấy do sự thân thiết [đồ vật] của người hội đủ 5 điều: Vị quen biết, vị thân thiết, vị ấy đã nói trước, vị ấy còn sống và vị lấy biết được rằng: “Nếu được ta lấy thì vị ấy sẽ hoan hỷ” *Vin.* I. 296. Xem *TTTĐPGVN*, tập 11, tr. 380; *TTPV*, tập 5, *Mv.* II, chương VIII, tr. 211.

– Các người không phải là Sa-môn.

Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc và đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, [khi ấy] các người có tâm gì?

– Bạch Thế Tôn, chúng con [lầm] tưởng là vật quăng bỏ.

– Nay các Tỳ-khuru, vị [lầm] tưởng là vật quăng bỏ thì vô tội. (63)

35. Vào lúc bấy giờ, có các kẻ trộm trái táo hồng ...(nt)... các kẻ trộm trái bánh mì ...(nt)... các kẻ trộm trái mít ...(nt)... các kẻ trộm trái chà là ...(nt)... các kẻ trộm mía ...(nt)... các kẻ trộm dưa, sau khi gom các quả dưa lại, rồi đã mang theo gói [dưa] và bỏ đi. Những người chủ đã đuổi theo các kẻ trộm ấy. Khi nhìn thấy những người chủ, các kẻ trộm đã đánh rơi gói [dưa] rồi tẩu thoát. Các vị Tỳ-khuru tưởng rằng gói [dưa] ấy là vật quăng bỏ nên đã cho người nhặt lấy, rồi đã thọ dụng. Những người chủ đã quở trách các vị Tỳ-khuru ấy rằng:

– Các người không phải là Sa-môn.

Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay các Tỳ-khuru, vị [lầm] tưởng là vật quăng bỏ thì vô tội. (64-69)

36. Vào lúc bấy giờ, có các kẻ trộm xoài đã hái xoài, rồi mang theo gói [xoài] và bỏ đi. Những người chủ đã đuổi theo các kẻ trộm ấy. Khi nhìn thấy những người chủ, các kẻ trộm đã đánh rơi gói [xoài] rồi tẩu thoát. Các vị Tỳ-khuru khởi tâm trộm cắp: “[Phải hành động] trước khi những người chủ nhìn thấy”, rồi đã thọ dụng. Những người chủ đã quở trách các vị Tỳ-khuru ấy rằng:

– Các người không phải là Sa-môn.

Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay các Tỳ-khuru, các người đã phạm tội *Pārājika*. (70)

37. Vào lúc bấy giờ, có các kẻ trộm trái táo hồng ...(nt)... các kẻ trộm trái bánh mì ...(nt)... các kẻ trộm trái mít ...(nt)... các kẻ trộm trái chà là ...(nt)... các kẻ trộm mía ...(nt)... các kẻ trộm dưa, sau khi gom các quả dưa lại rồi đã mang theo gói [dưa] và bỏ đi. Những người chủ đã đuổi theo các kẻ trộm ấy. Khi nhìn thấy những người chủ, các kẻ trộm đã đánh rơi gói [dưa] rồi tẩu thoát. Các vị Tỳ-khuru khởi tâm trộm cắp: “[Phải hành động] trước khi những người chủ nhìn thấy”, rồi đã thọ dụng. Những người chủ đã quở trách các vị Tỳ-khuru ấy rằng:

– Các người không phải là Sa-môn.

Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay các Tỳ-khuru, các người đã phạm tội *Pārājika*. (71-76)

38. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ khởi tâm trộm cắp, và đã lấy trộm xoài của hội chúng ...(nt)... khởi tâm trộm cắp, và đã lấy trộm trái táo hồng của hội chúng ...(nt)... trái bánh mì của hội chúng ...(nt)... trái mít của hội chúng

...(nt)... trái chà là của hội chúng ...(nt)... mía của hội chúng ...(nt)... dưa của hội chúng. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, người đã phạm tội *Pārājika*. (77-83)

39. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ, sau khi đi đến vườn hoa, khởi tâm trộm cắp và đã lấy trộm bông hoa đã được hái trị giá năm *māsaka*. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, người đã phạm tội *Pārājika*. (84)

40. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ, sau khi đi đến vườn hoa đã hái các bông hoa, rồi khởi tâm trộm cắp, đã lấy trộm [hoa] trị giá năm *māsaka*. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, người đã phạm tội *Pārājika*. (85)

41. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ, trong lúc đi đến ngôi làng nhỏ, đã nói với vị Tỳ-khuru khác điều này:

– Nay Đại đức, nhân danh Đại đức, tôi sẽ nói với gia đình hộ độ của Đại đức.

Vị ấy sau khi đi đến đã bảo đem lại một tấm vải choàng và đã sử dụng cho bản thân. Vị kia biết được đã quở trách vị ấy rằng:

– Người không phải là Sa-môn.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, người đã không phạm tội *Pārājika*. Và này các Tỳ-khuru, không nên nói rằng: “Nhân danh Đại đức, tôi sẽ nói”; vị nào nói thì phạm tội *Dukkata*. (86)

42. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ đi đến ngôi làng nhỏ. Có vị Tỳ-khuru nọ đã nói với vị Tỳ-khuru ấy điều này:

– Nay Đại đức, nhân danh tôi, Đại đức hãy nói với gia đình hộ độ của tôi.

Vị ấy sau khi đi đến đã bảo đem lại hai tấm vải choàng, rồi đã sử dụng cho bản thân một tấm và đã trao cho vị Tỳ-khuru kia một tấm. Vị kia biết được đã quở trách vị ấy rằng:

– Người không phải là Sa-môn.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, người đã không phạm tội *Pārājika*. Và này các Tỳ-khuru, không nên nói rằng: “Nhân danh tôi, Đại đức hãy nói”; vị nào nói thì phạm tội *Dukkata*. (87)

43. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ trong lúc đi đến ngôi làng nhỏ đã nói với vị Tỳ-khuru khác điều này:

– Nay Đại đức, nhân danh Đại đức, tôi sẽ nói với gia đình hộ độ của Đại đức.

Vị kia cũng đã nói như vậy:

– Nhân danh tôi, Đại đức hãy nói với gia đình hộ độ của tôi.

Vị ấy sau khi đi đến đã bảo đem lại một *ālhakam*²⁵ bơ lỏng, một *tulam* mật đường và một *doṇam* gạo, rồi đã thọ dụng bởi chính bản thân. Vị kia biết được đã quở trách vị ấy rằng:

– Người không phải là Sa-môn.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, người đã không phạm tội *Pārājika*. Và này các Tỳ-khuru, không nên nói rằng: “Nhân danh Đại đức, tôi sẽ nói”, và không nên nói rằng: “Nhân danh tôi, Đại đức hãy nói”; vị nào nói thì phạm tội *Dukkaṭa*. (88)

44. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ mang theo viên ngọc ma-ni quý giá cùng đi đường xa với vị Tỳ-khuru nọ. Sau đó, khi nhìn thấy trạm thuế, người đàn ông ấy đã lên bỏ viên ngọc ma-ni vào trong túi xách của vị Tỳ-khuru ấy, và sau khi qua khỏi trạm thuế đã lấy lại. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, [khi ấy] người có tâm gì?

– Bạch Thế Tôn, con không biết.

– Nay Tỳ-khuru, vị không biết thì vô tội. (89)

45. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ mang viên ngọc ma-ni quý giá cùng đi đường xa với vị Tỳ-khuru nọ. Sau đó, khi nhìn thấy trạm thuế, người đàn ông ấy giả vờ bị bệnh rồi đã trao gói đồ của mình cho vị Tỳ-khuru ấy. Sau đó, khi đã qua khỏi trạm thuế, người đàn ông ấy đã nói với vị Tỳ-khuru ấy điều này:

– Thưa ngài, xin hãy trao gói đồ cho tôi. Tôi không có bệnh.

– Nay đạo hữu, tại sao người đã làm như thế?

Khi ấy, người đàn ông ấy đã kể lại sự việc ấy cho vị Tỳ-khuru ấy. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, vị không biết thì vô tội. (90)

46. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ đi đường xa cùng với đoàn xe. Có người đàn ông nọ đã dùng vật chất mua chuộc vị Tỳ-khuru ấy, đến khi nhìn thấy trạm thuế đã trao cho vị Tỳ-khuru ấy viên ngọc ma-ni quý giá [nói rằng]:

– Thưa ngài, hãy đem viên ngọc ma-ni này qua khỏi trạm thuế.

Khi ấy, vị Tỳ-khuru ấy đã đem viên ngọc ma-ni ấy qua khỏi trạm thuế. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, người đã phạm tội *Pārājika*. (91)

47. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ, vì lòng thương xót con heo rừng bị mắc bẫy nên đã gỡ ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, [khi ấy] người có tâm gì?

²⁵ Theo ngài Mahāsamaṇa Chao giải thích ở bộ sách *Vinayamukha* thì *ālhakam* và *doṇam* là đơn vị đo thể tích: 1 *ālhakam* ước lượng khoảng 8 bụm tay, và 4 *ālhaka* là 1 *doṇam*. Còn *tulam* là đơn vị đo trọng lượng.

– Bạch Thế Tôn, con vì lòng thương xót.

– Nay Tỳ-khuru, vị vì lòng thương xót thì vô tội. (92)

48. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ khởi tâm trộm cắp con heo rừng bị mắc bẫy: “[Phải hành động] trước khi các người chủ nhìn thấy”, rồi đã gỡ ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, người đã phạm tội *Pārājika*. (93)

49. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ vì lòng thương xót con nai bị mắc bẫy nên đã gỡ ra. ...(nt)... khởi tâm trộm cắp con nai bị mắc bẫy: “[Phải hành động] trước khi các người chủ nhìn thấy”, rồi đã gỡ ra ...(nt)... vì lòng thương xót những con cá bị vướng vào rọ nên đã gỡ ra. ...(nt)... khởi tâm trộm cắp những con cá bị vướng vào rọ: “[Phải hành động] trước khi các người chủ nhìn thấy”, rồi đã gỡ ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, người đã phạm tội *Pārājika*. (94-97)

50. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ, sau khi nhìn thấy gói đồ ở trong chiếc xe [nghĩ rằng]: “Trong khi lấy từ chỗ này thì ta sẽ phạm tội *Pārājika*” nên đã đi vượt lên trên, xoay vắn [gói đồ], rồi mới đoạt lấy. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, người đã phạm tội *Pārājika*. (98)

51. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ đã nhặt lấy miếng thịt bị chim ưng tha đi [nghĩ rằng]: “Ta sẽ cho lại những người chủ.” Những người chủ đã quở trách vị Tỳ-khuru ấy rằng:

– Người không phải là Sa-môn.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, vị không có tâm trộm cắp thì vô tội. (99)

52. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ có tâm trộm cắp miếng thịt bị chim ưng tha đi: “[Phải hành động] trước khi các người chủ nhìn thấy”, rồi đã nhặt lấy. Những người chủ đã quở trách vị Tỳ-khuru ấy rằng:

– Người không phải là Sa-môn.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, người đã phạm tội *Pārājika*. (100)

53. Vào lúc bấy giờ, dân chúng buộc [các khúc gỗ] lại thành bè rồi thả xuôi dòng sông Aciravatī. Khi dây buộc bị đứt, các khúc gỗ đã bị phân tán trôi đi. Các vị Tỳ-khuru tưởng là vật quăng bỏ nên đã vớt lên. Những người chủ đã quở trách các vị Tỳ-khuru ấy rằng:

– Các người không phải là Sa-môn.

Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay các Tỳ-khuru, vị [lầm] tưởng là vật quăng bỏ thì vô tội. (101)

54. Vào lúc bấy giờ, dân chúng buộc [các khúc gỗ] lại thành bè rồi thả xuôi dòng sông Aciravatī. Khi dây buộc bị đứt, các khúc gỗ đã bị phân tán trôi đi. Các vị Tỳ-khuru khởi tâm trộm cắp: “[Phải hành động] trước khi các người chủ nhìn thấy”, rồi đã vớt lên. Những người chủ đã quở trách các vị Tỳ-khuru ấy rằng:

– Các người không phải là Sa-môn.

Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay các Tỳ-khuru, các người đã phạm tội *Pārājika*. (102)

55. Vào lúc bấy giờ, có người chăn bò nọ đã treo tấm vải choàng trên cây rồi đi đại tiện. Có vị Tỳ-khuru nọ tưởng là vật quăng bỏ nên đã nhặt lấy. Khi ấy, người chăn bò ấy đã quở trách vị Tỳ-khuru ấy rằng:

– Người không phải là Sa-môn.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay các Tỳ-khuru, vị [lầm] tưởng là vật quăng bỏ thì vô tội. (103)

56. Vào lúc bấy giờ, trong lúc vị Tỳ-khuru nọ đang lội qua sông, có tấm vải choàng bị tuột khỏi tay của những người thợ nhuộm [trôi đến] vướng vào bàn chân [của vị ấy]. Vị Tỳ-khuru ấy đã nhặt lên [nghĩ rằng]: “Ta sẽ cho lại những người chủ.” Những người chủ đã quở trách vị Tỳ-khuru ấy rằng:

– Người không phải là Sa-môn.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, vị không có tâm trộm cắp thì vô tội. (104)

57. Vào lúc bấy giờ, trong lúc vị Tỳ-khuru nọ đang lội qua sông, có tấm vải choàng bị tuột khỏi tay của những người thợ nhuộm [trôi đến] vướng vào bàn chân [của vị ấy]. Vị Tỳ-khuru ấy khởi tâm trộm cắp: “[Phải hành động] trước khi các người chủ nhìn thấy”, rồi đã nhặt lấy. Những người chủ đã quở trách vị Tỳ-khuru ấy rằng:

– Người không phải là Sa-môn.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, người đã phạm tội *Pārājika*. (105)

58. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ nhìn thấy hũ bơ lỏng nên đã thọ dụng mỗi lần một chút ít. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, người không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Dukkaṭa*.²⁶ (106)

²⁶ Trường hợp này, chúng ta có thể thắc mắc rằng: “Nếu tổng số bơ lỏng vị ấy đã thọ dụng trị giá bằng năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka* thì vị ấy có phạm tội *Pārājika* hay không?” [Yếu tố “có tâm trộm cắp” được hiểu ngầm]. Đương nhiên là vị ấy phạm tội *Pārājika*. Tuy nhiên, trường hợp của vị này có chút khác biệt. Chúng tôi hiểu như sau về lời giải thích của ngài Buddhaghosa: Vị ấy thọ dụng mỗi lần một chút ít, như thế, trị giá bằng một *māsaka* hoặc kém một *māsaka* nên chỉ phạm tội *Dukkaṭa* cho mỗi lần thọ dụng. Sau khi thọ dụng lần thứ nhất, vị ấy sám hối, quyết tâm rằng: “Ta sẽ không làm như thế nữa.” Vì đã trong sạch trở lại, nên vào ngày kế, khi vị ấy thọ dụng thêm một chút ít thì lại phạm tội *Dukkaṭa* nữa. Vị ấy lại sám hối tội. Tiến trình phạm tội và sám hối được tiếp diễn. Chính vì lý do đó, số lượng bơ lỏng vị ấy đã thọ dụng không được tính gộp lại, mà chỉ tính riêng cho mỗi lần thọ dụng. Nếu vị ấy không sám hối tội, thì sẽ tùy theo tổng số lượng bơ lỏng vị ấy đã thọ dụng mà định tội (*VinA*. II. 385).

59. Vào lúc bảy giờ, nhiều vị Tỳ-khưu đã cùng nhau phân công rồi ra đi [nghĩ rằng]: “Chúng ta sẽ lấy trộm đồ vật.” Một vị đã lấy trộm đồ vật. Các vị ấy đã nói như vậy: “Chúng ta không phạm tội *Pārājika*. Vị nào lấy trộm, vị ấy phạm tội *Pārājika*.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khưu, các người đã phạm tội *Pārājika*. (107)

60. Vào lúc bảy giờ, nhiều vị Tỳ-khưu sau khi đã cùng nhau phân công rồi đã lấy trộm đồ vật và chia phần. Trong khi được phân chia bởi các vị ấy, phần chia cho mỗi một vị không đủ năm *māsaka*. Các vị ấy đã nói như vậy: “Chúng ta không phạm tội *Pārājika*.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khưu, các người đã phạm tội *Pārājika*. (108)

61. Vào lúc bảy giờ, ở thành Sāvattthi, trong lúc có sự khó khăn về vật thực, có vị Tỳ-khưu nọ khởi tâm trộm cắp, rồi đã lấy trộm một nắm gạo của người chủ tiệm. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khưu, người đã phạm tội *Pārājika*. (109)

62. Vào lúc bảy giờ, ở thành Sāvattthi, trong lúc có sự khó khăn về vật thực, có vị Tỳ-khưu nọ khởi tâm trộm cắp, rồi đã lấy trộm một nắm đậu ...(nt)... một nắm đậu tây ...(nt)... một nắm hạt mè của người chủ tiệm. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khưu, người đã phạm tội *Pārājika*. (110-112)

63. Vào lúc bảy giờ, trong rừng Andha ở thành Sāvattthi, các kẻ trộm đã giết con bò cái rồi ăn thịt, sau khi thu xếp lại phần còn thừa, rồi đã ra đi. Các vị Tỳ-khưu tưởng là vật quăng bỏ nên đã cho người nhặt lấy rồi thọ dụng. Các kẻ trộm đã quở trách các vị Tỳ-khưu ấy rằng:

– Các người không phải là Sa-môn.

Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay các Tỳ-khưu, vị [lầm] tưởng là vật quăng bỏ thì vô tội. (113)

64. Vào lúc bảy giờ, trong khu rừng Andha, ở thành Sāvattthi, các kẻ trộm sau khi giết con heo rừng đã ăn thịt, sau khi thu xếp lại phần còn thừa rồi đã đi. Các vị Tỳ-khưu tưởng là vật quăng bỏ nên đã cho người nhặt lấy rồi thọ dụng. Các kẻ trộm đã quở trách các vị Tỳ-khưu ấy rằng:

– Các người không phải là Sa-môn.

Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay các Tỳ-khưu, vị [lầm] tưởng là vật quăng bỏ thì vô tội. (114)

65. Vào lúc bảy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi đi đến cánh đồng cỏ khởi tâm trộm cắp, rồi đã lấy trộm cỏ được cắt sẵn trị giá năm *māsaka*. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khưu, người đã phạm tội *Pārājika*. (115)

66. Vào lúc bảy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi đi đến cánh đồng cỏ đã cắt cỏ, rồi khởi tâm trộm cắp và đã lấy trộm [cỏ] trị giá năm *māsaka*. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khưu, người đã phạm tội *Pārājika*. (116)

67. Vào lúc bảy giờ, các Tỳ-khưu vắng lai đã bảo chia phần xoài của hội chúng rồi thọ dụng. Các Tỳ-khưu thường trú đã quả trách các vị Tỳ-khưu ấy rằng:

– Các người không phải là Sa-môn.

Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khưu, [khi ấy] các người có tâm gì?

– Bạch Thế Tôn, chúng con có nhu cầu về thọ thực.

– Nay các Tỳ-khưu, [trường hợp] có nhu cầu về thọ thực thì vô tội. (117)

68. Vào lúc bảy giờ, các Tỳ-khưu vắng lai đã bảo chia phần trái táo hồng của hội chúng ...(nt)... trái bánh mì của hội chúng ...(nt)... trái mít của hội chúng ...(nt)... trái chà là của hội chúng ...(nt)... mía của hội chúng ...(nt)... dưa của hội chúng, rồi thọ dụng. Các Tỳ-khưu thường trú đã quả trách các vị Tỳ-khưu ấy rằng:

– Các người không phải là Sa-môn.

Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay các Tỳ-khưu, [trường hợp] có nhu cầu về thọ thực thì vô tội. (118-123)

69. Vào lúc bảy giờ, những người canh giữ vườn xoài dâng trái xoài đến các Tỳ-khưu. Các vị Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: “Các người chủ bảo họ canh giữ các vật này chớ không bảo dâng các vật này” nên ngần ngại rồi không thọ nhận. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khưu, trong việc bố thí của người giữ vườn thì không phạm tội. (124)

70. Vào lúc bảy giờ, những người canh giữ vườn táo hồng ...(nt)... những người canh giữ vườn cây bánh mì ...(nt)... những người canh giữ vườn mít ...(nt)... những người canh giữ vườn cây chà là ...(nt)... những người canh giữ vườn mía ...(nt)... những người canh giữ vườn dưa dâng những quả dưa đến các vị Tỳ-khưu. Các vị Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: “Các người chủ bảo họ canh giữ các vật này chớ không bảo dâng các vật này” nên ngần ngại rồi không thọ nhận. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khưu, các người vô tội trong việc bố thí của người giữ vườn. (125-130)

71. Vào lúc bảy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ lấy có tính cách tạm thời cây gỗ của hội chúng để chống đỡ bức tường của trú xá thuộc về bản thân. Các Tỳ-khưu đã quả trách vị Tỳ-khưu ấy rằng:

– Người không phải là Sa-môn.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc, rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Tỳ-khưu, [khi ấy] người có tâm gì?

– Bạch Thế Tôn, con [ấy] có tính cách tạm thời.

– Này Tỳ-khưu, [trường hợp] có tính cách tạm thời thì vô tội. (131)

72. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ khởi tâm trộm cắp và đã lấy trộm nước của hội chúng ...(nt)... khởi tâm trộm cắp và đã lấy trộm đất sét của hội chúng ...(nt)... khởi tâm trộm cắp và đã lấy trộm cỏ muñjakita của hội chúng ...(nt)... Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, người đã phạm tội *Pārājika*. (132-134)

73. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ khởi tâm trộm cắp, và đã đốt cháy cỏ muñjakita của hội chúng ...(nt)... Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, người không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Dukkaṭa*. (135)

74. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ khởi tâm trộm cắp và đã lấy trộm giường của hội chúng. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, người đã phạm tội *Pārājika*. (136)

75. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ khởi tâm trộm cắp và đã lấy trộm ghế của hội chúng ...(nt)... nệm của hội chúng ...(nt)... gối của hội chúng ...(nt)... cánh cửa sổ của hội chúng ...(nt)... cánh cửa lá sách của hội chúng ...(nt)... đà gỗ của hội chúng. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, người đã phạm tội *Pārājika*. (137-142)

76. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu sử dụng sàng tọa là vật dụng trong trú xá của nam cư sĩ nọ tại địa điểm khác. Khi ấy, nam cư sĩ ấy phản nân, phê phán, chê bai rằng:

– Vì sao các ngài lại sử dụng đồ đặc của địa điểm này tại địa điểm khác?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng đồ đặc của địa điểm này tại địa điểm khác; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. (143)

77. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ngần ngại di chuyển [thảm lót] đến nhà hành lễ *Uposatha* và phòng hội họp nên ngồi xuống ở nền nhà. Các thân mình và y phục đều bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép lấy đi có tính cách tạm thời. (144)

78. Vào lúc bấy giờ ở xứ Campā, vị Tỳ-khưu-ni, học trò của Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã đi đến gia đình hộ độ Tỳ-khưu-ni Thullanandā [nói rằng]: “Ni sư muốn uống cháo gồm ba thứ”; sau khi bảo nấu đã mang đi rồi đã thọ dụng bởi chính bản thân. Vị Ni Thullanandā biết được đã quở trách vị Ni ấy rằng:

– Người không phải là nữ Sa-môn.

Vị Ni ấy đã có nổi nghi hoặc. Sau đó, vị Tỳ-khuru-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khuru-ni. Các Tỳ-khuru-ni đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khuru. Các Tỳ-khuru đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, vị Ni ấy không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Pācittiya* về việc cố tình nói dối. (145)

79. Vào lúc bấy giờ, ở thành Rājagaha, vị Tỳ-khuru-ni, học trò của Tỳ-khuru-ni Thullanandā đã đi đến gia đình hộ độ Tỳ-khuru-ni Thullanandā [nói rằng]: “Ni sư muốn ăn mật viên”; sau khi bảo nấu đã mang đi, rồi đã thọ dụng bởi chính bản thân. Vị Ni Thullanandā biết được đã quở trách vị Ni ấy rằng:

– Người không phải là nữ Sa-môn.

Vị Ni ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay các Tỳ-khuru, vị Ni ấy không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Pācittiya* về việc cố tình nói dối. (146)

80. Vào lúc bấy giờ, ở thành Vesālī, người gia chủ hộ độ Đại đức Ajjuka có hai đứa trẻ trai: [Một] là con trai và [đứa kia] là cháu trai. Khi ấy, người gia chủ ấy đã nói với Đại đức Ajjuka điều này:

– Thưa ngài, trong hai đứa trẻ trai này, đứa nào có đức tin và mộ đạo thì ngài nên thông báo cơ hội này cho đứa ấy.

Vào lúc bấy giờ, đứa cháu trai của người gia chủ ấy thì có đức tin và mộ đạo. Khi ấy, Đại đức Ajjuka đã thông báo cơ hội ấy cho đứa trẻ trai ấy. Với của cải ấy, người ấy đã bảo quản được tài sản và còn thể hiện việc bố thí nữa. Sau đó, người con trai của vị gia chủ ấy đã nói với Đại đức Ānanda điều này:

– Thưa ngài Ānanda, ai thật sự là người thừa tự của người cha, là con trai hay là cháu trai?

– Nay đạo hữu, người con trai chính là người thừa tự của người cha.

– Thưa ngài, Đại đức Ajjuka này đã bảo rằng, của cải của chúng tôi là thuộc về người anh [em] họ của chúng tôi.

– Nay đạo hữu, Đại đức Ajjuka không phải là Sa-môn.

Sau đó, Đại đức Ajjuka đã nói với Đại đức Ānanda điều này:

– Nay Đại đức Ānanda, hãy cho tôi cuộc phân xử.

Vào lúc bấy giờ, Đại đức Upālī thuộc về phe của Đại đức Ajjuka. Khi ấy, Đại đức Upālī đã nói với Đại đức Ānanda điều này:

– Nay Đại đức Ānanda, vị [Tỳ-khuru] được sở hữu chủ nói rằng: “Hãy thông báo cơ hội này cho người tên như vậy”, rồi đã thông báo cho người ấy [điều đã được dặn dò] thì vị [Tỳ-khuru] ấy phạm tội gì?

– Thưa ngài, vị ấy không phạm bất cứ tội gì, cho dù là tội *Dukkata* đi nữa.

– Nay Đại đức, Đại đức Ajjuka này được sở hữu chủ nói rằng: “Hãy thông báo cơ hội này cho người tên như vậy”, rồi đã thông báo cho người ấy [điều đã được dặn dò]. Nay Đại đức, Đại đức Ajjuka không phạm tội. (147)

81. Vào lúc bấy giờ, ở thành Bārāṇasī, gia đình hộ độ Đại đức Pilindivaccha bị bọn đạo tặc cướp bóc và hai đứa trẻ trai đã bị bắt đi. Khi ấy, Đại đức Pilindivaccha, bằng thần thông, đã đưa hai đứa trẻ ấy về lại và để ở tòa nhà. Dân chúng sau khi nhìn thấy hai đứa trẻ ấy [biết rằng]: “Đây là năng lực thần thông của ngài Pilindivaccha”, rồi đã đặt trọn niềm tin nơi Đại đức Pilindivaccha. Các vị Tỳ-khưu phản nản, phê phán, chê bai rằng:

– Tại sao Đại đức Pilindivaccha lại đưa về những đứa trẻ đã bị bọn đạo tặc bắt đi?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khưu, trong lãnh vực về thần thông, vị có thần thông thì vô tội. (146)

82. Vào lúc bấy giờ, có hai vị Tỳ-khưu là bạn bè, Paṇḍuka và Kapila. Một vị cư trú ở ngôi làng nhỏ, vị kia cư trú ở thành Kosambī. Khi ấy, trong lúc vị Tỳ-khưu ấy từ ngôi làng nhỏ đi đến thành Kosambī, ở giữa đường trong lúc lội qua con sông, có xâu thịt mỡ bị tuột khỏi tay đắm thợ săn heo rừng [trôi đến] vướng vào bàn chân [vị ấy]. Vị Tỳ-khưu ấy [nghĩ rằng]: “Ta sẽ trao lại cho các người chủ”, rồi đã nhặt lấy. Các người chủ đã quở trách vị Tỳ-khưu ấy rằng:

– Người không phải là Sa-môn.

Có cô chăn bò nọ, sau khi nhìn thấy vị ấy đi ngang qua đã nói điều này:

– Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy thực hiện việc đôi lứa.

Vị ấy [nghĩ rằng]: “Tự trong bản chất, ta không phải là Sa-môn nữa rồi” nên đã thực hiện việc đôi lứa với cô ấy, sau đó đã đi đến thành Kosambī và kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khưu, vị ấy không phạm tội *Pārājika* trong việc trộm cắp, mà phạm tội *Pārājika* trong chuyện gần bó vào việc đôi lứa. (149)

83. Vào lúc bấy giờ, ở thành Sāgalā, vị Tỳ-khưu đệ tử của Đại đức Daḷhika bị bức bối bởi sự không thỏa thích nên đã lấy trộm khăn xếp đội đầu của người chủ tiệm, rồi đã nói với Đại đức Daḷhika điều này:

– Thưa ngài, tôi không phải là Sa-môn, tôi sẽ hoàn tục.

– Nay Đại đức, người đã làm điều gì?

Vị ấy đã kể lại sự việc ấy. Sau khi bảo đem lại [vật ấy], vị Daḷhika đã cho định giá. Trong khi được định giá, vật ấy có giá trị không đến năm *māsaka*. ... (nt).

– Nay Đại đức, người không phạm tội *Pārājika*. Rồi vị ấy đã thuyết pháp. Vị Tỳ-khưu ấy đã trở nên hoan hỷ. (150)

Dứt điều *Pārājika* thứ nhì.

--oo0oo--

2.3. ĐIỀU *PĀRĀJIKĀ* THỨ BA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự ở thành Vesālī, Mahāvana, giảng đường Kūṭāgāra. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn thuyết giảng về [đề mục] tử thi, ngợi khen về [đề mục] tử thi, ngợi khen sự tu tập về [đề mục] tử thi, ngợi khen sự chứng đạt về [đề mục] tử thi thế này, thế khác cho các Tỳ-khưu bằng nhiều phương thức.

2. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Nay các Tỳ-khưu, Ta muốn thiền tịnh trong nửa tháng. Không ai đến gặp Ta, ngoại trừ một vị mang lại vật thực.

– Bạch Ngài, xin vâng. Các vị Tỳ-khưu ấy đã trả lời đức Thế Tôn.

Và quả thật, không có vị nào đi đến gặp đức Thế Tôn, ngoại trừ một vị mang lại vật thực.

3. Các vị Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: “Quả thật, đức Thế Tôn thuyết giảng về [đề mục] tử thi, ngợi khen về [đề mục] tử thi, ngợi khen sự tu tập về [đề mục] tử thi, ngợi khen sự chứng đạt về [đề mục] tử thi thế này thế khác bằng nhiều phương thức”, rồi các vị ấy sống chuyên chú, gắn bó vào việc tu tập về [đề mục] tử thi với nhiều động cơ khác nhau.

4. Các vị ấy bị khổ sở, xấu hổ và nhòe gớm với cơ thể của mình. Cũng giống như người nữ hoặc người nam còn trẻ, ở tuổi thanh niên, ưa thích trang điểm, vừa mới gội đầu bị khổ sở, xấu hổ và nhòe gớm với xác rắn, hoặc xác chó, hoặc thầy người chết máng vào cổ; tương tự như thế, các vị Tỳ-khưu ấy trong khi bị khổ sở, xấu hổ và nhòe gớm với cơ thể của mình, [một số] tự mình đoạt lấy mạng sống của chính mình, [một số] đoạt lấy mạng sống lẫn nhau, [một số] đi đến gặp Sa-môn giả mạo Migalaṇḍika rồi nói như vậy:

– Nay đạo hữu, tốt thay! Người hãy đoạt mạng sống của chúng tôi, y và bình bát này sẽ thuộc về người.

5. Sau đó, Sa-môn giả mạo Migalaṇḍika được trả công bằng các y và bình bát, đã đoạt lấy mạng sống nhiều vị Tỳ-khưu, rồi cầm cây gươm đâm máu đi đến dòng sông Vaggumudā. Khi ấy, trong lúc chùi rửa cây gươm đâm máu, Sa-môn giả mạo Migalaṇḍika đã có sự ăn năn, đã có nỗi ân hận: “Thật là điều không lợi ích đã có cho ta! Thật là điều lợi ích đã không có cho ta! Ta đã đạt được điều xấu! Ta đã không đạt được điều tốt! Quả thật, ta đã gây ra nhiều điều bất thiện là việc ta đã đoạt lấy mạng sống của các vị Tỳ-khưu có giới hạnh, có thiện pháp!”

6. Khi ấy, có vị thiên nhân nọ là tùy tùng của Ma vương đã đi đến ở trên mặt nước [nhưng mặt nước sông] vẫn không bị làm chao động, và đã nói với Sa-môn giả mạo Migalaṇḍika điều này:

– Nay kẻ thiện nhân, tốt lắm, tốt lắm! Nay kẻ thiện nhân, điều lợi ích đã có cho ngươi. Nay kẻ thiện nhân, ngươi đã đạt được điều tốt. Nay kẻ thiện nhân, ngươi đã tạo nhiều phước báu là việc ngươi đã giải thoát cho những kẻ chưa được giải thoát.

7. Khi ấy, Sa-môn giả mạo Migalaṇḍika [nghĩ rằng]: “Họ nói điều lợi ích đã có cho ta. Họ nói ta đã đạt được điều tốt. Họ nói ta đã tạo nhiều phước báu. Họ nói ta giải thoát cho những kẻ chưa được giải thoát”, rồi cầm cây gươm bén đi đến từng trú xá một, từng phòng một nói như vậy:

– Vị nào chưa giải thoát? Ta giải thoát cho vị nào đây?

Tại nơi ấy, các Tỳ-khưu nào chưa lìa tham ái, các vị ấy vào thời điểm ấy trở nên sợ hãi, thân run rẩy, lông dựng đứng. Còn các Tỳ-khưu nào đã lìa tham ái, các vị ấy vào lúc ấy là không sợ hãi, thân không run rẩy, lông không dựng đứng.

8. Rồi Sa-môn giả mạo Migalaṇḍika trong một ngày đã đoạt mạng một vị Tỳ-khưu, trong một ngày đã đoạt mạng hai vị Tỳ-khưu, trong một ngày đã đoạt mạng ba vị Tỳ-khưu, trong một ngày đã đoạt mạng bốn vị Tỳ-khưu, trong một ngày đã đoạt mạng năm vị Tỳ-khưu, trong một ngày đã đoạt mạng mười vị Tỳ-khưu, trong một ngày đã đoạt mạng hai mươi vị Tỳ-khưu, trong một ngày đã đoạt mạng ba mươi vị Tỳ-khưu, trong một ngày đã đoạt mạng bốn mươi vị Tỳ-khưu, trong một ngày đã đoạt mạng năm mươi vị Tỳ-khưu, trong một ngày đã đoạt mạng sáu mươi vị Tỳ-khưu.

9. Sau đó, khi trải qua nửa tháng ấy, đức Thế Tôn đã xuất khỏi thiền tịnh và bảo Đại đức Ānanda rằng:

– Nay Ānanda, có phải hội chúng Tỳ-khưu dường như bị ít đi?

10. – Bạch Ngài, sở dĩ như thế là vì đức Thế Tôn thuyết giảng về [đề mục] tử thi, ngợi khen về [đề mục] tử thi, ngợi khen sự tu tập về [đề mục] tử thi, ngợi khen sự chứng đạt về [đề mục] tử thi thế này thế khác cho các Tỳ-khưu bằng nhiều phương thức. Và bạch Ngài, các vị Tỳ-khưu ấy [nghĩ rằng]: “Quả thật, đức Thế Tôn thuyết giảng về [đề mục] tử thi, ngợi khen về [đề mục] tử thi, ngợi khen sự tu tập về [đề mục] tử thi, ngợi khen sự chứng đạt về [đề mục] tử thi thế này thế khác bằng nhiều phương thức”, rồi các vị ấy sống chuyên chú, gắn bó vào việc tu tập về [đề mục] tử thi do nhiều động cơ khác nhau. Các vị ấy bị khổ sở, xấu hổ và nhòe góm với cơ thể của mình. Cũng giống như người nữ hoặc người nam còn trẻ, ở tuổi thanh niên, ưa thích trang điểm, vừa mới gội đầu bị khổ sở, xấu hổ, và nhòe góm với xác rắn, hoặc xác chó, hoặc thấy người chết máng vào cổ; tương tự như thế, các Tỳ-khưu ấy trong khi bị khổ sở, xấu hổ, và nhòe góm với cơ thể của mình, [một số] tự mình đoạt lấy mạng sống của chính mình, [một số] đoạt mạng lẫn nhau, [một số] đi đến gặp Sa-môn giả mạo

Migalaṇḍika rồi nói như vậy: “Này đạo hữu, tốt thay! Ngươi hãy đoạt mạng sống của chúng tôi, y và bình bát này sẽ thuộc về ngươi.” Bạch Ngài, rồi Samôn giả mạo Migalaṇḍika được trả công bằng các y và bình bát, trong một ngày đã đoạt mạng một vị Tỳ-khuru, ...(nt)... trong một ngày đã đoạt mạng sáu mươi vị Tỳ-khuru. Bạch Ngài, lành thay! Xin đức Thế Tôn hãy chỉ dạy phương pháp khác, theo đó, hội chúng Tỳ-khuru này có thể đạt được trí giải thoát.

11. – Này Ānanda, vậy thì có bao nhiêu Tỳ-khuru sống gần thành Vesālī, ngươi hãy triệu tập tất cả các vị ấy ở phòng hội họp.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Đại đức Ānanda đã đáp lời đức Thế Tôn. Rồi có bao nhiêu Tỳ-khuru sống gần thành Vesālī, Đại đức Ānanda đã triệu tập tất cả các vị ấy ở phòng hội họp, rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, hội chúng Tỳ-khuru đã được triệu tập. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy suy tính bây giờ là thời điểm của việc gì.

12. Sau đó, đức Thế Tôn đã đi đến phòng hội họp, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Sau khi ngồi xuống, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khuru rằng:

– Này các Tỳ-khuru, định của niệm hơi thở ra, hơi thở vào này được tu tập, được làm cho tăng trưởng, là thanh tịnh, cao quý, thuần khiết, có lạc là sự an trú, làm biến mất ngay lập tức và làm tịnh lặng các pháp ác và bất thiện đã sanh hoặc chưa sanh khởi. Này các Tỳ-khuru, cũng giống như cơn mưa lớn sái mùa vào tháng cuối của mùa nóng làm biến mất ngay lập tức và làm lắng xuống các bụi bặm đã bốc lên; này các Tỳ-khuru, tương tự như thế, định của niệm hơi thở ra, hơi thở vào này được tu tập, được làm cho tăng trưởng, là thanh tịnh, cao quý, thuần khiết, có lạc là sự an trú, làm biến mất ngay lập tức và làm tịnh lặng các pháp ác và bất thiện đã sanh hoặc chưa sanh khởi.

13. Và này các Tỳ-khuru, thế nào là định của niệm hơi thở ra, hơi thở vào này được tu tập? Thế nào là được làm cho tăng trưởng, là thanh tịnh, cao quý, thuần khiết, có lạc là sự an trú, làm biến mất ngay lập tức và làm tịnh lặng các pháp ác và bất thiện đã sanh hoặc chưa sanh khởi?

14. Này các Tỳ-khuru, ở đây vị Tỳ-khuru đi đến khu rừng, hoặc đi đến gốc cây, hoặc đi đến nơi thanh vắng, ngồi xuống, xếp chân thế kiết-già, giữ thân thẳng và thiết lập niệm luôn hiện diện. Có niệm, vị ấy thở ra; có niệm, vị ấy thở vào.²⁷

Hoặc trong khi thở ra dài, vị ấy nhận biết: “Tôi thở ra dài”; hoặc trong khi thở vào dài, vị ấy nhận biết: “Tôi thở vào dài”, hoặc trong khi thở ra ngắn, vị ấy nhận biết: “Tôi thở ra ngắn”; hoặc trong khi thở vào ngắn, vị ấy nhận biết:

²⁷ Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: *Assāso ti bahi nikkhamanavāto. Passāso ti anto pavisaṇavāto* = Hơi thở ra là gió đi ra bên ngoài. Hơi thở vào là gió đi vào bên trong (*VinA. II. 408*). Như thế: *Assasati* là thở ra, *passasati* là thở vào. Nếu hiểu như vậy thì phương pháp *Ānāpānassati* hay “Niệm hơi thở” nên được trình bày và tu tập theo thứ tự hơi thở ra trước, rồi mới đến hơi thở vào.

“Tôi thở vào ngắn.”²⁸ “Nhận biết rõ toàn bộ hơi thở, tôi sẽ thở ra”²⁹, vị ấy thực tập; “nhận biết rõ toàn bộ hơi thở, tôi sẽ thở vào”, vị ấy thực tập. “Làm cho an tịnh các thành phần của hơi thở, tôi sẽ thở ra”, vị ấy thực tập; “làm cho an tịnh các thành phần của hơi thở, tôi sẽ thở vào”, vị ấy thực tập. “Nhận biết rõ hỷ, tôi sẽ thở ra”, vị ấy thực tập; “nhận biết rõ hỷ, tôi sẽ thở vào”, vị ấy thực tập. “Nhận biết rõ lạc, tôi sẽ thở ra”, vị ấy thực tập; “nhận biết rõ lạc, tôi sẽ thở vào”, vị ấy thực tập. “Nhận biết rõ các thành phần của tâm, tôi sẽ thở ra”, vị ấy thực tập; “nhận biết rõ các thành phần của tâm, tôi sẽ thở vào”, vị ấy thực tập. “Làm cho an tịnh các thành phần của tâm, tôi sẽ thở ra”, vị ấy thực tập; “làm cho an tịnh các thành phần của tâm, tôi sẽ thở vào”, vị ấy thực tập. “Nhận biết rõ tâm, tôi sẽ thở ra”, vị ấy thực tập; “nhận biết rõ tâm, tôi sẽ thở vào”, vị ấy thực tập. “Tâm được hân hoan, ...(nt)... “Tâm được định tĩnh, ...(nt)... “Tâm được giải thoát, ...(nt)... “Quán xét về vô thường, ...(nt)... “Quán xét về ly tham, ...(nt)... “Quán xét về đoạn diệt, ...(nt)... “Quán xét về dứt bỏ, tôi sẽ thở ra”, vị ấy thực tập; “quán xét về dứt bỏ, tôi sẽ thở vào”, vị ấy thực tập.

Này các Tỳ-khuru, định của niệm hơi thở ra, hơi thở vào này được tu tập như thế, được làm cho tăng trưởng như thế, được thanh tịnh, cao quý, thuần khiết, có lạc là sự an trú, làm biến mất ngay lập tức và làm tịnh lặng các pháp ác và bất thiện đã sanh hoặc chưa sanh khởi.

15. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khuru lại và đã hỏi các Tỳ-khuru rằng:

– Này các Tỳ-khuru, nghe nói các Tỳ-khuru [một số] tự mình đoạt lấy mạng sống của chính mình, [một số] đoạt lấy mạng sống lẫn nhau, [một số] đi đến gặp Sa-môn giả mạo Migalaṇḍika nói như vậy: “Này đạo hữu, tốt thay! Người hãy đoạt mạng sống của chúng tôi, y và bình bát này sẽ thuộc về người” có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khuru, thật không đúng đắn cho những Tỳ-khuru ấy, thật không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này các Tỳ-khuru, vì sao các Tỳ-khuru ấy lại tự mình đoạt lấy mạng sống của chính mình, lại đoạt lấy mạng sống lẫn nhau, lại đi đến gặp Sa-môn giả mạo Migalaṇḍika nói như vậy: “Này đạo hữu, tốt thay! Người hãy đoạt mạng sống của chúng tôi, y và bình bát này sẽ thuộc về người” vậy? Này các Tỳ-khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

²⁸ Trong bốn mệnh đề đầu, động từ được sử dụng là *pajānāti* (biết rõ) và có liên từ “vā” (hay là, hoặc là) xen vào giữa. Từ mệnh đề thứ năm trở đi, động từ là *sikkhati* (thực tập, thực hành, học tập).

²⁹ Theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa, *sabbakāya* nên được hiểu là phần đầu, phần giữa và phần cuối của toàn bộ hơi thở ra mỗi khi thở ra, hoặc toàn bộ hơi thở vào mỗi khi thở vào (*VinA. II. 411*)

“Vị Tỳ-khưu nào cố ý đoạt lấy mạng sống con người, hoặc tìm cách đem lại vũ khí cho người ấy; vị này cũng là vị phạm tội Pārājika, không được cộng trú.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

[Sự quy định căn bản]

1. Vào lúc bấy giờ, có người nam cư sĩ nọ bị bệnh. Vợ của người ấy thì đẹp dáng, đáng nhìn, khả ái. Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đem lòng say đắm người đàn bà ấy. Khi ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã bàn bạc rằng: “Này các Đại đức, nếu người nam cư sĩ ấy còn sống thì chúng ta sẽ không đạt được người đàn bà ấy. Này các Đại đức, vậy chúng ta hãy ca ngợi lợi ích của sự chết đến người nam cư sĩ ấy.”

2. Sau đó, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi đến gặp người nam cư sĩ ấy, sau khi đến đã nói với người nam cư sĩ ấy điều này: “Này cư sĩ, quả thật người có điều tốt đã làm, có điều thiện đã làm, sự sợ hãi lúc lâm chung đã được khắc phục, có điều ác không làm, điều tàn bạo không làm, điều tội lỗi không làm. Người đã làm điều tốt đẹp, người đã không làm điều ác, vậy thì còn gì cho người với mạng sống tội lỗi xấu xa này, sự chết đối với người còn tốt hơn sự sống vậy. Khi chết đi từ chỗ này, khi tan rã thân xác và chết đi, người sẽ được sanh về cảnh giới tốt đẹp là cõi trời, loài người. Ở đó, được cung phụng, được sở hữu năm loại dục lạc thiên đường, người sẽ mãn nguyện.”

3. Khi ấy, người nam cư sĩ ấy [nghĩ rằng]: “Các ngài Đại đức đã nói sự thật, bởi vì ta là người có điều tốt đã làm, có điều thiện đã làm, sự sợ hãi lúc lâm chung đã được khắc phục, có điều ác không làm, điều tàn bạo không làm, điều tội lỗi không làm. Ta đã làm điều tốt đẹp, ta đã không làm điều ác, vậy thì còn gì cho ta với mạng sống tội lỗi xấu xa này, sự chết đối với ta còn tốt hơn sự sống vậy. Từ chỗ này, khi tuổi thọ đã hết, khi tan rã thân xác và chết đi, ta sẽ được tái sanh về cảnh giới tốt đẹp là cõi trời, loài người. Ở đó, được cung phụng và được sở hữu năm loại dục lạc thiên đường, ta sẽ mãn nguyện.”

Và vị ấy đã ăn các thức ăn không hợp, đã nhai các vật nhai không hợp, đã nếm các thức nếm không hợp, đã uống các thức uống không hợp. Khi vị ấy đã ăn các thức ăn không hợp, đã nhai các vật nhai không hợp, đã nếm các thức nếm không hợp và đã uống các thức uống không hợp, bệnh nặng đã phát khởi. Chính vì cơn bệnh ấy, vị ấy đã từ trần.

4. Vợ của vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Các Sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn, giới hạnh xấu xa, nói láo. Chính các vị này làm ra vẻ là có sự thực hành pháp, có thực hành sự an tịnh, có Phạm hạnh, nói lời chân thật, có giới hạnh, có thiện pháp! Các vị này không có Sa-môn hạnh, các vị này không có Phạm hạnh! Sa-môn hạnh của các vị này đã bị hư hỏng, Phạm hạnh của các vị này đã bị hư hỏng! Sa-môn hạnh của các vị này đâu rồi? Phạm hạnh của các vị này đâu rồi? Sa-môn hạnh của các vị này đã không còn! Phạm hạnh

của các vị này đã không còn! Các vị này đã ca ngợi lợi ích của sự chết đến chồng của tôi. Chồng của tôi đã bị giết chết bởi các vị này.”

5. Những người khác cũng phản nản, phê phán, chê bai rằng: “Các Sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn, giới hạnh xấu xa, nói láo. Chính các vị này làm ra vẻ là có sự thực hành pháp, có thực hành sự an tịnh, có Phạm hạnh, nói lời chân thật, có giới hạnh, có thiện pháp! Các vị này không có Sa-môn hạnh, các vị này không có Phạm hạnh! Sa-môn hạnh của các vị này đã bị hư hỏng, Phạm hạnh của các vị này đã bị hư hỏng! Sa-môn hạnh của các vị này đâu rồi? Phạm hạnh của các vị này đâu rồi? Sa-môn hạnh của các vị này đã không còn! Phạm hạnh của các vị này đã không còn! Các vị này đã ca ngợi lợi ích của sự chết đến người nam cư sĩ. Người nam cư sĩ đã bị giết chết bởi các vị này.”

6. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phản nản, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại ca ngợi lợi ích của sự chết đến người nam cư sĩ?”

7. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư rằng:

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các người đã ca ngợi lợi ích của sự chết đến người nam cư sĩ, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này những kẻ rô đại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này những kẻ rô đại, vì sao các người lại ca ngợi lợi ích của sự chết đến người nam cư sĩ vậy? Này những kẻ rô đại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị Tỳ-khưu nào cố ý đoạt lấy mạng sống con người, hoặc tìm cách đem lại vũ khí cho người ấy, hoặc ca ngợi lợi ích của sự chết, hoặc xúi giục đưa đến sự chết: ‘Này người ơi, còn gì cho người với mạng sống tội lỗi xấu xa này, sự chết đối với người còn tốt hơn sự sống!’ Vị có tâm ý và có tâm tư như thế, rồi bằng nhiều phương thức ca ngợi lợi ích của sự chết, hoặc xúi giục đưa đến sự chết, vị này cũng là vị phạm tội Pārājika, không được cộng trú.”

[Sự quy định lần hai]

8. **Vị nào:** Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu ...(nt)... Vị này là “vị Tỳ-khưu” được đề cập trong ý nghĩa này.

Cố ý: Là sự vi phạm trong khi biết, trong khi có ý định, sau khi đã suy nghĩ, sau khi đã khẳng định.

Con người nghĩa là vật gì ở khoảng giữa thời gian từ lúc tâm đầu tiên được sanh lên, [tức là] thức đầu tiên hiện hữu trong bụng mẹ cho đến lúc chết; vật ấy gọi là con người.

Đoạt lấy mạng sống: Cắt đứt mạng quyền, làm hủy hoại, làm tổn hại sự tiếp nối.

Hoặc tìm cách đem lại vũ khí cho người ấy: Là thanh gươm, là cây giáo, là mũi tên, là cọc nhọn, là dùi cui, là tảng đá, là cây kiếm, là thuốc độc, hoặc là dây thừng.

Hoặc ca ngợi lợi ích của sự chết: Làm cho thấy được sự nguy hiểm trong sự sống và nói khen ngợi về sự chết.

Hoặc xúi giục đưa đến sự chết: [Nói rằng:] “Hãy mang lại cây kiếm, hoặc hãy nhai thuốc độc, hoặc hãy dùng dây thừng treo lên rồi chết đi.”

Này người ơi: Đây là lời nói xưng hô “này người ơi!”

Còn gì cho người với mạng sống tội lỗi, xấu xa này: Cuộc sống nghĩa là tội lỗi. So với cuộc sống của những người giàu, cuộc sống của những người nghèo là tội lỗi. So với cuộc sống của những người có tài sản, cuộc sống của những người không có tài sản là tội lỗi. So với cuộc sống của chư thiên, cuộc sống của loài người là tội lỗi. **Mạng sống xấu xa** nghĩa là đối với người bị cụt tay, đối với người bị cụt chân, đối với người bị cụt tay và chân, đối với người bị đứt tai, đối với người bị đứt mũi, đối với người bị đứt tai và mũi [nói rằng]: “Còn gì với sự tội lỗi này, với mạng sống xấu xa này, sự chết đối với người còn tốt hơn sự sống!”

Có tâm ý như thế: Ý nào tâm này, tâm nào ý này.

Có tâm tư: Có sự suy tưởng về sự chết, có sự suy tư về sự chết, có sự suy nghĩ về sự chết

Bằng nhiều phương thức: Bằng nhiều cách khác nhau.

Ca ngợi lợi ích của sự chết: Làm cho thấy được sự bất hạnh trong mạng sống và nói lời khen ngợi về sự chết: “Khi chết đi từ chỗ này, khi tan rã thân xác, người sẽ được tái sanh về cảnh giới tốt đẹp là cõi trời, loài người. Ở đó, được cung phụng và được sở hữu năm loại dục lạc thiên đường, người sẽ mãn nguyện.”

Hoặc xúi giục đưa đến sự chết: [Nói rằng:] “Hãy mang lại cây kiếm, hoặc hãy nhai thuốc độc, hoặc hãy dùng dây thừng treo lên rồi chết đi, hoặc nhảy vào khe nứt, vào hố sâu, hoặc xuống vực thẳm.”

Vị này cũng: Được đề cập liên quan đến các vị trước đây.

Là vị phạm tội Pārājika: Cũng giống như tảng đá lớn bị bể làm hai, không thể gắn liền lại được; tương tự như thế, vị Tỳ-khưu có ý đoạt lấy mạng sống con người thì không phải là Sa-môn, không phải là Thích tử; vì thế được gọi là “vị phạm tội Pārājika.”

Không được cộng trú: Cộng trú nghĩa là có chung hành sự, có chung việc đọc tụng Giới bốn (*Pātimokkha*), có sự học tập giống nhau, điều ấy gọi là cộng trú. Vị ấy không có được điều ấy, vì thế được gọi là “không được cộng trú.”

[Tiêu đề hướng dẫn]

1. Tự mình, bằng cách khẳng định, bằng người đưa tin, bằng người đưa tin theo lối dây chuyền, bằng người đưa tin không theo lối dây chuyền, bằng người đưa tin đã đi rồi quay trở lại, hiện diện nghĩ là không hiện diện, không hiện diện nghĩ là hiện diện, hiện diện nghĩ là hiện diện, không hiện diện nghĩ là không hiện diện, ca ngợi bằng thân, ca ngợi bằng lời nói, ca ngợi bằng thân và bằng lời nói, ca ngợi bằng người đưa tin, ca ngợi bằng chữ khắc, cái hồ đào, sự trợ giúp, việc để bên cạnh, được phẩm, sự đem lại cảnh sắc, sự đem lại cảnh thanh, sự đem lại cảnh khí, sự đem lại cảnh vị, sự đem lại cảnh xúc, sự đem lại cảnh pháp, sự chỉ bảo, sự dạy dỗ, hành động theo sự quy định, hành động theo dấu hiệu.

2. **Tự mình:** Vị đích thân giết bằng [cách sử dụng] thân thể [tay, chân, nắm đấm, đầu gối, v.v...], hoặc bằng vật dính liền với thân thể [gươm, dao, v.v...], hoặc bằng vật được phóng ra [ví dụ mũi tên].

3. **Bằng cách khẳng định:** Sau khi khẳng định rồi ra lệnh rằng: “Người hãy đâm như vậy, hãy đánh như vậy, hãy giết như vậy.”

4. Vị Tỳ-khưu chỉ thị vị Tỳ-khưu rằng: “Hãy đoạt lấy mạng sống người tên như vậy” thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị kia nhận biết người ấy, rồi đoạt lấy mạng sống của người ấy thì cả hai phạm tội *Pārājika*.

5. Vị Tỳ-khưu chỉ thị vị Tỳ-khưu rằng: “Hãy đoạt lấy mạng sống người tên như vậy” thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị kia nhận biết người ấy, rồi đoạt lấy mạng sống của người khác thì vị khởi xướng vô tội, còn vị giết người phạm tội *Pārājika*.

6. Vị Tỳ-khưu chỉ thị vị Tỳ-khưu rằng: “Hãy đoạt lấy mạng sống người tên như vậy” thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị kia nhận biết người khác, rồi đoạt lấy mạng sống của người ấy thì cả hai phạm tội *Pārājika*.

7. Vị Tỳ-khưu chỉ thị vị Tỳ-khưu rằng: “Hãy đoạt lấy mạng sống người tên như vậy” thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị kia nhận biết người khác rồi đoạt lấy mạng sống của người khác thì vị khởi xướng vô tội, còn vị giết người phạm tội *Pārājika*.

8. Vị Tỳ-khưu [A]³⁰ chỉ thị vị Tỳ-khưu [B] rằng: “Hãy bảo vị tên [C] rằng: Vị tên [C] hãy nói với vị tên [D] rằng: ‘Vị tên [D] hãy đoạt lấy mạng sống người tên như vậy’” thì vị ấy [A] phạm tội *Dukkaṭa*. Vị [nào] nói cho vị khác thì vị [nói] ấy phạm tội *Dukkaṭa*. Vị giết người [D] đồng ý thì vị khởi xướng

³⁰ A, B, C, D được thêm vào cho dễ hiểu dựa theo *Chú giải* (VinA. II. 448-50).

[A] phạm tội *Thullaccaya*; vị ấy [D] đoạt lấy mạng sống của người ấy thì tất cả đều phạm tội *Pārājika*.

9. Vị Tỳ-khuru [A] chỉ thị vị Tỳ-khuru [B] rằng: “Hãy bảo vị tên [C] rằng: Vị tên [C] hãy nói với vị tên [D] rằng: ‘Vị tên [D] hãy đoạt lấy mạng sống người tên như vậy’” thì vị ấy [A] phạm tội *Dukkaṭa*. Vị ấy [B] chỉ thị vị khác [D] thì vị ấy [B] phạm tội *Dukkaṭa*. Vị giết người [D] đồng ý thì vị ấy [D] phạm tội *Dukkaṭa*; vị ấy [D] đoạt lấy mạng sống của người ấy thì vị khởi xướng [A] vô tội, vị truyền chỉ thị [B] và vị giết người [D] phạm tội *Pārājika*.

10. Vị Tỳ-khuru chỉ thị vị Tỳ-khuru rằng: “Hãy đoạt lấy mạng sống người tên như vậy” thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị kia đi rồi quay trở lại [nói rằng]: “Tôi không thể đoạt lấy mạng sống người ấy.” Vị ấy lại chỉ thị thêm: “Khi nào người có thể thì khi ấy, người hãy đoạt lấy mạng sống người ấy” thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị kia đoạt lấy mạng sống người ấy thì cả hai phạm tội *Pārājika*.

11. Vị Tỳ-khuru chỉ thị vị Tỳ-khuru rằng: “Hãy đoạt lấy mạng sống người tên như vậy” thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sau khi chỉ thị, vị ấy có sự hối hận nhưng không nói rõ cho vị kia nghe rằng: “Chớ có giết.” Vị kia đoạt lấy mạng sống người ấy thì cả hai phạm tội *Pārājika*.

12. Vị Tỳ-khuru chỉ thị vị Tỳ-khuru rằng: “Hãy đoạt lấy mạng sống người tên như vậy” thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sau khi chỉ thị, vị ấy có sự hối hận rồi nói rõ cho vị kia nghe rằng: “Chớ có giết.” Vị kia [đáp lại rằng]: “Tôi đã được ngài chỉ thị” rồi đoạt lấy mạng sống người ấy thì vị khởi xướng vô tội, còn vị giết người phạm tội *Pārājika*.

13. Vị Tỳ-khuru chỉ thị vị Tỳ-khuru rằng: “Hãy đoạt lấy mạng sống người tên như vậy” thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sau khi chỉ thị, vị ấy có sự hối hận rồi nói rõ cho vị kia nghe rằng: “Chớ có giết.” Vị kia [đáp lại rằng]: “Tốt thôi”, rồi ngưng lại thì cả hai vô tội.

14. **Hiện diện, nghĩ là không hiện diện** rồi xác định rằng: “Người tên như vậy nên bị giết” thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không hiện diện, nghĩ là hiện diện rồi xác định rằng: “Người tên như vậy nên bị giết” thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hiện diện, nghĩ là hiện diện rồi xác định rằng: “Người tên như vậy nên bị giết” thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không hiện diện, nghĩ là không hiện diện rồi xác định rằng: “Người tên như vậy nên bị giết” thì phạm tội *Dukkaṭa*.

15. **Ca ngợi bằng thân** nghĩa là làm cử chỉ bằng thân rằng: “Người nào chết như vậy, người ấy đạt được tài sản, hoặc đạt được danh vọng, hoặc sanh về cõi trời” thì phạm tội *Dukkaṭa*. [Vị kia nghĩ rằng]: “Ta sẽ chết theo cách khen ngợi ấy”, rồi gây nên cảm thọ khổ thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*.

16. **Ca ngợi bằng lời nói** nghĩa là nói ra bằng lời nói rằng: “Người nào chết như vậy, người ấy đạt được tài sản, hoặc đạt được danh vọng, hoặc sanh về cõi

trời” thì phạm tội *Dukkata*. [Vị kia nghĩ rằng]: “Ta sẽ chết theo cách khen ngợi ấy”, rồi gây nên cảm thọ khổ thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*.

17. Ca ngợi bằng thân và bằng lời nói nghĩa là làm cử chỉ bằng thân và nói ra bằng lời nói rằng: “Người nào chết như vậy, người ấy đạt được tài sản, hoặc đạt được danh vọng, hoặc sanh về cõi trời” thì phạm tội *Dukkata*. [Vị kia nghĩ rằng]: “Ta sẽ chết theo cách khen ngợi ấy”, rồi gây nên cảm thọ khổ thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*.

18. Ca ngợi bằng người đưa tin nghĩa là nói ra lời chỉ dẫn cho người đưa tin: “Người nào chết như vậy, người ấy đạt được tài sản, hoặc đạt được danh vọng, hoặc sanh về cõi trời” thì phạm tội *Dukkata*. Sau khi nghe lời chỉ dẫn của người đưa tin, [vị kia nghĩ rằng]: “Ta sẽ chết theo cách khen ngợi ấy”, rồi gây nên cảm thọ khổ thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*.

19. Ca ngợi bằng chữ khắc nghĩa là khắc chữ: “Người nào chết như vậy, người ấy đạt được tài sản, hoặc đạt được danh vọng, hoặc sanh về cõi trời” thì phạm tội *Dukkata* với mỗi mẫu tự. [Vị kia] sau khi nhìn thấy chữ khắc [nghĩ rằng]: “Ta sẽ chết”, rồi gây nên cảm thọ khổ thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*.

20. Cái hố đào nghĩa là đào cái hố dành cho người [nghĩ rằng]: “Sau khi rơi xuống sẽ chết” thì phạm tội *Dukkata*. Khi đã bị rơi xuống, cảm thọ khổ sanh khởi [cho vị kia] thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*. Đào cái hố không có chỉ định [nghĩ rằng]: “Bất cứ ai rơi xuống sẽ chết” thì phạm tội *Dukkata*. [Nếu] con người rơi vào đó thì phạm tội *Dukkata*. Khi đã bị rơi xuống, cảm thọ khổ sanh khởi [cho vị kia] thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*. [Nếu] dạ-xoa, ngựa quý, hoặc thú có dạng người rơi vào đó thì phạm tội *Dukkata*. Khi đã bị rơi xuống, cảm thọ khổ sanh khởi [cho kẻ ấy] thì phạm tội *Dukkata*; [kẻ ấy] chết đi thì phạm tội *Thullaccaya*. [Nếu] con thú rơi vào đó thì phạm tội *Dukkata*. Khi đã bị rơi xuống, cảm thọ khổ sanh khởi [cho con thú] thì phạm tội *Dukkata*; [con thú] chết đi thì phạm tội *Pācittiya*.

21. Sự trợ giúp nghĩa là trong sự trợ giúp vị đặt vũ khí, hoặc thoa thuốc độc, hoặc làm cho yếu đi, hoặc đem để ở chỗ khe nứt hay ở hố sâu, hoặc nơi vực thẳm [nghĩ rằng]: “Với việc này, sau khi rơi xuống sẽ chết” thì phạm tội *Dukkata*. Do vũ khí, hoặc do thuốc độc, hoặc do bị rơi xuống khiến cảm thọ khổ sanh khởi [cho vị kia] thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*.

22. Việc để bên cạnh nghĩa là đem lại gần bên hoặc là thanh gươm, hay là cây giáo, hoặc là mũi tên, hay là cọc nhọn, hoặc là dùi cui, hay là tảng đá, hoặc là cây kiếm, hay là thuốc độc, hoặc là dây thừng [nghĩ rằng]: “[Người ấy] sẽ

chết bằng vật này” thì phạm tội *Dukkaṭa*. [Vị kia nghĩ rằng]: “Ta sẽ chết bằng vật ấy”, rồi gây nên cảm thọ khổ thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*.

23. Được phẩm nghĩa là cho bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật, hoặc đường mía [nghĩ rằng]: “Sau khi nếm vật này sẽ bị chết” thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi đang nếm vật ấy, cảm thọ khổ sanh khởi [cho vị kia] thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*.

24. Sự đem lại cảnh sắc nghĩa là đem lại cảnh sắc trái ý, dễ sợ, khủng khiếp [nghĩ rằng]: “Sau khi nhìn thấy cảnh sắc này, [người ấy] sẽ bị hoảng hốt và sẽ chết đi” thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sau khi nhìn thấy cảnh sắc ấy, [vị kia] bị hoảng hốt thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*. [Vị] đem lại cảnh sắc hợp ý, dễ thương, đáng yêu [nghĩ rằng]: “Sau khi nhìn thấy cảnh sắc này, [người ấy] sẽ bị thất vọng vì không đạt được và sẽ chết đi” thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sau khi nhìn thấy cảnh sắc ấy, [vị kia] bị thất vọng vì không đạt được thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*.

25. Sự đem lại cảnh thanh nghĩa là đem lại cảnh thanh trái ý, dễ sợ, khủng khiếp [nghĩ rằng]: “Sau khi nghe được âm thanh này, [người ấy] sẽ bị hoảng hốt và sẽ chết đi” thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sau khi nghe được âm thanh ấy, [vị kia] bị hoảng hốt thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*. [Vị] đem lại cảnh thanh hợp ý, dễ thương, đáng yêu [nghĩ rằng]: “Sau khi nghe được âm thanh này, [người ấy] sẽ bị thất vọng vì không đạt được và sẽ chết đi” thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sau khi nghe được âm thanh ấy, [vị kia] bị thất vọng vì không đạt được thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*.

26. Sự đem lại cảnh khí nghĩa là đem lại cảnh khí trái ý, ghê tởm, khó chịu [nghĩ rằng]: “Sau khi ngửi mùi này, do sự ghê tởm và do sự chán ghét, [người ấy] sẽ chết đi” thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sau khi ngửi mùi ấy, do sự ghê tởm và do sự chán ghét, [vị kia] có cảm thọ khổ sanh khởi thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*. [Vị] đem lại cảnh khí hợp [nghĩ rằng]: “Sau khi ngửi mùi này, [người ấy] sẽ bị thất vọng vì không đạt được và sẽ chết đi” thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sau khi ngửi mùi ấy, [vị kia] bị thất vọng vì không đạt được thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*.

27. Sự đem lại cảnh vị nghĩa là đem lại cảnh vị trái ý, ghê tởm, khó chịu [nghĩ rằng]: “Sau khi nếm vị này, do sự ghê tởm và do sự chán ghét, [người ấy] sẽ chết đi” thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sau khi nếm vị ấy, do sự ghê tởm và do sự chán ghét, [vị kia] có cảm thọ khổ sanh khởi thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*. [Vị] đem lại cảnh vị hợp ý [nghĩ rằng]: “Sau khi nếm vị này, [người ấy] sẽ bị thất vọng vì không đạt được và sẽ chết đi” thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sau khi nếm vị ấy, [vị kia] bị thất vọng vì không đạt được thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*.

28. Sự đem lại cảnh xúc nghĩa là đem lại cảnh xúc trái ý, gây đau đớn, thô cứng [nghĩ rằng]: “Đụng chạm vào vật này, [người ấy] sẽ chết đi” thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi [vị kia] đụng chạm vật ấy, cảm thọ khô sanh khởi thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*. [Vị] đem lại cảnh xúc hợp ý, gây khoái lạc, mềm mại [nghĩ rằng]: “Đụng chạm vào vật này, [người ấy] sẽ bị thất vọng vì không đạt được và sẽ chết đi” thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi đụng chạm vật ấy, [vị kia] bị thất vọng vì không đạt được thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*.

29. Sự đem lại cảnh pháp nghĩa là thuyết bài giảng về địa ngục của người đi địa ngục [nghĩ rằng]: “Sau khi nghe điều này, [người ấy] sẽ bị hoảng hốt và sẽ chết đi” thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sau khi nghe được điều ấy, [vị kia] bị hoảng hốt thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*. [Vị] thuyết bài giảng về cõi trời của nghiệp lành [nghĩ rằng]: “Sau khi nghe điều này, [người ấy] sẽ bị tác động rồi chết đi” thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sau khi nghe được điều ấy, [vị kia] bị tác động [nghĩ rằng]: “Ta sẽ chết”, rồi gây nên cảm thọ khổ thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*.

30. Sự chỉ bảo nghĩa là khi được hỏi, vị nói rằng: “Nên chết như vậy, người nào chết như vậy, người ấy đạt được tài sản, hoặc đạt được danh vọng, hoặc sanh về cõi trời” thì phạm tội *Dukkaṭa*. [Vị kia nghĩ rằng]: “Ta sẽ chết theo cách chỉ bảo ấy”, rồi gây nên cảm thọ khổ thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*.

31. Sự dạy dỗ nghĩa là khi không được hỏi, vị nói rằng: “Nên chết như vậy, người nào chết như vậy, người ấy đạt được tài sản, hoặc đạt được danh vọng, hoặc sanh về cõi trời” thì phạm tội *Dukkaṭa*. [Vị kia nghĩ rằng]: “Ta sẽ chết theo cách dạy dỗ ấy”, rồi gây nên cảm thọ khổ thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*.

32. Hành động theo sự quy định nghĩa là lập nên sự quy định rằng: “Hãy đoạt lấy mạng sống người ấy vào giờ hẹn ấy, hoặc là trước bữa ăn, hoặc là sau bữa ăn, hoặc là ban đêm, hoặc là ban ngày” thì phạm tội *Dukkaṭa*; [nếu vị kia] đoạt lấy mạng sống người ấy vào giờ hẹn ấy thì cả hai phạm tội *Pārājika*; [nếu vị kia] đoạt lấy mạng sống người ấy trước hay sau giờ hẹn ấy thì vị khởi xướng vô tội, còn vị giết người phạm tội *Pārājika*.

33. Hành động theo dấu hiệu nghĩa là lập nên dấu hiệu rằng: “Tôi sẽ nháy mắt, hoặc là tôi sẽ nhúng mày, hoặc là tôi sẽ ngẩng đầu lên, người hãy đoạt lấy mạng sống người ấy theo dấu hiệu ấy” thì phạm tội *Dukkaṭa*; [nếu vị kia] đoạt lấy mạng sống người ấy theo dấu hiệu ấy thì cả hai phạm tội *Pārājika*; [nếu vị kia] đoạt lấy mạng sống người ấy trước hay sau dấu hiệu ấy thì vị khởi xướng vô tội, còn vị giết người phạm tội *Pārājika*.

34. Vị không cố ý, vị không biết, vị không có ý muốn gây tử vong, vị bị điên, vị có tâm bị rối loạn, vị bị thọ khổ hành hạ, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt tụng phẩm thứ nhất về tội *Pārājika* vì giết người.

--oo0oo--

CHUYỆN DẪN GIẢI KỆ NGÔN TÓM LƯỢC

Việc ca ngợi, vị đang ngồi xuống, cái chày và cối giã, chuyện các vị già xuất gia, mắc nghẹn thịt, thuốc độc.

Ba chuyện làm nền đất, ba chuyện khác về gạch, lưới riu và luôn cả khung gỗ, giàn giáo, leo xuống, vị bị té.

Hơ nóng, mũi, xoa bóp, việc tắm, thoa dầu, trong khi nâng dậy và xô ngã, chết bởi vì cơm, nước.

Có thai với nhân tình, người có hai vợ, giết chết hai mẹ con, cả hai không bị chết, chà xát, đốt nóng, không sanh, còn sanh sản.

Thọt léc, sự trả thù, dạ-xoa, quỷ dữ tợn, vị phái người đi, tưởng vị ấy rồi giết, giảng về cõi trời và địa ngục.

Ba chuyện về cây cối ở Āḷavi, ba chuyện khác về lửa, chớ làm cho khô sớ, không theo cách của ngài, [cho uống] sữa còn bơ và giấm mặn.

1. Vào lúc bảy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu vì lòng trắc ẩn đã ca ngợi lợi ích của sự chết đến vị ấy. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: “Phải chăng chúng ta đã phạm tội *Pārājika*?” Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Nay các Tỳ-khưu, các người đã phạm tội *Pārājika*. (1)

2. Vào lúc bảy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đi khát thực, trong lúc ngồi xuống đã đề lên đứa bé trai được phủ bởi tấm màn ở trên chiếc ghế và gây ra tử vong. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khưu, người không phạm tội *Pārājika*. Và này các Tỳ-khưu, khi chưa xem xét, không nên ngồi xuống ở chỗ ngồi; vị nào ngồi xuống thì phạm tội *Dukkaṭa*. (2)

3. Vào lúc bảy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, trong lúc sắp đặt chỗ ngồi ở nhà ăn nơi xóm nhà, khi cái chày được đưa lên thì đã cầm lấy một cái chày. Cái chày thứ hai đã rơi xuống và chạm mạnh vào đỉnh đầu của đứa bé trai nọ. Đứa bé đã chết đi. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khưu, [khi ấy] người có tâm gì?

- Bạch Thế Tôn, con không cố ý.
- Nay Tỳ-khuru, không cố ý thì vô tội. (3)

4. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ, trong khi sắp đặt chỗ ngồi ở nhà ăn nơi xóm nhà đã bước lên vật dụng là cối giã khiến [chúng] quay tròn, rồi chạm mạnh vào đầu bé trai nọ và gây ra tử vong. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

- Nay Tỳ-khuru, không cố ý thì vô tội. (4)

5. Vào lúc bấy giờ, có hai cha con cùng xuất gia ở nơi các Tỳ-khuru. Khi thời giờ được thông báo, đưa con trai đã nói với người cha điều này: “Thưa cha, hãy đi. Hội chúng chờ đợi cha”, rồi đã nắm lấy ở lưng và đẩy tới. Người cha đã té xuống và chết đi. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

- Nay Tỳ-khuru, [khi ấy] người có tâm gì?
- Bạch Thế Tôn, con không có ý muốn gây tử vong.
- Nay Tỳ-khuru, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (5)

6. Vào lúc bấy giờ, có hai cha con cùng xuất gia ở nơi các Tỳ-khuru. Khi thời giờ được thông báo, đưa con trai đã nói với người cha điều này: “Thưa cha, hãy đi. Hội chúng chờ đợi cha”, rồi đã nắm lấy ở lưng và đẩy tới có ý muốn gây tử vong. Người cha đã té xuống và chết đi. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

- Nay Tỳ-khuru, người đã phạm tội *Pārājika*. (6)

7. Vào lúc bấy giờ, có hai cha con cùng xuất gia ở nơi các Tỳ-khuru. Khi thời giờ được thông báo, đưa con trai đã nói với người cha điều này: “Thưa cha, hãy đi. Hội chúng chờ đợi cha”, rồi đã nắm lấy ở lưng và đẩy tới có ý muốn gây tử vong. Người cha đã té xuống và không bị chết. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

- Nay Tỳ-khuru, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (7)

8. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ, trong lúc đang ăn đã bị mắc nghẹn miếng thịt ở cổ họng. Có vị Tỳ-khuru khác đã vỗ vào cổ của vị Tỳ-khuru ấy. Cục thịt đã rơi ra có dính máu. Vị Tỳ-khuru ấy đã chết đi. Vị kia đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

- Nay Tỳ-khuru, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (8)

9. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ, trong lúc đang ăn đã bị mắc nghẹn miếng thịt ở cổ họng. Có vị Tỳ-khuru khác có ý muốn gây tử vong đã vỗ vào cổ của vị Tỳ-khuru ấy. Cục thịt đã rơi ra có dính máu. Vị Tỳ-khuru ấy đã chết đi. Vị kia đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

- Nay Tỳ-khuru, người đã phạm tội *Pārājika*. (9)

10. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ, trong lúc đang ăn đã bị mắc nghẹn miếng thịt ở cổ họng. Có vị Tỳ-khuru khác có ý muốn gây tử vong đã vỗ vào cổ của vị Tỳ-khuru ấy. Cục thịt đã rơi ra có dính máu. Vị Tỳ-khuru ấy đã không bị chết. Vị kia đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

- Nay Tỳ-khuru, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (10)

11. Vào lúc bảy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ đi khát thực, sau khi nhận được vật thực có thuốc độc đã mang trở về và dâng các Tỳ-khuru ném thử trước. Các Tỳ-khuru ấy đã chết đi. Vị kia đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

- Nay Tỳ-khuru, [khi ấy] người có tâm gì?
- Bạch Thế Tôn, con không biết [có độc].
- Nay Tỳ-khuru, vị không biết thì vô tội. (11)

12. Vào lúc bảy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ có ý muốn thử nghiệm đã trao thuốc độc cho vị Tỳ-khuru khác. Vị Tỳ-khuru ấy đã chết đi. Vị kia đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

- Nay Tỳ-khuru, [khi ấy] người có tâm gì?
- Bạch Thế Tôn, con có ý muốn thử nghiệm.
- Nay Tỳ-khuru, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (12)

13. Vào lúc bảy giờ, các Tỳ-khuru ở thành Āḷavi thực hiện nền đất của trú xá. Có vị Tỳ-khuru nọ ở bên dưới đã đưa đá lên. Viên đá được vị Tỳ-khuru ở phía trên nắm lấy vung về đã chạm mạnh vào đỉnh đầu của vị Tỳ-khuru ở bên dưới. Vị Tỳ-khuru ấy đã chết đi. Vị kia đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

- Nay Tỳ-khuru, không cố ý thì vô tội. (13)

14. Vào lúc bảy giờ, các Tỳ-khuru ở thành Āḷavi thực hiện nền đất của trú xá. Có vị Tỳ-khuru nọ ở bên dưới đã đưa đá lên. Vị Tỳ-khuru ở phía trên có ý muốn gây tử vong nên đã thả viên đá ở đỉnh đầu của vị Tỳ-khuru ở bên dưới. Vị Tỳ-khuru ấy đã chết đi. Vị kia đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

- Nay Tỳ-khuru, người đã phạm tội *Pārājika*. (14)

15. Vào lúc bảy giờ, ...(nt)... Vị Tỳ-khuru ấy đã không bị chết. Vị kia đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

- Nay Tỳ-khuru, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (15)

16. Vào lúc bảy giờ, các Tỳ-khuru ở thành Āḷavi xây dựng bức tường của trú xá. Có vị Tỳ-khuru nọ ở bên dưới đã đưa gạch lên. Viên gạch được vị Tỳ-khuru ở phía trên nắm lấy vung về đã chạm mạnh vào đỉnh đầu của vị Tỳ-khuru ở bên dưới. Vị Tỳ-khuru ấy đã chết đi. Vị kia đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

- Nay Tỳ-khuru, không cố ý thì vô tội. (16)

17. Vào lúc bảy giờ, các Tỳ-khuru ở thành Āḷavi xây dựng bức tường của trú xá. Có vị Tỳ-khuru nọ ở bên dưới đã đưa gạch lên. Vị Tỳ-khuru ở phía trên có ý muốn gây tử vong nên đã thả viên gạch ở đỉnh đầu của vị Tỳ-khuru ở bên dưới. Vị Tỳ-khuru ấy đã chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bảy giờ, ...(nt)...] Vị Tỳ-khuru ấy đã không bị chết. Vị kia đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

- Nay Tỳ-khuru, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (17-18)

18. Vào lúc bảy giờ, các Tỳ-khuru ở thành Āḷavi xây dựng công trình mới. Có vị Tỳ-khuru nọ ở bên dưới đã đưa lưới riu lên. Lưới riu được vị Tỳ-khuru ở

phía trên nắm lấy vụng về đã chạm mạnh vào đỉnh đầu của vị Tỳ-khưu ở bên dưới. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Vị kia đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khưu, không cố ý thì vô tội. (19)

19. Vào lúc bảy giờ, các Tỳ-khưu ở thành Āḷavi xây dựng công trình mới. Có vị Tỳ-khưu nọ ở bên dưới đã đưa lưỡi rìu lên. Vị Tỳ-khưu ở phía trên có ý muốn gây tử vong nên đã thả lưỡi rìu ở đỉnh đầu của vị Tỳ-khưu ở bên dưới. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bảy giờ, ...(nt)...] Vị Tỳ-khưu ấy đã không bị chết. Vị kia đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (20-21)

20. Vào lúc bảy giờ, các Tỳ-khưu ở thành Āḷavi xây dựng công trình mới. Có vị Tỳ-khưu nọ ở bên dưới đã đưa khung gỗ lên. Vị Tỳ-khưu ở phía trên nắm lấy vụng về khiến khung gỗ chạm mạnh vào đỉnh đầu của vị Tỳ-khưu ở bên dưới. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Vị kia đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khưu, không cố ý thì vô tội. (22)

21. Vào lúc bảy giờ, các Tỳ-khưu ở thành Āḷavi xây dựng công trình mới. Có vị Tỳ-khưu nọ ở bên dưới đã đưa khung gỗ lên. Vị Tỳ-khưu ở phía trên có ý muốn gây tử vong nên đã thả khung gỗ ở đỉnh đầu của vị Tỳ-khưu ở bên dưới. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bảy giờ, ...(nt)...] Vị Tỳ-khưu ấy đã không bị chết. Vị kia đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (23-24)

22. Vào lúc bảy giờ, các Tỳ-khưu ở thành Āḷavi, trong khi xây dựng công trình mới, buộc lại cái giàn giáo. Có vị Tỳ-khưu nọ đã nói với vị Tỳ-khưu khác điều này:

– Nay Đại đức, hãy đứng ở chỗ này rồi buộc lại.

Vị ấy đã đứng ở chỗ ấy, trong khi buộc lại đã bị té xuống và chết đi. Vị kia đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khưu, [khi ấy] người có tâm gì?

– Bạch Thế Tôn, con không có ý muốn gây tử vong.

– Nay Tỳ-khưu, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (25)

23. Vào lúc bảy giờ, các Tỳ-khưu ở thành Āḷavi, trong khi xây dựng công trình mới, buộc lại cái giàn giáo. Có vị Tỳ-khưu nọ có ý muốn gây tử vong đã nói với vị Tỳ-khưu khác điều này:

– Nay Đại đức, hãy đứng ở chỗ này rồi buộc lại.

Vị ấy đã đứng ở chỗ ấy, trong khi buộc lại đã bị té xuống và chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bảy giờ, ...(nt)...đứng ở chỗ ấy] đã bị té xuống và không bị chết. Vị kia đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (26-27)

24. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ lợp xong trú xá và leo xuống. Có vị Tỳ-khưu khác đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này Đại đức, hãy leo xuống từ chỗ này.

Vị ấy trong khi leo xuống bằng chỗ ấy đã bị té xuống và chết đi. Vị kia đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (28)

25. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ lợp xong trú xá và leo xuống. Có vị Tỳ-khưu khác có ý muốn gây tử vong đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này Đại đức, hãy leo xuống từ chỗ này.

Vị ấy trong khi leo xuống bằng chỗ ấy đã bị té xuống và chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)...] đã bị té xuống và không bị chết. Vị kia đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (29-30)

26. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bức bội bởi sự không thỏa thích nên đã leo lên đỉnh Gijjhakūṭa, trong khi lao xuống vách núi đã chạm người đàn gỏi nọ và đã gây ra tử vong. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika*. Và này các Tỳ-khưu, không nên lao mình xuống; vị nào lao xuống thì phạm tội *Dukkaṭa*. (31)

27. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư, sau khi leo lên Gijjhakūṭa đã ném đá để đùa giỡn. Viên đá đã chạm vào người chăn bò nọ và gây ra tử vong. Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika*. Và này các Tỳ-khưu, không nên ném đá để đùa giỡn; vị nào ném thì phạm tội *Dukkaṭa*. (32)

28. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu đã hơ nóng vị ấy. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (33)

29. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu có ý muốn gây tử vong đã hơ nóng vị ấy. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)...] Vị Tỳ-khưu ấy đã không bị chết. Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (34-35)

30. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh nóng đầu. Các Tỳ-khưu đã cho vị ấy thuốc ở mũi. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (36)

31. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh nóng đầu. Các Tỳ-khưu có ý muốn gây tử vong đã cho vị ấy thuốc ở mũi. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. ...(nt)...

[đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bảy giờ, ...(nt)...] Vị Tỳ-khưu ấy đã không bị chết. Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay các Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (37-38)

32. Vào lúc bảy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu đã xoa bóp vị ấy. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay các Tỳ-khưu, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (39)

33. Vào lúc bảy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu có ý muốn gây tử vong đã xoa bóp vị ấy. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bảy giờ, ...(nt)...] Vị Tỳ-khưu ấy đã không bị chết. Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay các Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (40-41)

34. Vào lúc bảy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu đã tắm cho vị ấy. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay các Tỳ-khưu, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (42)

35. Vào lúc bảy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu có ý muốn gây tử vong đã tắm cho vị ấy. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bảy giờ, ...(nt)...] Vị Tỳ-khưu ấy đã không bị chết. Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay các Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (43-44)

36. Vào lúc bảy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu đã thoa dầu cho vị ấy. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay các Tỳ-khưu, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (45)

37. Vào lúc bảy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu có ý muốn gây tử vong đã thoa dầu cho vị ấy. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bảy giờ, ...(nt)...] Vị Tỳ-khưu ấy đã không bị chết. Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay các Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (46-47)

38. Vào lúc bảy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu đã đỡ vị ấy đứng dậy. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay các Tỳ-khưu, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (48)

39. Vào lúc bảy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu có ý muốn gây tử vong đã đỡ vị ấy đứng dậy. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bảy giờ, ...(nt)...] Vị Tỳ-khưu ấy đã không bị chết. Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay các Tỳ-khuru, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (49-50)

40. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ bị bệnh. Các Tỳ-khuru đã làm vị ấy ngã xuống. Vị Tỳ-khuru ấy đã chết đi. Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay các Tỳ-khuru, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (51)

41. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ bị bệnh. Các Tỳ-khuru có ý muốn gây tử vong đã làm vị ấy ngã xuống. Vị Tỳ-khuru ấy đã chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)...] Vị Tỳ-khuru ấy đã không bị chết. Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay các Tỳ-khuru, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (52-53)

42. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ bị bệnh. Các Tỳ-khuru đã cho vị ấy thức ăn. Vị Tỳ-khuru ấy đã chết đi. Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay các Tỳ-khuru, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (54)

43. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ bị bệnh. Các Tỳ-khuru có ý muốn gây tử vong đã cho vị ấy thức ăn. Vị Tỳ-khuru ấy đã chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)...] Vị Tỳ-khuru ấy đã không bị chết. Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay các Tỳ-khuru, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (55-56)

44. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ bị bệnh. Các Tỳ-khuru đã cho vị ấy thức uống. Vị Tỳ-khuru ấy đã chết đi. Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay các Tỳ-khuru, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (57)

45. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ bị bệnh. Các Tỳ-khuru có ý muốn gây tử vong đã cho vị ấy thức uống. Vị Tỳ-khuru ấy đã chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)...] Vị Tỳ-khuru ấy đã không bị chết. Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay các Tỳ-khuru, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (58-59)

46. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ có chồng đi vắng đã mang thai với tình nhân. Cô ấy đã nói với vị Tỳ-khuru thường lui tới với gia đình điều này:

– Thưa ngài, ngài hãy tìm thuốc làm sảy thai đi.

– Nay chị gái, tốt thôi.

Rồi vị Tỳ-khuru đã cho cô ấy thuốc làm sảy thai. Đứa bé trai đã chết đi. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, người đã phạm tội *Pārājika*. (60)

47. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ có hai vợ, một cô không sanh sản, một cô còn sanh sản. Người đàn bà không sanh sản đã nói với vị Tỳ-khưu thường lui tới với gia đình điều này:

– Thưa ngài, nếu cô ấy sanh con thì sẽ trở thành chủ nhân của toàn bộ tài sản. Thưa ngài, ngài hãy tìm thuốc làm sảy thai đi.

– Đây chị gái, tốt thôi.

Rồi vị Tỳ-khưu đã cho cô ấy thuốc làm sảy thai. Đứa bé trai đã chết đi. Người mẹ đã không bị chết. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Đây Tỳ-khưu, người đã phạm tội *Pārājika*. (61)

48. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ có hai vợ, một cô không sanh sản, một cô còn sanh sản. Người đàn bà không sanh sản đã nói với vị Tỳ-khưu thường lui tới với gia đình điều này:

– Thưa ngài, nếu cô ấy sanh con thì sẽ trở thành chủ nhân của toàn bộ tài sản. Thưa ngài, ngài hãy tìm thuốc làm sảy thai đi.

– Đây chị gái, tốt thôi.

Rồi vị Tỳ-khưu đã cho cô ấy thuốc làm sảy thai. Người mẹ đã chết đi. Đứa bé trai đã không bị chết. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Đây Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (62)

49. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ có hai vợ, một cô không sanh sản, một cô còn sanh sản. Người đàn bà không sanh sản đã nói với vị Tỳ-khưu thường lui tới với gia đình điều này:

– Thưa ngài, nếu cô ấy sanh con thì sẽ trở thành chủ nhân của toàn bộ tài sản. Thưa ngài, ngài hãy tìm thuốc làm sảy thai đi.

– Đây chị gái, tốt thôi.

Rồi vị Tỳ-khưu đã cho cô ấy thuốc làm sảy thai. Cả hai đã chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)...] Cả hai đã không bị chết. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Đây Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (63-64)

50. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ có thai đã nói với vị Tỳ-khưu thường lui tới với gia đình điều này:

– Thưa ngài, ngài hãy tìm thuốc làm sảy thai đi.

– Đây chị gái, như thế thì hãy tự chà sát.

Cô ấy đã chà sát và đã làm sảy thai. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Đây Tỳ-khưu, người đã phạm tội *Pārājika*. (65)

51. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ có thai đã nói với vị Tỳ-khưu thường lui tới với gia đình điều này:

– Thưa ngài, ngài hãy tìm thuốc làm sảy thai đi.

– Đây chị gái, như thế thì hãy đốt nóng.

Cô ấy đã đốt nóng và đã làm sảy thai. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, người đã phạm tội *Pārājika*. (66)

52. Vào lúc bảy giờ, có người đàn bà nọ không sanh sản đã nói với vị Tỳ-khuru thường lui tới với gia đình điều này:

– Thưa ngài, ngài hãy tìm thuốc làm cho tôi có thể sanh sản.

– Nay chị gái, tốt thôi.

Rồi vị Tỳ-khuru đã cho cô ấy thuốc. Cô ấy đã chết đi. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Dukkaṭa*. (67)

53. Vào lúc bảy giờ, có người đàn bà nọ còn sanh sản đã nói với vị Tỳ-khuru thường lui tới với gia đình điều này:

– Thưa ngài, ngài hãy tìm thuốc làm cho tôi không còn sanh sản.

– Nay chị gái, tốt thôi.

Rồi vị Tỳ-khuru đã cho cô ấy thuốc. Cô ấy đã chết đi. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Dukkaṭa*. (68)

54. Vào lúc bảy giờ, các Tỳ-khuru nhóm Lục Sư đã làm cho vị Tỳ-khuru nhóm Mười Bảy Sư cười bằng cách dùng ngón tay thọt léc. Vị Tỳ-khuru ấy trong khi rối loạn không thở ra được nên đã chết đi. Các vị kia đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay các Tỳ-khuru, không phạm tội *Pārājika*. (69)

55. Vào lúc bảy giờ, các Tỳ-khuru nhóm Mười Bảy Sư [nghĩ rằng]: “Chúng ta sẽ gây chuyện”, rồi chạm mạnh vào vị Tỳ-khuru nhóm Lục Sư, khiến vị ấy chết đi. Các vị kia đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay các Tỳ-khuru, không phạm tội *Pārājika*. (70)

56. Vào lúc bảy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ là thầy chữa bệnh tà ma đã đoạt lấy mạng sống của loài dạ-xoa. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay các Tỳ-khuru, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (71)

57. Vào lúc bảy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ đã phái vị Tỳ-khuru khác đến trú xá có dạ-xoa dữ tợn. Các dạ-xoa đã đoạt lấy mạng sống vị ấy. Vị kia đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (72)

58. Vào lúc bảy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ có ý muốn gây tử vong đã phái vị Tỳ-khuru khác đến trú xá có dạ-xoa dữ tợn. Các dạ-xoa đã đoạt mạng vị ấy. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bảy giờ, ...(nt)...] Các dạ-xoa đã không đoạt mạng vị ấy. Vị kia đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (73-74)

59. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã phái vị Tỳ-khưu khác đến khu rừng có thú dữ. Các thú dữ đã đoạt lấy mạng sống vị ấy. Vị kia đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Đây Tỳ-khưu, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (75)

60. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý muốn gây tử vong đã phái vị Tỳ-khưu khác đến khu rừng có thú dữ. Các thú dữ đã đoạt mạng vị ấy. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)...] Các thú dữ đã không đoạt mạng vị ấy. Vị kia đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Đây Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (76-77)

61. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã phái vị Tỳ-khưu khác đến khu rừng có cướp. Các kẻ cướp đã đoạt mạng vị ấy. Vị kia đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Đây Tỳ-khưu, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (78)

62. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý muốn gây tử vong đã phái vị Tỳ-khưu khác đến khu rừng có cướp. Các kẻ cướp đã đoạt mạng vị ấy. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)...] Các kẻ cướp đã không đoạt mạng vị ấy. Vị kia đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Đây Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (79-80)

63. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ nhận ra người ấy rồi đã đoạt mạng người ấy, nhận ra người ấy rồi đã đoạt mạng người khác, nhận ra người khác rồi đã đoạt mạng người ấy, nhận ra người khác rồi đã đoạt mạng người khác. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Đây Tỳ-khưu, người đã phạm tội *Pārājika*. (81-84)

64. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị phi nhân chiếm giữ. Có vị Tỳ-khưu khác đã đánh vào vị Tỳ-khưu ấy. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Vị kia đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Đây Tỳ-khưu, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (85)

65. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị phi nhân chiếm giữ. Có vị Tỳ-khưu khác có ý muốn gây tử vong đã đánh vào vị Tỳ-khưu ấy. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)...] Vị Tỳ-khưu ấy đã không bị chết. Vị kia đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Đây Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (86-87)

66. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ thuyết về cõi trời của nghiệp lành. Người ấy bị tác động nên đã chết đi. Vị [Tỳ-khưu] ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Đây Tỳ-khưu, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (88)

67. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý muốn gây tử vong thuyết về cõi trời của nghiệp lành. Người ấy bị tác động nên đã chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)...] Người ấy bị tác động đã không bị chết. Vị [Tỳ-khưu] ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Đây Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (89-90)

68. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ thuyết về địa ngục của kẻ đi địa ngục. Người ấy bị hoảng hốt và đã chết. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (91)

69. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ có ý muốn gây tử vong, thuyết về địa ngục của kẻ đi địa ngục. Người ấy bị hoảng hốt và đã chết. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)...] Người ấy bị hoảng hốt và đã không bị chết. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (92-93)

70. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khuru ở Ālavī chặt cây trong khi làm công trình mới. Có vị Tỳ-khuru nọ đã nói với vị Tỳ-khuru khác điều này:

– Nay Đại đức, hãy đứng ở chỗ này rồi chặt.

Trong khi vị ấy đứng ở chỗ ấy đang chặt thì cây đã ngã xuống và giết chết. Vị kia đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (94)

71. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khuru ở Ālavī chặt cây trong khi làm công trình mới. Có vị Tỳ-khuru nọ có ý muốn gây tử vong đã nói với vị Tỳ-khuru khác điều này:

– Nay Đại đức, hãy đứng ở chỗ này rồi chặt.

Trong khi vị ấy đứng ở chỗ ấy đang chặt thì cái cây đã ngã xuống và giết chết. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)...] cây đã ngã xuống và không giết chết. Vị kia đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (95-96)

72. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khuru nhóm Lục Sư đã nổi lửa đốt rừng. Dân chúng bị đốt cháy đã chết đi. Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay các Tỳ-khuru, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (97)

73. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khuru nhóm Lục Sư có ý muốn gây tử vong đã nổi lửa đốt rừng. Dân chúng bị đốt cháy đã chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)...] Dân chúng bị đốt cháy đã không bị chết. Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay các Tỳ-khuru, [các người] không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (98-99)

74. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ, sau khi đi đến pháp trường đã nói với viên xử tử kẻ cướp điều này:

– Nay đạo hữu, chớ để người này bị khổ sở. Hãy đoạt lấy mạng sống bằng một nhát.

– Thừa ngài, tốt thôi!

Rồi đã đoạt lấy mạng sống bằng một nhát. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, người đã phạm tội *Pārājika*. (100)

75. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi đi đến pháp trường đã nói với viên xử tử kẻ cướp điều này:

– Nay đạo hữu, chớ để người này bị khổ sở. Hãy đoạt lấy mạng sống bằng một nhát.

– Tôi sẽ không làm theo lời nói của ngài!

Rồi đã đoạt lấy mạng sống kẻ ấy. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Dukkaṭa*. (101)

76. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ bị đứt lìa tay chân, được các thân quyến vây quanh tại nhà của thân quyến. Có vị Tỳ-khưu nọ đã nói với những người ấy điều này:

– Nay các đạo hữu, các vị có muốn cái chết cho người này không?

– Thừa ngài, đúng vậy. Chúng tôi muốn.

– Như thế thì hãy cho uống sữa còn bơ.

Họ đã cho người ấy uống sữa còn bơ. Người ấy đã chết đi. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khưu, người đã phạm tội *Pārājika*. (102)

77. Vào lúc bấy giờ, có người nam nọ bị đứt lìa tay chân, được thân quyến vây quanh tại nhà của gia đình. Có Tỳ-khưu-ni nọ đã nói với những người ấy điều này:

– Nay các vị, có muốn cái chết cho anh ta không?

– Vâng, Ni sư. Chúng tôi muốn.

– Vậy hãy cho uống giấm mặn.

Họ đã cho anh ta uống giấm mặn. Anh ta đã chết. Vị Ni ấy đã có nổi nghi hoặc. Sau đó, Tỳ-khưu-ni ấy đã kể lại việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni đã kể lại việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Nay các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni ấy đã phạm tội *Pārājika*. (103)

Điều *Pārājika* thứ ba được đầy đủ.

--oo0oo--

2.4. ĐIỀU *PĀRĀJIKĀ* THỨ TƯ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Vesālī, Mahāvana, giảng đường Kūṭāgāra. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-khưu đồng quan điểm, thân thiết đã vào mùa [an cư] mưa ở bờ sông Vaggumudā. Vào lúc bấy giờ, xứ Vajjī có sự khan hiếm về vật thực, khó kiếm ăn, có dịch bệnh, thê vật thực được phân phối, không dễ sinh sống bằng sự ra sức khát thực.

2. Khi ấy, các vị Tỳ-khuru ấy đã khởi ý rằng: “Hiện nay, xứ Vajjī có sự khan hiếm về vật thực, khó kiếm ăn, có dịch bệnh, thể vật thực được phân phối, không dễ sinh sống bằng sự ra sức khát thực. Còn chúng ta có sự hòa hợp, thân thiện, không cãi cộ nhau, vậy bằng phương thức nào chúng ta có thể sống mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và không bị khó nhọc vì đồ ăn khát thực?”

3. Một số vị đã nói như vậy: “Này các Đại đức, chúng ta hãy quyết định làm công cho các người tại gia đi; như thế, họ sẽ nghĩ đến mà bố thí cho chúng ta. Như thế, chúng ta có sự hòa hợp, thân thiện, không cãi cộ nhau sẽ sống mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và sẽ không bị khó nhọc vì đồ ăn khát thực.”

4. Một số vị đã nói như vậy: “Này các Đại đức, thôi đi! Việc gì lại quyết định làm công cho các người tại gia? Này các Đại đức, chúng ta hãy đưa tin tức cho các người tại gia đi; như thế, họ sẽ nghĩ đến mà bố thí cho chúng ta. Như thế, chúng ta có sự hòa hợp, thân thiện, không cãi cộ nhau sẽ sống mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và sẽ không bị khó nhọc vì đồ ăn khát thực.”

5. Một số vị đã nói như vậy: “Này các Đại đức, thôi đi! Việc gì lại quyết định làm công cho các người tại gia? Việc gì lại đưa tin tức cho các người tại gia? Này các Đại đức, chúng ta hãy nói lời ca ngợi lẫn nhau về pháp thượng nhân đến các người tại gia rằng: ‘Vị Tỳ-khuru như vậy đạt sơ thiên, vị Tỳ-khuru như vậy đạt nhị thiên, vị Tỳ-khuru như vậy đạt tam thiên, vị Tỳ-khuru như vậy đạt tứ thiên, vị Tỳ-khuru như vậy là vị Nhập lưu, vị Tỳ-khuru như vậy là vị Nhất lai, vị Tỳ-khuru như vậy là vị Bất lai, vị Tỳ-khuru như vậy là vị A-la-hán, vị Tỳ-khuru như vậy có ba minh, vị Tỳ-khuru như vậy có sáu thắng trí’; như thế, họ sẽ nghĩ đến mà bố thí cho chúng ta. Như thế, chúng ta có sự hòa hợp, thân thiện, không cãi cộ nhau sẽ sống mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và sẽ không bị khó nhọc vì đồ ăn khát thực. Này các Đại đức, chính điều này là tốt hơn hết, tức là việc chúng ta nói lời ca ngợi lẫn nhau về pháp thượng nhân đến các người tại gia.”

6. Sau đó, các Tỳ-khuru ấy đã nói lời ca ngợi lẫn nhau về pháp thượng nhân đến các người tại gia rằng: “Vị Tỳ-khuru như vậy đạt sơ thiên, ...(nt)... vị Tỳ-khuru như vậy có sáu thắng trí.”

7. Khi ấy, những người dân ấy [nghĩ rằng]: “Quả thật, điều lợi ích đã có cho chúng ta! Quả thật, chúng ta đã đạt được điều tốt! Chúng ta có được các Tỳ-khuru như vậy trong số các Tỳ-khuru có giới, có thiện pháp vào mùa [an cư] mưa! Quả thật từ trước đến nay, chúng ta không có các Tỳ-khuru như vậy vào mùa [an cư] mưa!” Họ dâng đến các Tỳ-khuru những vật thực loại mềm mà họ không ăn bởi chính mình, không dâng đến cha mẹ, không cho đến vợ con, không cho đến các tôi tớ và người làm công, không cho đến bạn bè và các quan lại, không cho đến các thân quyến cùng huyết thống. Họ dâng đến các Tỳ-khuru những vật thực loại cứng ...(nt)... những thức ném ...(nt)... những thức uống mà họ không uống bởi chính mình, không dâng đến cha mẹ, không cho đến vợ con,

không cho đến các tội tở và người làm công, không cho đến bạn bè và các quan lại, không cho đến các thân quyến cùng huyết thống. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã có sắc tướng, căn quyền sung mãn, sắc diện rạng rỡ, sắc thân an tịnh.

8. Điều này đã là thông lệ cho các Tỳ-khưu trải qua mùa [an cư] mưa là đi đến diện kiến đức Thế Tôn. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy trải qua ba tháng mùa [an cư] mưa đã thu xếp chỗ trú ngụ, cầm y bát, ra đi về phía Vesālī. Theo tuần tự, các vị đã đi đến thành Vesālī, Mahāvana, giảng đường Kūṭāgāra gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên.

9. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa ở các phương thì ốm o, căn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân; trái lại, các Tỳ-khưu ở bờ sông Vaggumudā thì có sắc tướng, căn quyền sung mãn, sắc diện rạng rỡ, sắc thân an tịnh. Điều này đã là thông lệ của chư Phật Thế Tôn là niềm nở đối với các Tỳ-khưu đi đến.

10. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với các vị Tỳ-khưu ở bờ sông Vaggumudā điều này:

– Này các Tỳ-khưu, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Các người có sự hòa hợp, thân thiện, không cãi cộ nhau, chắc hẳn đã sống qua mùa [an cư] mưa được thoải mái, và không bị khó nhọc vì đồ ăn khát thực?

– Bạch Thế Tôn, sức khỏe khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc đều tốt đẹp. Và bạch Ngài, chúng con có sự hòa hợp, thân thiện, không cãi cộ nhau đã sống qua mùa [an cư] mưa được thoải mái, và không bị khó nhọc vì đồ ăn khát thực.

Các đấng Như Lai dầu biết vẫn hỏi, dầu biết các vị vẫn không hỏi, biết đúng thời các vị mới hỏi, biết đúng thời các vị vẫn không hỏi. Các đấng Như Lai hỏi có liên quan đến lợi ích và không [hỏi việc] không có liên quan đến lợi ích, khi không có liên quan đến lợi ích, các đấng Như Lai có cách để cắt đứt vấn đề.

11. Chư Phật Thế Tôn hỏi các Tỳ-khưu bởi hai lý do: “Chúng ta sẽ thuyết pháp hoặc sẽ quy định điều học cho các đệ tử.” Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ-khưu ở bờ sông Vaggumudā điều này:

– Này các Tỳ-khưu, các người có sự hòa hợp, thân thiện, không cãi cộ nhau, đã sống mùa [an cư] mưa được thoải mái và không bị khó nhọc vì đồ ăn khát thực như thế nào?

Khi ấy, các Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, các người có thực chứng không?

– Bạch Thế Tôn, không thực chứng.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này những kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này những kẻ

rồ dại, tại sao các người vì lý do bao tử lại nói lời ca ngợi lẫn nhau về pháp thượng nhân đến các người tại gia? Đây những kẻ rồ dại, thà các người bị mổ phanh bụng bởi dao giết trâu sắc bén còn là điều cao thượng, chớ vì lý do bao tử mà nói lời ca ngợi lẫn nhau về pháp thượng nhân đến các người tại gia là không [cao thượng]. Điều ấy có lý do như thế nào? Đây những kẻ rồ dại, bởi vì do nguyên nhân kia,³¹ các người có thể đi đến cái chết hoặc khổ gần như chết, nhưng không vì nguyên nhân kia, khi tan rã thân xác và chết đi, các người lại có thể bị sanh vào bất hạnh, cõi khổ, đọa xứ, địa ngục. Đây những kẻ rồ dại, quả thật do nguyên nhân này,³² khi tan rã thân xác và chết đi, các người có thể bị sanh vào bất hạnh, cõi khổ, đọa xứ, địa ngục. Đây những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)....

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khuru rằng:

12. – Đây các Tỳ-khuru, đây là năm kẻ cướp lớn được biết đến ở thế gian? Thế nào là năm?

(1) Đây các Tỳ-khuru, ở đây, có kẻ cướp lớn khởi ý như vậy: “Đến khi nào được thắp từng bởi một trăm hay một ngàn, ta sẽ vừa đi quanh làng mạc, phố thị, kinh thành vừa giết vừa ra lệnh giết, vừa chém vừa ra lệnh chém, vừa hành hạ vừa ra lệnh hành hạ.” Một thời gian sau, được thắp từng bởi một trăm hay một ngàn, kẻ ấy vừa đi quanh làng mạc, phố thị, kinh thành vừa giết vừa ra lệnh giết, vừa chém vừa ra lệnh chém, vừa hành hạ vừa ra lệnh hành hạ. Đây các Tỳ-khuru, tương tự như thế, ở đây có hạng ác Tỳ-khuru khởi ý như vậy: “Đến khi nào được tùy từng bởi một trăm hay một ngàn, ta sẽ đi quanh làng mạc, phố thị, kinh thành và được tiếp rước, được cung kính, được nể sợ, được cúng dường, được tôn trọng, có được lợi lộc về các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, thuốc men chữa bệnh của các gia chủ và các bậc xuất gia.” Một thời gian sau, được tùy từng bởi một trăm hay một ngàn, vị ấy đi quanh làng mạc, phố thị, kinh thành và được tiếp rước, được cung kính, được nể sợ, được cúng dường, được tôn trọng, có được lợi lộc về các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, thuốc men chữa bệnh của các gia chủ và các bậc xuất gia. Đây các Tỳ-khuru, đây là kẻ cướp lớn thứ nhất được biết đến ở thế gian.

(2) Đây các Tỳ-khuru, hơn nữa ở đây có hạng ác Tỳ-khuru, sau khi đã học tập Pháp và Luật được công bố bởi Như Lai lại xem là của chính bản thân. Đây các Tỳ-khuru, đây là kẻ cướp lớn thứ nhì được biết đến ở thế gian.

(3) Đây các Tỳ-khuru, hơn nữa ở đây có hạng ác Tỳ-khuru bôi nhọ vị trong sạch, có Phạm hạnh đang thực hành Phạm hạnh thanh tịnh bằng điều phi Phạm hạnh không có nguyên cớ. Đây các Tỳ-khuru, đây là kẻ cướp lớn thứ ba được biết đến ở thế gian.

³¹ Là việc bị mổ phanh bụng ra bởi con dao bén của kẻ giết trâu bò (ND).

³² Là việc nói lời ca ngợi lẫn nhau về pháp thượng nhân đến các người tại gia (ND).

(4) Nay các Tỳ-khuru, hơn nữa, ở đây có hạng ác Tỳ-khuru chiêu dụ, mua chuộc các người tại gia bằng các trọng vật là các vật dụng chủ yếu của hội chúng như là tu viện, vùng đất của tu viện, trú xá, vùng đất của trú xá, giường, ghế, nệm, gối, chum đồng, chậu đồng, hũ đồng, vại đồng, rìu, búa, cuốc, xẻng, lưỡi đục, dây leo, tre, cỏ muñja, cỏ pabbaja, cỏ tịa, đất sét, đồ gỗ, đồ gốm. Nay các Tỳ-khuru, đây là kẻ cướp lớn thứ tư được biết đến ở thế gian.

(5) Nay các Tỳ-khuru, trong thế gian bao gồm cõi chư Thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên, và loài người, kẻ cướp lớn, đứng hàng đầu là kẻ khoác lác về pháp thượng nhân không có, không thực chứng. Điều ấy có lý do thế nào? Nay các Tỳ-khuru, các người đã ăn thức ăn của xứ sở theo lối trộm cướp.

Vị tuyên bố thế này, bản thân như thế khác,
Ăn cơm kiêu dối lường, như cờ gian bạc lận.
Nhiều kẻ cổ quần y, ác pháp, không thu thúc,
Kẻ ác vì nghiệp ác, phải sanh vào địa ngục.³³
Kẻ ác giới buông lung, thả ăn vào sắt cục,
Cháy đỏ có lửa ngọn, hơn đồ ăn xứ sở.³⁴

13. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khiển trách các Tỳ-khuru ở bờ sông Vaggumudā bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng ...(nt)... Và nay các Tỳ-khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị Tỳ-khuru nào trong khi chưa biết rõ về pháp thượng nhân, là pháp thể nhập của bản thân, là pháp thuộc về trí tuệ và sự thấy biết của bậc Thánh, lại tuyên bố rằng: ‘Tôi biết như vậy, tôi thấy như vậy.’ Sau đó, vào lúc khác, trong khi được hỏi hay trong khi không được hỏi, vị đã phạm tội có ước muốn được trong sạch lại nói như vậy: ‘Nay các Đại đức, tôi đã không biết như vậy lại nói biết, đã không thấy lại nói thấy, tôi đã nói điều phù phiếm, điều dối trá’; vị ấy cũng là vị phạm tội Pārājika, không được cộng trú.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khuru như thế.

[Sự quy định căn bản]

14. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khuru trong khi không thấy tướng là đã thấy, trong khi không đạt tướng là đã đạt, trong khi không đắc chứng tướng là đã đắc chứng, trong khi không chứng ngộ tướng là đã chứng ngộ, đã nói một cách thái quá về trí giải thoát. Một thời gian sau, các vị lại có tâm thiên về tham ái, lại có tâm thiên về sân hận, lại có tâm thiên về si mê. Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc rằng: “Điều học đã được đức Thế Tôn quy định; và chúng ta trong khi không thấy tướng là đã thấy, trong khi không đạt tướng là đã đạt, trong khi không đắc chứng tướng là đã đắc chứng, trong khi không chứng ngộ tướng là

³³ Kinh Pháp cú, câu 307.

³⁴ Kinh Pháp cú, câu 308.

đã chứng ngộ, đã nói một cách thái quá về trí giải thoát, phải chăng chúng ta đã phạm tội *Pārājika*?” Các vị ấy đã kể lại sự việc ấy cho Đại đức Ānanda. Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

15. – Nay Ānanda, có các vị Tỳ-khưu trong khi không thấy tướng là đã thấy, trong khi không đạt tướng là đã đạt, trong khi không đắc chứng tướng là đã đắc chứng, trong khi không chứng ngộ tướng là đã chứng ngộ, đã nói với sự tự tin thái quá về trí giải thoát; điều ấy vốn không thuộc về trường hợp này. Và này các Tỳ-khưu, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị Tỳ-khưu nào trong khi chưa biết rõ về pháp thượng nhân, là pháp thể nhập của bản thân, là pháp thuộc về trí tuệ và sự thấy biết của bậc Thánh, lại tuyên bố rằng: ‘Tôi biết như vậy, tôi thấy như vậy.’ Sau đó, vào lúc khác, trong khi được hỏi hay trong khi không được hỏi, vị đã phạm tội có ước muốn được trong sạch lại nói như vậy: ‘Này các Đại đức, tôi đã không biết như vậy lại nói biết, đã không thấy lại nói thấy, tôi đã nói điều phù phiếm, điều dối trá’, ngoại trừ vì sự tự tin thái quá; vị này cũng là vị phạm tội Pārājika, không được cộng trú.”

[Sự quy định lần hai]

16. Vị nào: Là bất cứ vị nào...(nt).

Tỳ-khưu...(nt)... [đã được tu lên bậc trên ... bằng hành sự có lời thông báo đến lần thứ tư]. Vị này là “vị Tỳ-khưu” được đề cập trong ý nghĩa này.

Trong khi chưa biết rõ: Là không có, không thực chứng, trong khi không tự biết, trong khi không hiểu, trong khi không thấy thiện pháp ở nơi mình [lại nói]: “Tôi có thiện pháp.”

Pháp thượng nhân nghĩa là thiện, sự giải thoát, định, sự chứng đạt, trí tuệ và sự thấy biết, sự tu tập về Đạo, sự chứng ngộ về Quả, sự dứt bỏ phiền não, sự không còn bị che lấp của tâm, sự thỏa thích ở nơi thanh vắng.

Là pháp thể nhập của bản thân: Hoặc là thể nhập các thiện pháp ấy vào bản thân, hoặc là thể nhập bản thân vào các thiện pháp ấy.

Trí tuệ: Là ba minh.

Thấy biết: Điều gì là trí tuệ, điều ấy là sự thấy biết. Điều gì là sự thấy biết, điều ấy là trí tuệ.

Tuyên bố: Vị nói ra đến người nữ, hoặc đến người nam, hoặc đến người tại gia, hoặc đến vị xuất gia.

Tôi biết như vậy, tôi thấy như vậy: Tôi biết các pháp này, tôi thấy các pháp này, các pháp này có ở tôi, các pháp này được thuần thực ở tôi và tôi thuần thực trong các pháp này.

Sau đó, vào lúc khác: Được thực hiện trong giây phút nào thì đã trải qua giây phút ấy, khoảng thời gian ấy, thời điểm ấy.

Trong khi được hỏi: Sự việc gì đã cho biết thì đang được hỏi về việc ấy: “Điều gì đã được Đại đức đắc chứng? Được Đại đức đắc chứng như thế nào? Được Đại đức đắc chứng vào lúc nào? Được Đại đức đắc chứng ở đâu? Các phiền não nào đã được Đại đức dứt bỏ? Đại đức đã đạt được các pháp nào?”

Trong khi không được hỏi: Không được bắt cứ ai đề cập đến.

Vị đã phạm tội: Vị có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn, rồi khoác lác về pháp thượng nhân không có, không thực chứng thì phạm tội *Pārājika*.

Có ước muốn được trong sạch: Hoặc là có ước muốn trở thành người gia chủ, hoặc là có ước muốn trở thành nam cư sĩ, hoặc là có ước muốn trở thành người phụ việc cho tu viện, hoặc là có ước muốn trở thành vị Sa-di.

Này các Đại đức, tôi đã không biết như vậy lại nói biết, đã không thấy lại nói thấy: Tôi không biết các pháp này, tôi không thấy các pháp này, các pháp này có ở tôi, các pháp này được thuần thực ở tôi và tôi thuần thực trong các pháp này.

Tôi đã nói điều phù phiếm, điều dối trá: Điều phù phiếm đã được tôi nói ra, điều dối trá đã được tôi nói ra, điều không thực đã được tôi nói ra, trong lúc tôi không biết, tôi lại nói ra.

Ngoại trừ vì sự tự tin thái quá: Trừ ra sự tự tin thái quá.

Vị này cũng: Được đề cập liên quan đến các vị trước đây.

Là vị phạm tội *Pārājika*: Cũng giống như cây thốt nốt bị chặt ở ngọn, không thể tăng trưởng được nữa; tương tự như thế, vị Tỷ-khưu có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn, khi đã khoác lác về pháp thượng nhân, không có, không thực chứng, thì không phải là Sa-môn, không phải là Thích tử; vì thế, được gọi là “vị phạm tội *Pārājika*.”

Không được cộng trú: Cộng trú nghĩa là có chung hành sự, có chung việc đọc tụng Giới bản (*Pātimokkha*), có sự học tập giống nhau, điều ấy gọi là cộng trú. Vị ấy không có được điều ấy, vì thế được gọi là “không được cộng trú.”

Pháp thượng nhân nghĩa là thiền, sự giải thoát, định, sự chứng đạt, trí tuệ và sự thấy biết, sự tu tập về Đạo, sự chứng ngộ về Quả, sự dứt bỏ phiền não, sự không còn bị che lấp của tâm, sự thỏa thích ở nơi thanh vắng.

Thiền: Là sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền.

Sự giải thoát: Là vô phiền não giải thoát, vô tướng giải thoát, vô nguyện giải thoát.³⁵

Định: Là vô phiền não định, vô tướng định, vô nguyện định.

Sự chứng đạt: Là sự chứng đạt về vô phiền não, sự chứng đạt về vô tướng, sự chứng đạt về vô nguyện.

³⁵ Vô phiền não giải thoát (*suññato vimokkha*) là nội tâm không còn tham, sân, si; vô tướng giải thoát (*animitto vimokkha*) là nội tâm không còn các biểu hiện của tham, sân, si; vô nguyện giải thoát (*appaṇihito vimokkha*) là không còn trạng thái mong mỏi tham, sân, si (*VinA. II. 492*).

Trí tuệ: Là ba minh.

Sự tu tập về Đạo: Là bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thân thông, năm quyền, năm lực, bảy giác chi, Thánh đạo tám chi phần.

Sự chứng ngộ về Quả: Là sự chứng ngộ quả Nhập lưu, sự chứng ngộ quả Nhất lai, sự chứng ngộ quả Bất lai, sự chứng ngộ quả vị A-la-hán.

Sự dứt bỏ phiền não: Là sự dứt bỏ tham ái, sự dứt bỏ sân, sự dứt bỏ si.

Sự không còn bị che lấp của tâm nghĩa là tâm không còn bị che lấp bởi tham ái, tâm không còn bị che lấp bởi sân, tâm không còn bị che lấp bởi si.

Sự thỏa thích ở nơi thanh vắng: Là sự thỏa thích ở nơi thanh vắng với sơ thiền, sự thỏa thích ở nơi thanh vắng với nhị thiền, sự thỏa thích ở nơi thanh vắng với tam thiền, sự thỏa thích ở nơi thanh vắng với tứ thiền.

1. Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng sơ thiền” bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói.”

2. Với bốn yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng sơ thiền” bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”, đã che giấu quan điểm.

3. Với năm yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng sơ thiền” bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”, đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi.

4. Với sáu yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng sơ thiền” bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”, đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát.

5. Với bảy yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng sơ thiền” bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”, đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định.

6. Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi chứng sơ thiền” bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói.”

7. Với bốn yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi chứng sơ thiên” bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”, đã che giấu quan điểm.

8. Với năm yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi chứng sơ thiên” bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”, đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi.

9. Với sáu yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi chứng sơ thiên” bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”, đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát.

10. Với bảy yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi chứng sơ thiên” bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”, đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định.

11. Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng được sơ thiên” bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói.”

12. Với bốn yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng được sơ thiên” bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”, đã che giấu quan điểm.

13. Với năm yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng được sơ thiên” bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”, đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi.

14. Với sáu yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng được sơ thiên” bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”, đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát.

15. Với bảy yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng được sơ thiên” bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”, đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định.

16. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi có đạt sơ thiền” bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói.”

17. Với bốn yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi có đạt sơ thiền” bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”, đã che giấu quan điểm.

18. Với năm yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi có đạt sơ thiền” bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”, đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi.

19. Với sáu yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi có đạt sơ thiền” bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”, đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát.

20. Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi có đạt sơ thiền” bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”, đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định.

21. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi có trú sơ thiền” bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá” đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói.”

22. Với bốn yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi có trú sơ thiền” bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”, đã che giấu quan điểm.

23. Với năm yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi có trú sơ thiền” bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”, đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi.

24. Với sáu yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi có trú sơ thiền” bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”, đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát.

25. Với bảy yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi có trú sơ thiên” bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”, đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định.

26. Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ngộ sơ thiên” bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói.”

27. Với bốn yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ngộ sơ thiên” bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”, đã che giấu quan điểm.

28. Với năm yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ngộ sơ thiên” bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”, đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi.

29. Với sáu yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ngộ sơ thiên” bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”, đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát.

30. Với bảy yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ngộ sơ thiên” bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”, đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định.

(Phân sơ thiên này đã được giải chi tiết như thế nào, toàn bộ nên được giải chi tiết như thế)

31. Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ... tôi chứng ... Tôi đã chứng được nhị thiên ... tam thiên ... tứ thiên ... Tôi có đạt tứ thiên ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ tứ thiên” bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”, đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định.

32. Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được vô phiền não giải thoát ... vô tướng giải thoát ... vô nguyện giải thoát ... Tôi có đạt vô nguyện giải thoát ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ vô nguyện giải thoát” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

33. Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được vô phiền não định ... vô tướng định ... vô nguyện định ... Tôi có đạt vô nguyện định ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ vô nguyện định” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

34. Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sự chứng đạt về vô phiền não ... sự chứng đạt về vô tướng ... sự chứng đạt về vô nguyện ... Tôi có đạt sự chứng đạt về vô nguyện ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ sự chứng đạt về vô nguyện” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

35. Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được ba minh ... Tôi có đạt ba minh ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ ba minh” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

36. Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được bốn sự thiết lập niệm ... bốn chánh cần ... bốn nền tảng của thân thông ... Tôi có đạt bốn nền tảng của thân thông ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ bốn nền tảng của thân thông” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

37. Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được năm quyền ... năm lực ... Tôi có đạt năm lực ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ năm lực” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

38. Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được bảy giác chi ... Tôi có đạt bảy giác chi ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ bảy giác chi” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

39. Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được Thánh đạo tám chi phần ... Tôi có đạt Thánh đạo tám chi phần ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ Thánh đạo tám chi phần” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

40. Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được quả Nhập lưu ... quả Nhất lai ... quả Bất lai ... phẩm vị A-la-hán ... Tôi có đạt phẩm vị A-la-hán ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ phẩm vị A-la-hán” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

41. Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã từ bỏ tham ái, đã quăng bỏ tham ái, đã thoát khỏi tham ái, đã dứt bỏ tham ái, đã xa rời tham ái, đã khai trừ tham ái, đã đoạn trừ tham ái” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

42. Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã từ bỏ sân, đã quăng bỏ sân, đã thoát khỏi sân, đã dứt bỏ sân, đã xa rời sân, đã khai trừ sân, đã đoạn trừ sân” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

43. Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã từ bỏ si, đã quăng bỏ si, đã thoát khỏi si, đã dứt bỏ si, đã xa rời si, đã khai trừ si, đã đoạn trừ si” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

44. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

45. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tâm của tôi không bị che lấp bởi sân” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

46. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tâm của tôi không bị che lấp bởi si” bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói.”

47. Với bốn yếu tố ...(nt)... Với năm yếu tố ...(nt)... Với sáu yếu tố ...(nt)... Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tâm của tôi không bị che lấp bởi si” bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”, đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định.

Dứt phần đơn giản.

1. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiền và nhị thiền, ... Tôi có đạt sơ thiền và nhị thiền ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ sơ thiền và nhị thiền” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

2. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiền và tam thiền, ... Tôi có đạt sơ thiền và tam thiền ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ sơ thiền và tam thiền” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

3. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiền và tứ thiền, ... Tôi có đạt sơ thiền và tứ thiền ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ sơ thiền và tứ thiền” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

4. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiền và vô phiền não giải thoát ... sơ thiền và vô tướng giải thoát ... sơ thiền và vô nguyện giải thoát ... Tôi có đạt sơ thiền và vô nguyện giải thoát ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ sơ thiền và vô nguyện giải thoát” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

5. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiền và vô phiền não định ... sơ thiền và vô tướng định ... sơ thiền và vô nguyện định ... Tôi có đạt sơ thiền và vô nguyện định ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ sơ thiền và vô nguyện định” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

6. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiền và sự chứng đạt về vô phiền não ... sơ thiền và sự chứng đạt về vô tướng ... sơ thiền và sự chứng đạt về vô nguyện ... Tôi có đạt sơ thiền và sự chứng đạt về vô nguyện ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ sơ thiền và sự chứng đạt về vô nguyện” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

7. Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiên và ba minh ... Tôi có đạt sơ thiên và ba minh ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ sơ thiên và ba minh” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

8. Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiên và bốn sự thiết lập niệm ... sơ thiên và bốn chánh cần ... sơ thiên và bốn nền tảng của thân thông ... Tôi có đạt sơ thiên và bốn nền tảng của thân thông ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ sơ thiên và bốn nền tảng của thân thông” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

9. Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiên và năm quyền ... sơ thiên và năm lực ... Tôi có đạt sơ thiên và năm lực ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ sơ thiên và năm lực” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

10. Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiên và bảy giác chi ... Tôi có đạt sơ thiên và bảy giác chi ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ sơ thiên và bảy giác chi” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

11. Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiên và Thánh đạo tám chi phần ... Tôi có đạt sơ thiên và Thánh đạo tám chi phần ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ sơ thiên và Thánh đạo tám chi phần” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

12. Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiên và quả Nhập lưu ... sơ thiên và quả Nhất lai ... sơ thiên và quả Bất lai ... sơ thiên và phẩm vị A-la-hán ... Tôi có đạt sơ thiên và phẩm vị A-la-hán ... Tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ sơ thiên và phẩm vị A-la-hán” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

13. Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiên ... Tôi có đạt sơ thiên ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ sơ thiên ... và tôi đã từ bỏ tham ái ... và tôi đã từ bỏ sân ... và tôi đã từ bỏ, đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ si” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

14. Với ba yếu tố ... Với bảy yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiên ... Tôi có đạt sơ thiên ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ sơ thiên ... và tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái ... và tâm của tôi không bị che lấp bởi sân ... và tâm của tôi không bị che lấp bởi si” bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”, đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định.

Dứt sự luân phiên từng phần.

1. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được nhị thiên và tam thiên ... Tôi có đạt nhị thiên và tam thiên ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ nhị thiên và tam thiên” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

2. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được nhị thiên và tứ thiên ... Tôi có đạt nhị thiên và tứ thiên ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ nhị thiên và tứ thiên” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

3. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được nhị thiên và vô phiền não giải thoát ... và vô tướng giải thoát ... và vô nguyện giải thoát ... và vô phiền não định ... và vô tướng định ... và vô nguyện định ... và sự chứng đạt về vô phiền não ... và sự chứng đạt về vô tướng ... và sự chứng đạt về vô nguyện ... và ba minh ... và bốn sự thiết lập niệm ... và bốn chánh cần ... và bốn nền tảng của thân thông ... và năm quyền ... và năm lực ... và bảy giác chi ... và Thánh đạo tám chi phần ... và quả Nhập lưu ... và quả Nhất lai ... và quả Bất lai ... và phẩm vị A-la-hán ...(nt)...Tôi có đạt nhị thiên và phẩm vị A-la-hán ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ nhị thiên và phẩm vị A-la-hán” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

4. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được nhị thiên ... Tôi có đạt nhị thiên ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ nhị thiên ... và tôi đã từ bỏ tham ái ... và tôi đã từ bỏ sân ... và tôi đã từ bỏ, đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ si, và tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái ... và tâm của tôi không bị che lấp bởi sân ... và tâm của tôi không bị che lấp bởi si” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

5. Với ba yếu tố ... Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được nhị thiên và sơ thiên ... Tôi có đạt nhị thiên và sơ thiên ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ nhị thiên và sơ thiên” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

Sự luân phiên kết hợp.

Sau khi thực hiện mỗi một nhân tố như thế, sự luân phiên kết hợp nên được tiến hành viên mãn.

1. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được tam thiên và tứ thiên ... tam thiên và phẩm vị A-la-hán ... Tôi có đạt tam thiên và phẩm vị A-la-hán ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ tam thiên và phẩm vị A-la-hán” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

2. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được tam thiên ... Tôi có đạt tam thiên ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ tam thiên ... và tôi đã từ bỏ tham ái ... và tôi đã từ bỏ sân ... và tôi đã từ bỏ, đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ

si, và tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái ... và tâm của tôi không bị che lấp bởi sân ... và tâm của tôi không bị che lấp bởi si” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

3. Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được tam thiên và sơ thiên ... tam thiên và nhị thiên ... Tôi có đạt tam thiên và nhị thiên ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ nhị thiên và sơ thiên” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

4. Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ... và tôi chứng ... và tôi đã chứng được sơ thiên ... nhị thiên ... tam thiên ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi có đạt tứ thiên ... tôi có trú ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ngộ tứ thiên” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

5. Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ... và tôi chứng ... và tôi đã chứng được vô phiền não giải thoát, ... vô tướng giải thoát, ... vô nguyện giải thoát ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi có đạt vô nguyện giải thoát ... tôi có trú ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ngộ vô nguyện giải thoát” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

6. Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ... và tôi chứng ... và tôi đã chứng được vô phiền não định, vô tướng định, và vô nguyện định ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi có đạt vô nguyện định ... tôi có trú ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ngộ vô nguyện định” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

7. Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ... và tôi chứng ... và tôi đã chứng được sự chứng đạt về vô phiền não, sự chứng đạt về vô tướng, sự chứng đạt về vô nguyện ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi có đạt sự chứng đạt về vô nguyện ... tôi có trú ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ngộ sự chứng đạt về vô nguyện” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

8. Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ... và tôi chứng ... và tôi đã chứng được ba minh ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi có đạt ba minh ... tôi có trú ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ngộ ba minh” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

9. Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ... và tôi chứng ... và tôi đã chứng được bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi có đạt bốn nền tảng của thần thông ... tôi có trú ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ngộ bốn nền tảng của thần thông” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

10. Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ... và tôi chứng ... và tôi đã chứng được năm quyền ... năm lực ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi có đạt năm lực ... tôi có trú ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ngộ năm lực” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

11. Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ... và tôi chứng ... và tôi đã chứng được bảy giác chi ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi có đạt bảy giác chi ... tôi có trú ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ngộ bảy giác chi” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

12. Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ... và tôi chứng ... và tôi đã chứng được Thánh đạo tám chi phần ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi có đạt Thánh đạo tám chi phần ... tôi có trú ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ngộ Thánh đạo tám chi phần” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

13. Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ... và tôi chứng ... và tôi đã chứng được quả Nhập lưu, quả Nhất lai, quả Bất lai, phẩm vị A-la-hán ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi có đạt phẩm vị A-la-hán ... tôi có trú ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ngộ phẩm vị A-la-hán” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

14. Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ... và tôi chứng ... và tôi đã chứng được sơ thiền ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi có đạt sơ thiền ... tôi có trú ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ngộ sơ thiền” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

15. Với ba yếu tố ... Với bảy yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng nhị thiền ... tam thiền ... tứ thiền ... vô phiền não giải thoát ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi sân” bị phạm tội *Pārājika*: ... Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”, đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định.

Dứt phần một nhân tố.

16. Phần hai nhân tố, phần ba nhân tố, phần bốn nhân tố, phần năm nhân tố, phần sáu nhân tố, phần bảy nhân tố, phần tám nhân tố, phần chín nhân tố, phần mười nhân tố nên được thực hiện. Theo cách các từ ngữ đã được trình bày, phần một nhân tố nên được triển khai. Phần một nhân tố đã được giải chi tiết như thế nào, phần hai nhân tố cũng nên được giải chi tiết y như thế.

1. Với ba yếu tố ... Với bảy yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên, vô phiến não giải thoát, vô tướng giải thoát, vô nguyện giải thoát, vô phiến não định, vô tướng định, vô nguyện định, sự chứng đạt về vô phiến não, sự chứng đạt về vô tướng, sự chứng đạt về vô nguyện, ba minh, bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy giác chi, Thánh đạo tám chi phần, quả Nhập lưu, quả Nhất lai, quả Bất lai, phẩm vị A-la-hán, ...(nt)... Tôi đã từ bỏ tham ái, tôi đã từ bỏ sân, tôi đã từ bỏ, đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ si, tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái, tâm của tôi không bị che lấp bởi sân và tâm của tôi không bị che lấp bởi si” bị phạm tội *Pārājika*: ...(nt)... Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”, đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định.

**Dứt phần tất cả các nhân tố.
Dứt phần giảng về các trường hợp đơn giản.**

1. Với ba yếu tố, vị có ý định nói rằng: “Tôi đã chứng sơ thiên” lại cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng nhị thiên”, [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Pārājika*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya*.

2. Với ba yếu tố, vị có ý định nói rằng: “Tôi đã chứng sơ thiên” lại cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng tam thiên ... tứ thiên ... vô phiến não giải thoát ... vô tướng giải thoát ... vô nguyện giải thoát ... vô phiến não định ... vô tướng định ... vô nguyện định ... sự chứng đạt về vô phiến não ... sự chứng đạt về vô tướng ... sự chứng đạt về vô nguyện ... ba minh ... bốn sự thiết lập niệm ... bốn chánh cần ... bốn nền tảng của thần thông ... năm quyền ... năm lực ... bảy giác chi ... Thánh đạo tám chi phần ... quả Nhập lưu ... quả Nhất lai ... quả Bất lai ... phẩm vị A-la-hán ... Tôi đã từ bỏ tham ái ... Tôi đã từ bỏ sân ... Tôi đã từ bỏ, đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ si ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi sân ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si”, [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Pārājika*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”, đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định.

**Dứt sự luân phiên từng phần của một nhân tố
theo lời phát biểu của người nói.**

1. Với ba yếu tố, vị có ý định nói rằng: “Tôi đã chứng nhị thiên” lại cố tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng tam thiên”, [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Pārājika*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya*.

2. Với ba yếu tố, vị có ý định nói rằng: “Tôi đã chứng nhị thiên” lại cố tình nói điều dối trá: “Tâm của tôi không bị che lấp bởi si”, [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Pārājika*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya*.

3. Với ba yếu tố ... Với bảy yếu tố, vị có ý định nói rằng: “Tôi đã chứng nhị thiên” lại cố tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng sơ thiên”, [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Pārājika*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya* ...(nt)... đã che giấu ý định.

**Sự luân phiên kết hợp của một nhân tố
theo lời phát biểu của người nói.**

PHÂN NHÂN TỐ ĐƯỢC TÓM LƯỢC

1. Với ba yếu tố, vị có ý định nói rằng: “Tâm của tôi không bị che lấp bởi si” lại cố tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng sơ thiên”, [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Pārājika*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya*.

2. Với ba yếu tố, vị có ý định nói rằng: “Tâm của tôi không bị che lấp bởi si” lại cố tình nói điều dối trá: “Tâm của tôi không bị che lấp bởi sân”, [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Pārājika*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya*.

Dứt phần một nhân tố theo lời phát biểu của người nói.

3. Phần hai nhân tố, phần ba nhân tố, phần bốn nhân tố, phần năm nhân tố, phần sáu nhân tố, phần bảy nhân tố, phần tám nhân tố, phần chín nhân tố, phần mười nhân tố nên được thực hiện y như thế.

ĐÂY LÀ PHẦN TẮT CẢ CÁC NHÂN TỐ

1. Với ba yếu tố, ...(nt)... Với bảy yếu tố, vị có ý định nói rằng: “Tôi đã chứng sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên, vô phiền não giải thoát, vô tướng giải thoát, vô nguyện giải thoát, vô phiền não định, vô tướng định, vô nguyện định, sự chứng đạt về vô phiền não, sự chứng đạt về vô tướng, sự chứng đạt về vô nguyện, ba minh, bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy giác chi, Thánh đạo tám chi phần, quả

Nhập lưu, quả Nhất lai, quả Bất lai, phạm vị A-la-hán ... Tôi đã từ bỏ tham ái ... Tôi đã từ bỏ sân ... Tôi đã từ bỏ, đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ si, tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái, tâm của tôi không bị che lấp bởi sân, tâm của tôi không bị che lấp bởi si”, lại cố tình nói điều dối trá, [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Pārājika*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya* ...(nt)... đã che giấu ý định.

2. Với ba yếu tố, vị có ý định nói rằng: “Tôi đã chứng nhị thiên, tam thiên, tứ thiên, vô phiền não giải thoát, vô tướng giải thoát, vô nguyên giải thoát, vô phiền não định, vô tướng định, vô nguyên định, sự chứng đạt về vô phiền não, sự chứng đạt về vô tướng, sự chứng đạt về vô nguyên, ba minh, bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy giác chi, Thánh đạo tám chi phần, quả Nhập lưu, quả Nhất lai, quả Bất lai, phạm vị A-la-hán, tôi đã từ bỏ tham ái, tôi đã từ bỏ sân, tôi đã từ bỏ, đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ si, tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái, tâm của tôi không bị che lấp bởi sân, và tâm của tôi không bị che lấp bởi si” lại cố tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng sơ thiên”, [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Pārājika*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya*.

3. Với ba yếu tố, vị có ý định nói rằng: “Tôi đã chứng tam thiên, tứ thiên, ...(nt)... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si ...(nt)... và tôi đã chứng sơ thiên” lại cố tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng nhị thiên”, [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Pārājika*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya*.

4. Với ba yếu tố, vị có ý định nói rằng: “Tâm của tôi không bị che lấp bởi si, và tôi đã chứng sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên, ...(nt)... Tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái” lại cố tình nói điều dối trá: “Tâm của tôi không bị che lấp bởi sân”, [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Pārājika*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”, đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định.

Phản tất cả các nhân tố.

Dứt phần giản lược về sự luân phiên theo lời phát biểu của người nói.

Dứt phần giảng về trường hợp “Có ý định nói.”

1. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Vị Tỳ-khưu cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, đã chứng, chứng, đã chứng được sơ thiên, vị Tỳ-khưu ấy có đạt, có trú sơ thiên, sơ thiên đã được chứng ngộ bởi vị Tỳ-khưu ấy”, [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Dukkaṭa*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói

[biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói.”

2. Với bốn yếu tố ... Với năm yếu tố ... Với sáu yếu tố ... Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Vị Tỳ-khưu cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, đã chứng, chứng, đã chứng được sơ thiền, vị Tỳ-khưu ấy có đạt, có trú sơ thiền, sơ thiền đã được chứng ngộ bởi vị Tỳ-khưu ấy”, [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Dukkata*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”, đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định.

3. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Vị Tỳ-khưu cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, đã chứng ... chứng ... đã chứng được nhị thiền ... tam thiền ... tứ thiền ... vô phiền não giải thoát ... vô tướng giải thoát ... vô nguyện giải thoát ... vô phiền não định ... vô tướng định ... vô nguyện định ... sự chứng đạt về vô phiền não ... sự chứng đạt về vô tướng ... sự chứng đạt về vô nguyện ... ba minh ... bốn sự thiết lập niệm ... bốn chánh cần ... bốn nền tảng của thân thông ... năm quyền ... năm lực ... bảy giác chi ... Thánh đạo tám chi phần ... quả Nhập lưu ... quả Nhất lai ... quả Bất lai ... phẩm vị A-la-hán ... Vị Tỳ-khưu ấy có đạt phẩm vị A-la-hán ... có trú ... phẩm vị A-la-hán đã được chứng ngộ bởi vị Tỳ-khưu ấy”, [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Dukkata*.

4. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Vị Tỳ-khưu ấy đã từ bỏ tham ái ... đã từ bỏ sân ... đã từ bỏ, đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ si”, [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Dukkata*.

5. Với ba yếu tố ... Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Vị Tỳ-khưu ấy có tâm không bị che lấp bởi tham ái ... có tâm không bị che lấp bởi sân ... có tâm không bị che lấp bởi si”, [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Dukkata*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”, đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định.

6. Với ba yếu tố ... Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Vị Tỳ-khưu cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, đã chứng ... chứng... đã chứng được sơ thiền ... nhị thiền ... tam thiền ... tứ thiền ở nơi thanh vắng ... vị Tỳ-khưu ấy có đạt tứ thiền ở nơi thanh vắng ... có trú ... tứ thiền ở nơi thanh vắng đã được chứng ngộ bởi vị Tỳ-khưu ấy”, [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Dukkata*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta

sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”, đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định.

7. Với ba yếu tố ... Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Vị nào đã thọ dụng trú xá của đạo hữu, vị nào đã thọ dụng y của đạo hữu, vị nào đã thọ dụng vật thực của đạo hữu, vị nào đã thọ dụng chỗ trú ngụ của đạo hữu, vị nào đã thọ dụng thuốc men trị bệnh của đạo hữu, vị Tỳ-khưu ấy đã chứng ... chứng ... đã chứng được tứ thiên ở nơi thanh vắng, vị Tỳ-khưu ấy có đạt tứ thiên ở nơi thanh vắng ... có trú ... tứ thiên ở nơi thanh vắng đã được chứng ngộ bởi vị Tỳ-khưu ấy”, [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Dukkata*. ...(nt).

8. Với ba yếu tố ... Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Trú xá của đạo hữu đã được thọ dụng bởi vị nào, y của đạo hữu đã được thọ dụng bởi vị nào, vật thực của đạo hữu đã được thọ dụng bởi vị nào, chỗ trú ngụ của đạo hữu đã được thọ dụng bởi vị nào, thuốc men trị bệnh của đạo hữu đã được thọ dụng bởi vị nào, vị Tỳ-khưu ấy đã chứng ... chứng ... đã chứng được tứ thiên ở nơi thanh vắng, vị Tỳ-khưu ấy có đạt tứ thiên ở nơi thanh vắng ... có trú ... tứ thiên ở nơi thanh vắng đã được chứng ngộ bởi vị Tỳ-khưu ấy”, [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Dukkata*. ...(nt).

9. Với ba yếu tố ... Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Vị nào đạo hữu đã đi đến và đã dâng y, đã dâng vật thực, đã dâng chỗ trú ngụ, đã dâng thuốc men trị bệnh, vị Tỳ-khưu ấy đã chứng ... chứng ... đã chứng được tứ thiên ở nơi thanh vắng, vị Tỳ-khưu ấy có đạt tứ thiên ở nơi thanh vắng ... có trú ... tứ thiên ở nơi thanh vắng đã được chứng ngộ bởi vị Tỳ-khưu ấy”, [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Dukkata*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”, đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định.

Dứt mười lăm phần giản lược.

Dứt phần giảng về các trường hợp liên quan đến vật dụng.

Dứt phần giản lược về sự luân phiên của các pháp thượng nhân.

10. Vì sự tự tin thái quá, vị không có ý định khoác lác, vị bị điên, vị có tâm bị rối loạn, vị bị thọ khổ hành hạ, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

--oo0oo--

CHUYỆN DẪN GIẢI KỆ NGÔN TÓM LƯỢC

Do tự tin thái quá, trong rừng, đồ ăn khát thực, thầy tế độ, oai nghi, các sự trôi buộc, nơi vắng vẻ, trú xá, các pháp [thượng nhân], được hộ độ.

Không phải là việc khó, tinh tấn, tử thân, sợ hãi, này Đại đức, sự ân hận, chơn chánh, với sự tinh tấn, với sự gắn bó, đưa đến sự thành tựu, rồi có hai câu chuyện về cảm thọ.

Bà-la-môn năm chuyện, ba chuyện vị đề cập trí giải thoát, ngụ nhà, các dục đã ngăn chặn, thỏa thích và ra đi.

Bộ xương và miếng thịt, hai chuyện kẻ giết bò, cục thịt kẻ bẫy chim, không da người hàng thịt, cây gươm kẻ mổ heo, cây lao thợ săn nai, mũi tên người xử án, cây kim kẻ dạy thú.

Người đâm thọc bị khâu, mang tình hoàn quan tòa, chìm hồ kẻ ngoại tình, Bà-la-môn quý quyết là kẻ bị ăn phân.

Không da gái lăng loàn, gớm ghiếc bà bói toán, thị héo hon tàn tạ, đổ than hồng tình địch, đầu cụt kẻ trảm tù.

Tỳ-khuru, Tỳ-khuru-ni, Ni tập sự, Sa-di, rồi vị Sa-di-ni, đã xuất gia trong Luật của Phật Kassapa chúng đã làm ác nghiệp.

Dòng sông Tapodā, thành Rājagaha, chiến trận [Licchavi], và chuyện rồng lặn hụp, Tỳ-khuru Sobhita là vị A-la-hán nhớ được năm trăm kiếp.

1. Vào lúc bảy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ, do sự tự tin thái quá đã nói về trí giải thoát. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: “Điều học đã được đức Thế Tôn quy định; phải chăng ta đã phạm tội *Pārājika*?” Sau đó, vị Tỳ-khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, do sự tự tin thái quá thì vô tội. (1)

2. Vào lúc bảy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ cư ngụ ở trong rừng sau khi đã mong mỗi rằng: “Như vậy thì dân chúng sẽ kính trọng ta!” Dân chúng đã kính trọng vị ấy. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc, rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, không phạm tội *Pārājika*. Và này các Tỳ-khuru, không nên cư ngụ ở trong rừng sau khi đã mong mỗi; vị nào cư ngụ thì phạm tội *Dukkaṭa*. (2)

3. Vào lúc bảy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ đi khát thực sau khi đã mong mỗi rằng: “Như vậy thì dân chúng sẽ kính trọng ta!” Dân chúng đã kính trọng vị ấy. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc, rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Nay Tỳ-khuru, không phạm tội *Pārājika*. Và này các Tỳ-khuru, không nên đi khát thực sau khi đã mong mỗi; vị nào đi thì phạm tội *Dukkaṭa*. (3)

4. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã nói với vị Tỳ-khưu khác điều này:

– Đây Đại đức, tất cả các đệ tử của thầy tế độ của chúng ta đều là các vị A-la-hán.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc, rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Đây Tỳ-khưu, [khi ấy] người có tâm gì?

– Bạch Thế Tôn, con có ý định khoác lác.

– Đây Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*.³⁶ (4)

5. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã nói với vị Tỳ-khưu khác điều này:

– Đây Đại đức, tất cả các học trò của thầy tế độ của chúng ta đều có đại thần lực, có đại oai lực.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc, rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Đây Tỳ-khưu, [khi ấy] người có tâm gì?

– Bạch Thế Tôn, con có ý định khoác lác.

– Đây Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (5)

6. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đi kinh hành sau khi đã mong mỏi rằng: ...(nt)... đứng yên sau khi đã mong mỏi rằng: ...(nt)... ngồi xuống sau khi đã mong mỏi rằng: ...(nt)... nằm xuống sau khi đã mong mỏi rằng: “Như vậy thì dân chúng sẽ kính trọng ta!” Dân chúng đã kính trọng vị ấy. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc, rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Đây Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika*. Và này các Tỳ-khưu, không nên nằm xuống sau khi đã mong mỏi; vị nào nằm xuống thì phạm tội *Dukkaṭa*. (6-9)

7. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ khoác lác về pháp thượng nhân đến vị Tỳ-khưu khác. Vị ấy cũng đã nói như vậy:

– Đây Đại đức, những sự trói buộc của tôi cũng đã được dứt bỏ.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc, rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Đây Tỳ-khưu, người đã phạm tội *Pārājika*. (10)

8. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đi đến nơi vắng vẻ rồi khoác lác về pháp thượng nhân. Có vị Tỳ-khưu biết được tâm người khác đã phản bác vị Tỳ-khưu ấy rằng: “

– Đây Đại đức, chớ có nói như thế. Điều ấy Đại đức không có.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc, rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Đây Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Dukkaṭa*. (11)

9. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đi đến nơi vắng vẻ rồi khoác lác về pháp thượng nhân. Có vị thiên nhân đã phản bác vị Tỳ-khưu ấy rằng:

– Thừa ngài, chớ có nói như thế. Điều ấy ngài không có.

³⁶ Vị ấy vì chưa đề cập rõ ràng bản thân là A-la-hán (*Ahanti avuttatā*) nên không phạm tội *Pārājika* (*VinA*. II. 503).

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc, rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Nay Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Dukkaṭa*. (12)

10. Vào lúc bảy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã nói với nam cư sĩ nọ điều này:

– Nay đạo hữu, vị Tỳ-khưu sống trong trú xá của đạo hữu là vị A-la-hán.

Và vị Tỳ-khưu ấy sống trong trú xá của người ấy. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khưu, [khi ấy] người có tâm gì?

– Bạch Thế Tôn, con có ý định khoác lác.

– Nay Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (13)

11. Vào lúc bảy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã nói với nam cư sĩ nọ điều này:

– Nay đạo hữu, vị Tỳ-khưu mà người hộ độ bằng vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men trị bệnh là vị A-la-hán.

Và người ấy đang hộ độ vị Tỳ-khưu ấy bằng vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men trị bệnh. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc, rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Nay Tỳ-khưu, [khi ấy] người có tâm gì?

– Bạch Thế Tôn, con có ý định khoác lác.

– Nay Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (14)

12. Vào lúc bảy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu đã nói với vị ấy điều này:

– Đại đức có pháp thượng nhân không?

– Nay các Đại đức, không phải là việc khó để nói lên trí giải thoát.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: “Chỉ có những vị Thánh văn của đức Thế Tôn mới có thể nói như thế. Và ta không phải là Thánh văn của đức Thế Tôn; phải chăng ta đã phạm tội *Pārājika*?” Rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Nay Tỳ-khưu, [khi ấy] người có tâm gì?

– Bạch Thế Tôn, con không có ý định khoác lác.

– Nay Tỳ-khưu, vị không có ý định khoác lác thì vô tội. (15)

13. Vào lúc bảy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu đã nói với vị ấy điều này:

– Đại đức có pháp thượng nhân không?

– Nay các Đại đức, pháp sẽ được thành tựu với vị có sự tinh tấn đã được ra sức.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc, rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Nay Tỳ-khưu, vị không có ý định khoác lác thì vô tội. (16)

14. Vào lúc bảy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu đã nói với vị ấy điều này:

– Nay Đại đức, chớ có sợ hãi!

– Này các Đại đức, tôi không sợ hãi thần chết.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khuru, vị không có ý định khoác lác thì vô tội. (17)

15. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ bị bệnh. Các Tỳ-khuru đã nói với vị ấy điều này:

– Này Đại đức, chớ có sợ hãi!

– Này các Đại đức, có lẽ vị nào có sự ân hận thì vị ấy mới sợ hãi.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khuru, vị không có ý định khoác lác thì vô tội. (18)

16. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ bị bệnh. Các Tỳ-khuru đã nói với vị ấy điều này:

– Đại đức có pháp thượng nhân không?

– Này các Đại đức, pháp sẽ được thành tựu với vị có sự hành trì chơn chánh.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc, rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này Tỳ-khuru, vị không có ý định khoác lác thì vô tội. (19)

17. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ bị bệnh. Các Tỳ-khuru đã nói với vị ấy điều này:

– Đại đức có pháp thượng nhân không?

– Này các Đại đức, pháp sẽ được thành tựu với vị có sự tinh tấn đã được ra sức.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc, rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này Tỳ-khuru, vị không có ý định khoác lác thì vô tội.³⁷ (20)

18. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ bị bệnh. Các Tỳ-khuru đã nói với vị ấy điều này:

– Đại đức có pháp thượng nhân không?

– Này các Đại đức, pháp sẽ được thành tựu với vị có sự kiên trì gấn bó.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khuru, vị không có ý định khoác lác thì vô tội. (21)

19. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ bị bệnh. Các Tỳ-khuru đã nói với vị ấy điều này:

– Này Đại đức, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không?

– Này các Đại đức, người nào khác thì không thể chịu đựng nổi.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khuru, vị không có ý định khoác lác thì vô tội. (22)

³⁷ Câu chuyện này được lặp lại y như câu chuyện (16) ở trên.

20. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu đã nói với vị ấy điều này:

- Nay Đại đức, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không?
- Nay các Đại đức, phàm nhân thì không thể chịu đựng nổi.
- Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).
- Nay Tỳ-khưu, [khi ấy] người có tâm gì?
- Bạch Thế Tôn, con có ý định khoác lác.
- Nay Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (23)

21. Vào lúc bấy giờ, có người Bà-la-môn nọ đã thỉnh mời các Tỳ-khưu và đã nói điều này:

- Thưa các ngài, xin các vị A-la-hán hãy ngự đến.

Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc: “Chúng ta không phải là các vị A-la-hán và người Bà-la-môn này gọi chúng ta bằng từ A-la-hán. Vậy chúng ta nên xử trí như thế nào đây?” Rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

- Nay các Tỳ-khưu, vô tội trong việc xưng hô theo đức tin. (24)

22. Vào lúc bấy giờ, có người Bà-la-môn nọ đã thỉnh mời các Tỳ-khưu và đã nói điều này:

- Thưa các ngài, xin các vị A-la-hán hãy ngồi xuống. ...(nt).
- Thưa các ngài, xin các vị A-la-hán hãy thọ thực. ...(nt).
- Thưa các ngài, xin các vị A-la-hán hãy được hài lòng. ...(nt).
- Thưa các ngài, xin các vị A-la-hán hãy ra đi.

Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc: “Chúng ta không phải là các vị A-la-hán và người Bà-la-môn này lại đối xử với chúng ta bằng danh xưng A-la-hán. Vậy chúng ta nên xử trí như thế nào đây?” Rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

- Nay các Tỳ-khưu, vô tội trong việc xưng hô theo đức tin. (25-28)

23. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ khoác lác với vị Tỳ-khưu khác về pháp thượng nhân. Vị ấy cũng đã nói như vậy:

- Nay Đại đức, tôi cũng đã đoạn tận các lậu hoặc.
- Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).
- Nay Tỳ-khưu, người đã phạm tội *Pārājika*. (29)

24. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ khoác lác với vị Tỳ-khưu khác về pháp thượng nhân. Vị ấy cũng đã nói như vậy:

- Nay Đại đức, các pháp này cũng được tìm thấy ở tôi.
- Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).
- Nay Tỳ-khưu, người đã phạm tội *Pārājika*. (30)

25. Vào lúc bảy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ khoác lác với vị Tỳ-khưu khác về pháp thượng nhân. Vị ấy cũng đã nói như vậy:

– Nay Đại đức, tôi cũng thành thực các pháp này.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khưu, người đã phạm tội *Pārājika*. (31)

26. Vào lúc bảy giờ, các thân quyến đã nói với vị Tỳ-khưu nọ điều này:

– Thưa ngài, hãy đến và ngụ ở gia đình.

– Nay các đạo hữu, người như tôi không thể ngụ ở gia đình.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khưu, vị không có ý định khoác lác thì vô tội. (32)

27. Vào lúc bảy giờ, các thân quyến đã nói với vị Tỳ-khưu nọ điều này:

– Thưa ngài, hãy đến và thọ dụng các dục.

– Nay các đạo hữu, các dục của tôi đã được ngăn chặn.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khưu, vị không có ý định khoác lác thì vô tội. (33)

28. Vào lúc bảy giờ, các thân quyến đã nói với vị Tỳ-khưu nọ điều này:

– Thưa ngài, xin hãy thỏa thích.

– Nay các đạo hữu, tôi được thỏa thích với sự thỏa thích tối thượng.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: “Chỉ có những vị Thánh văn của đức Thế Tôn mới có thể nói như thế. Và ta không phải là Thánh văn của đức Thế Tôn; phải chăng ta đã phạm tội *Pārājika*?” Rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay Tỳ-khưu, [khi ấy] người có tâm gì?

– Bạch Thế Tôn, con không có ý định khoác lác.

– Nay Tỳ-khưu, vị không có ý định khoác lác thì vô tội. (34)

29. Vào lúc bảy giờ, có nhiều vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa ở trú xứ nọ sau khi thỏa thuận rằng: “Vị nào sẽ rời trú xứ này trước tiên, chúng ta sẽ biết vị ấy là vị A-la-hán.” Có vị Tỳ-khưu nọ [nghĩ rằng]: “Hãy để cho các vị biết ta là vị A-la-hán”, rồi đã rời trú xứ ấy trước tiên. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc ...(nt).

– Nay Tỳ-khưu, người đã phạm tội *Pārājika*. (35)

30. Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bảy giờ, Đại đức Lakkhaṇa và Đại đức Mahāmoggallāna cư ngụ tại Gijjhakūṭa. Khi ấy, vào buổi sáng, Đại đức Mahāmoggallāna đã mặc y, cầm y bát đi đến gặp Đại đức Lakkhaṇa, sau khi đến đã nói với Đại đức Lakkhaṇa điều này:

– Nay Đại đức Lakkhaṇa, chúng ta hãy đi vào thành Rājagaha để khát thực.

– Nay Đại đức, xin vâng.

Đại đức Lakkhaṇa đã trả lời Đại đức Mahāmoggallāna.

31. Sau đó, trong khi đi xuống từ Gijjhakūṭa, tại khu vực nọ, Đại đức Mahāmoggallāna đã mỉm cười. Khi ấy, Đại đức Lakkhaṇa đã nói với Đại đức Mahāmoggallāna điều này:

– Này Đại đức Mahāmoggallāna, nhân gì, duyên gì đưa đến việc mỉm cười vậy?

– Này Đại đức Lakkhaṇa, không phải là thời điểm của câu hỏi này, hãy hỏi ta câu hỏi này trong sự hiện diện của đức Thế Tôn.

32. Sau đó, Đại đức Lakkhaṇa và Đại đức Mahāmoggallāna đã đi khát thực trong thành Rājagaha, sau bữa ăn, khi đi khát thực trở về đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Lakkhaṇa đã nói với Đại đức Mahāmoggallāna điều này:

– Ở đây, Đại đức Mahāmoggallāna, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūṭa, tại khu vực nọ đã mỉm cười. Này Đại đức Mahāmoggallāna, nhân gì, duyên gì đưa đến việc mỉm cười vậy?

– Này Đại đức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūṭa, ta đây đã nhìn thấy bộ xương đang đi trong hư không. Có những con chim kên kên, chim quạ, chim ưng³⁸ lẫn xả lao vào bộ xương ấy, rút ra các phần ở khoảng giữa các xương sườn; bộ xương ấy đã rên rỉ khổ sở. Này Đại đức, ta đây đã khởi ý điều này: “Thật là kỳ diệu! Thật là phi thường! Cũng có chúng sanh lại trở thành như thế này! Cũng có dạ-xoa lại trở thành như thế này! Cũng có ngựa quý lại trở thành như thế này! Cũng có sự hình thành bản ngã lại là như thế này!”

Các Tỳ-khuru phản nản, phê phán, chê bai rằng: “Đại đức Mahāmoggallāna khoác lác về pháp thượng nhân.”

33. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các vị Tỳ-khuru rằng:

– Này các Tỳ-khuru, quả thật các Thánh vẫn sống với mắt thấy như thật! Này các Tỳ-khuru, quả thật các Thánh vẫn sống với trí biết như thật! Bởi vì là Thánh vẫn thì sẽ biết, hoặc sẽ thấy, hoặc sẽ chứng kiến điều như thế. Này các Tỳ-khuru, trước đây Ta đã thấy chúng sanh ấy, tuy nhiên Ta đã không nói ra. Và nếu Ta nói ra điều ấy thì những kẻ khác có thể không tin Ta, những ai không tin Ta thì việc ấy sẽ đem lại cho chúng sự bất hạnh, khổ đau lâu dài. Này các Tỳ-khuru, chúng sanh ấy đã là kẻ giết trâu bò ở ngay trong thành Rājagaha này. Kẻ ấy do quả của nghiệp ấy, sau khi đã bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm, và do quả dư sót của chính nghiệp ấy đã gánh chịu sự hình thành bản ngã có hình thức như thế. Này các Tỳ-khuru, Moggallāna đã nói sự thật. Này các Tỳ-khuru, Moggallāna không phạm tội. (36)

34. – Này Đại đức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūṭa, ta đây đã nhìn thấy miếng thịt đang đi trong hư không. Có những con chim kên kên, chim quạ,

³⁸ Ngài Buddhaghosa giải thích: Các chim kên kên, chim quạ, chim ưng này là các dạ-xoa có dạng chim, “*yakkhagijjhā yakkhakākā yakkhakulalā*” (VinA. II. 507).

chim ưng lẫn xả lao vào miếng thịt ấy, day nghiêng, rút ra; miếng thịt ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(nt).

– Nay các Tỳ-khuru, chúng sanh ấy đã là kẻ giết trâu bò ở ngay trong thành Rājagaha này. (37)

35. – Nay Đại đức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūṭa, ta đây đã nhìn thấy cục thịt đang đi trong hư không. Có những con chim kên kên, chim quạ, chim ưng lẫn xả lao vào cục thịt ấy, day nghiêng, rút ra; cục thịt ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(nt).

– Nay các Tỳ-khuru, chúng sanh ấy đã là kẻ bẫy chim ở ngay trong thành Rājagaha này. (38)

36. – Nay Đại đức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūṭa, ta đây đã nhìn thấy người đàn ông không có lớp da [bao bọc]³⁹ đang đi trong hư không. Có những con chim kên kên, chim quạ, chim ưng lẫn xả lao vào người ấy, day nghiêng, rút ra; người ấy đã rên rỉ khổ sở.” ...(nt).

– Nay các Tỳ-khuru, chúng sanh ấy đã là người hàng thịt ở ngay trong thành Rājagaha này. (39)

37. – Nay Đại đức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūṭa, ta đây đã nhìn thấy người có lông là các cây gươm đang đi trong hư không. Những cây gươm ấy lẫn xả lao vào người ấy, rơi xuống trên cơ thể của chính người ấy; người ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(nt).

– Nay các Tỳ-khuru, chúng sanh ấy đã là người mổ heo ở ngay trong thành Rājagaha này. (40)

38. – Nay Đại đức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūṭa, ta đây đã nhìn thấy người có lông là các cây lao đang đi trong hư không. Những cây lao ấy lẫn xả lao vào người ấy, rơi xuống trên cơ thể của chính người ấy; người ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(nt).

– Nay các Tỳ-khuru, chúng sanh ấy đã là người thợ săn nai ở ngay trong thành Rājagaha này. (41)

39. – Nay Đại đức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūṭa, ta đây đã nhìn thấy người có lông là các mũi tên đang đi trong hư không. Những mũi tên ấy lẫn xả lao vào người ấy, rơi xuống trên cơ thể của chính người ấy; người ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(nt).

– Nay các Tỳ-khuru, chúng sanh ấy đã là người tra khảo ở ngay trong thành Rājagaha này. (42)

40. – Nay Đại đức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūṭa, ta đây đã nhìn thấy người có lông là các cây kim đang đi trong hư không. Những cây kim ấy

³⁹ Ngài Buddhaghosa giải thích về người không có lớp da bao bọc là do việc người này đã giết các con dê, rồi lột da nên bị quả báo không có lớp da bao bọc (*VinA*. II. 509).

lăn xả lao vào người ấy, rơi xuống trên cơ thể của chính người ấy; người ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(nt).

– Đây các Tỳ-khuru, chúng sanh ấy đã là người đánh xe ở ngay trong thành Rājagaha này. (43)

41. – Đây Đại đức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūṭa, ta đây đã nhìn thấy người có lông là các cây kim đang đi trong hư không. Những cây kim ấy đã đi vào đầu của người ấy rồi đi ra từ miệng, đã đi vào miệng rồi đi ra từ ngực, đã đi vào ngực rồi đi ra từ bụng, đã đi vào bụng rồi đi ra từ hai đùi, đã đi vào hai đùi rồi đi ra từ hai cẳng chân, đã đi vào hai cẳng chân rồi đi ra từ hai bàn chân; người ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(nt).

– Đây các Tỳ-khuru, chúng sanh ấy đã là kẻ nói lời đâm thọc ở ngay trong thành Rājagaha này. (44)

42. – Đây Đại đức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūṭa, ta đây đã nhìn thấy người hình thù quỷ sứ đang đi trong hư không. Trong lúc đi, người ấy đặt hai tinh hoàn ở trên vai rồi đi. Trong khi ngồi xuống, người ấy ngồi xuống trên chính hai tinh hoàn ấy. Có những con chim kên kên, chim quạ, chim ưng lăn xả lao vào người ấy, day nghiêng, rút ra; người ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(nt).

– Đây các Tỳ-khuru, chúng sanh ấy đã là quan xử án⁴⁰ ở ngay trong thành Rājagaha này. (45)

43. – Đây Đại đức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūṭa, ta đây đã nhìn thấy người bị chìm đến tận đầu ở trong hố phân ...(nt).

– Đây các Tỳ-khuru, chúng sanh ấy đã là kẻ phạm tội ngoại tình ở ngay trong thành Rājagaha này. (46)

44. – Đây Đại đức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūṭa, ta đây đã nhìn thấy người bị chìm đến tận đầu ở trong hố phân, đang ăn phân bằng hai bàn tay ...(nt).

– Đây các Tỳ-khuru, chúng sanh ấy đã là kẻ Bà-la-môn quý quyết ở ngay trong thành Rājagaha này. Trong thời giáo pháp của đức Chánh Đẳng Giác Kassapa, kẻ ấy đã thỉnh mời hội chúng Tỳ-khuru bữa ăn. Sau khi cho người đồ đầy các máng phân và thông báo thời giờ, kẻ ấy đã nói điều này: “Đây các ngài, hãy ăn rồi hãy mang đi theo ý thích.” (47)

45. – Đây Đại đức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūṭa, ta đây đã nhìn thấy người đàn bà không có lớp da [bao bọc] đang đi trong hư không. Có những con chim kên kên, chim quạ, chim ưng lăn xả lao vào cô ấy, day nghiêng, rút ra; cô ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(nt).

– Đây các Tỳ-khuru, người đàn bà ấy đã là gái lăng loạn ở ngay trong thành Rājagaha này. (48)

⁴⁰ Người này tuy là quan xử án nhưng nhận hối lộ ở nơi kín đáo, rồi xử án thiên lệch nên bị trả quả phải phơi bày vật kín ra (*VinA.* II. 510).

46. – Nay Đại đức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūṭa, ta đây đã nhìn thấy người đàn bà hôi thối, gớm ghiếc đang đi trong hư không. Có những con chim kên kên, chim quạ, chim ưng lẫn xả lao vào cô ấy, day nghiêng, rút ra; cô ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(nt).

– Nay các Tỳ-khuru, người đàn bà ấy đã là bà bói toán ở ngay trong thành Rājagaha này. (49)

47. – Nay Đại đức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūṭa, ta đây đã nhìn thấy người đàn bà bị thiêu đốt, héo hon, tàn tạ; cô ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(nt).

– Nay các Tỳ-khuru, người đàn bà ấy đã là đệ nhất hoàng hậu của đức Vua Kāṇḍiyya. Bà ta lộ vẻ ghen tương, đã dùng chậu than cháy đỏ trút lên người tình địch. (50)

48. – Nay Đại đức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūṭa, ta đây đã nhìn thấy thi thể không đầu đang đi trong hư không, còn các con mắt và miệng thì ở trên ngực của người ấy. Có những con chim kên kên, chim quạ, chim ưng lẫn xả lao vào người ấy, day nghiêng, rút ra; người ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(nt).

– Nay các Tỳ-khuru, chúng sanh ấy đã là người xử tử bọn trộm cướp tên Hārīka ở ngay trong thành Rājagaha này. (51)

49. – Nay Đại đức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūṭa, ta đây đã nhìn thấy vị Tỳ-khuru đang đi trong hư không, y hai lớp của vị ấy bị cháy đỏ, cháy rực, có ngọn lửa, bình bát cũng bị cháy đỏ, cháy rực, có ngọn lửa, dây thắt lưng cũng bị cháy đỏ, cháy rực, có ngọn lửa, thân hình cũng bị cháy đỏ, cháy rực, có ngọn lửa; vị ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(nt).

– Nay các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru ấy đã là vị ác Tỳ-khuru ở vào thời giáo pháp của đức Chánh Đẳng Giác Kassapa. (52)

50. – Nay Đại đức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūṭa, ta đây đã nhìn thấy vị Tỳ-khuru-ni ...(nt)... đã nhìn thấy vị Ni tu tập sự ...(nt)... đã nhìn thấy vị Sa-di ...(nt)... đã nhìn thấy vị Sa-di-ni đang đi trong hư không, y hai lớp⁴¹ của vị Ni ấy bị cháy đỏ, cháy rực, có ngọn lửa, bình bát cũng bị cháy đỏ, cháy rực, có ngọn lửa, dây thắt lưng cũng bị cháy đỏ, cháy rực, có ngọn lửa, thân hình cũng bị cháy đỏ, cháy rực, có ngọn lửa; vị Ni ấy đã rên rỉ khổ sở. Nay Đại đức, ta đây đã khởi ý điều này: “Thật là kỳ diệu! Thật là phi thường! Cũng có chúng sanh lại trở thành như thế này! Cũng có dạ-xoa lại trở thành như thế này! Cũng có ngựa lại trở thành như thế này! Cũng có sự hình thành bản ngã lại là như thế này!”

Các Tỳ-khuru phản nản, phê phán, chê bai rằng: “Đại đức Mahāmoggallāna khoát lác về pháp thượng nhân.”

⁴¹ Có thể đây là một lầm lẫn trong lúc gom các đoạn văn trùng lặp lại với nhau, vì các vị Ni tu tập sự, Sa-di, Sa-di-ni không có y hai lớp (*saṅghāṭi*). Chỉ Tỳ-khuru và Tỳ-khuru-ni mới có y này.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các vị Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, quả thật các Thánh Văn sống với mắt thấy như thật! Này các Tỳ-khưu, quả thật các Thánh Văn sống với trí biết như thật! Bởi vì là Thánh Văn thì sẽ biết, hoặc sẽ thấy, hoặc sẽ chứng kiến điều như thế. Này các Tỳ-khưu, trước đây Ta đã thấy vị Sa-di-ni ấy, tuy nhiên Ta đã không nói ra. Và nếu Ta nói ra thì những kẻ khác có thể không tin Ta, những ai không tin Ta thì việc ấy sẽ đem lại cho chúng sự bất hạnh, khổ đau lâu dài. Này các Tỳ-khưu, vị Sa-di-ni ấy đã là ác Sa-di-ni ở vào thời giáo pháp của đức Chánh Đẳng Giác Kassapa. Vị Ni ấy, do quả của nghiệp ấy, đã bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm, và do quả dư sót của chính nghiệp ấy đã gánh chịu sự hình thành bản ngã có hình thức như thế. Này các Tỳ-khưu, Moggallāna đã nói sự thật. Này các Tỳ-khưu, Moggallāna không phạm tội. (53-56)

51. Khi ấy, Đại đức Mahāmoggallāna đã nói với các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Đại đức, dòng sông Tapodā chảy ra từ cái hồ có nước trong, có nước mát, có nước ngọt, có nước thanh khiết, có chỗ nghỉ chân xinh đẹp, đáng thưởng ngoạn, có nhiều cá và rùa, có những đóa hoa sen tròn nở rộ.

Các Tỳ-khưu phản nản, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao Đại đức Mahāmoggallāna lại phát biểu như vậy: ‘Này các Đại đức, dòng sông Tapodā chảy ra từ cái hồ có nước trong, có nước mát, có nước ngọt, có nước thanh khiết, có chỗ nghỉ chân xinh đẹp, đáng thưởng ngoạn, có nhiều cá và rùa, có những đóa hoa sen tròn nở rộ?’ Và lại, dòng sông Tapodā này là nóng bỏng và trôi chảy. Đại đức Mahāmoggallāna khoác lác về pháp thượng nhân.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, dòng sông Tapodā chảy ra từ cái hồ có nước trong, có nước mát, có nước ngọt, có nước thanh khiết, có chỗ nghỉ chân xinh đẹp, đáng thưởng ngoạn, có nhiều cá và rùa, có những đóa hoa sen tròn nở rộ. Này các Tỳ-khưu, tuy nhiên dòng sông Tapodā này đi qua giữa hai đại địa ngục, vì thế dòng sông Tapodā này trở nên nóng bỏng và trôi chảy. Này các Tỳ-khưu, Moggallāna đã nói sự thật. Này các Tỳ-khưu, Moggallāna không phạm tội. (57)

52. Vào lúc bấy giờ, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, trong lúc giao chiến với các vị Licchavi, đã bị đánh tan tác. Sau đó, khi đã gom góp lại đội binh hậu bị, đức vua đã đánh bại các vị Licchavi. Và trong trận chiến có sự vui mừng loan truyền rằng: “Các vị Licchavi đã bị đức vua đánh tan tác.” Khi ấy, Đại đức Mahāmoggallāna đã nói với các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Đại đức, đức vua đã bị các vị Licchavi đánh tan tác. Và trong trận chiến có sự vui mừng loan truyền rằng: “Các vị Licchavi đã bị đức vua đánh tan tác.”

Các Tỳ-khưu phản nản, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao Đại đức Mahāmoggallāna lại phát biểu như vậy: ‘Này các Đại đức, đức vua đã bị các

vị Licchavi đánh tan tác. Và trong trận chiến có sự vui mừng loan truyền rằng: Các vị Licchavi đã bị đức vua đánh tan tác?’ Đại đức Mahāmoggallāna khoác lác về pháp thượng nhân.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, trước tiên đức vua đã bị các vị Licchavi đánh tan tác. Sau đó, khi đã gom góp lại đội binh hậu bị, đức vua đã đánh bại các vị Licchavi. Nay các Tỳ-khuru, Moggallāna đã nói sự thật. Nay các Tỳ-khuru, Moggallāna không phạm tội. (58)

54.⁴² Sau đó, Đại đức Mahāmoggallāna đã nói với các Tỳ-khuru rằng:

– Nay các Đại đức, được thể nhập định bất thối, tôi đây ở nơi bờ sông Sappinikā đã nghe tiếng động của các con rồng đang hụp xuống rồi trồi lên và găm lên tiếng rồng.

Các Tỳ-khuru phản nản, phê phán, chê bai rằng: “Làm sao Đại đức Mahāmoggallāna được thể nhập định bất thối lại có thể nghe tiếng động? Đại đức Mahāmoggallāna khoác lác về pháp thượng nhân.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, có loại định này và vị ấy chưa được thuần thực lắm. Nay các Tỳ-khuru, Moggallāna đã nói sự thật. Nay các Tỳ-khuru, Moggallāna không phạm tội. (59)

55. Khi ấy, Đại đức Sobhita đã nói với các Tỳ-khuru rằng:

– Nay các Đại đức, tôi nhớ được năm trăm kiếp.

Các Tỳ-khuru phản nản, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao Đại đức Sobhita lại nói như vậy: ‘Nay các Đại đức, tôi nhớ được năm trăm kiếp?’ Đại đức Sobhita khoác lác về pháp thượng nhân.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Sobhita đã sống kiếp sống ấy và kiếp sống ấy chính là một kiếp sống của Sobhita. Nay các Tỳ-khuru, Sobhita đã nói sự thật. Nay các Tỳ-khuru, Sobhita không phạm tội. (60)

Điều Pārājika thứ tư được đầy đủ.

--oo0oo--

Bạch chư Đại đức, bốn điều Pārājika đã được đọc tụng xong. Vị Tỳ-khuru vi phạm điều nọ hoặc điều kia thuộc về các điều này thì không đạt được sự cộng trú cùng với các vị Tỳ-khuru,⁴³ trước đây như thế nào thì sau này là như vậy;⁴⁴ [vị ấy] là vị phạm tội Pārājika, không được cộng trú.

⁴² Do đánh số nhầm từ bản gốc Pāli, nên dịch giả giữ nguyên số lại như vậy để dễ đối chiếu (BBT).

⁴³ Không đạt được sự cộng trú cùng với các vị Tỳ-khuru, nghĩa là vị ấy không còn được tham dự các lễ Uposatha (lễ Bố-tát), lễ Pavāraṇā (lễ Tự tứ), việc đọc tụng Giới bốn (Pātimokkha) và các loại hành sự của hội chúng (VinA. II. 516).

⁴⁴ Trước đây như thế nào thì sau này là như vậy (yathā pure tathā pacchā), nghĩa là trước đây còn tại gia, chưa tu lên bậc trên, sự cách biệt đối với các vị Tỳ-khuru như thế nào, bây giờ, sau khi phạm tội Pārājika thì phải theo đúng như thế ấy (VinA. II. 516).

Trong các điều ấy, tôi hỏi các Đại đức rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Các Đại đức ở đây được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Dứt điều học *Pārājika*.

--oo0oo--

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY

Bốn điều *Pārājika* là: Việc đôi lứa, vật không được cho, mạng người, pháp thượng nhân. Sự việc nên được phân tích, không còn sự nghi vấn.

Dứt chương *Pārājika*.

--oo0oo--

